diễn đàn

Số 52 / 1.5.1996 ISSN 1164-2378

F O R U M

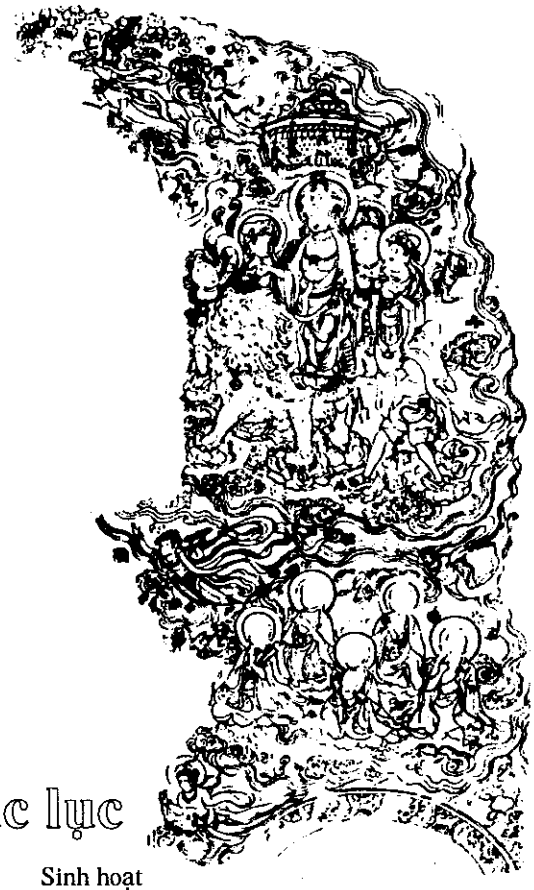

Bích hoạ ở động Kountoura gần Koutcha, Trung Á (thế kỷ 8, thời kỳ phụ thuộc nhà Đường, 630-751)

mục lục

2 Sinh hoạt

Thời sự, những vấn đề

1 Đài Loan, ý nghĩa một cuộc bầu cử — Nguyễn Quang
4 Tin tức

Hoàng Xuân Hãn, cuộc đời và sự nghiệp (2)

10 Ngọn đuốc mở đường — Bùi Mộng Hùng
11 Chút lòng với bác — Cao Huy Thuần
13 Tây Dương kỳ ngộ — Nguyễn Ngọc Giao
16 Vài lời về bác — Bùi Trọng Liễu
18 Tạp chí Khoa học xã hội — Đào Văn Thuỵ
19 Hành trình và chân dung — Trịnh Văn Thảo

Văn hoá, khoa học, nghệ thuật

21 Xem phim *Thương nhớ đồng quê* — Nhược Trần
22 Bình Nga đại cáo — Khuyết danh
24 Ngữ giới C.T.Tưởng — Nguyễn Thanh Nhã
26 Thầm lặng (*thơ*) — Cung Trầm Tưởng
27 Tranh thờ Nepal và Tây Tạng — Văn Ngọc
31 Cô Là (*truyện ngắn*) — Phan Thanh Hoài

Đài Loan : *ý nghĩa một cuộc bầu cử*

Nguyễn Quang

Trong suốt tháng ba vừa qua, cả thế giới đã trố mắt và ít nhiều quan ngại theo dõi vở tuồng tàu diễn ra tại eo biển Đài Loan. Tuồng tàu thì tất nhiên phải có phùng mang trợn mắt, hoa chân múa tay, song cũng cần nhắc lại đây là lần thứ ba từ 40 năm nay Trung Quốc biểu lộ quyết tâm chiếm lại, bằng vũ lực nếu cần, " tỉnh " Đài Loan : năm 1955, *Giải phóng quân* đã đổ bộ lên đảo Đại Trần và pháo kích hai đảo Kim Môn, Mã Tổ ; năm 1958, lại oanh tạc hai đảo này ; và lần này, trong suốt mấy tuần liền, hải quân Trung Quốc đã tập kích bằng " đạn thật " và bắn tên lửa tầm xa xuống một hải điểm chỉ cách cảng Cao Hùng (hải cảng lớn thứ ba trên thế giới) vài cây số.

Một thông điệp kép

Nhìn từ bên ngoài, người ta khó hiểu tại sao Bắc Kinh lại bị ám ảnh vì Đài Loan như vậy, tới mức cuồng ám. Từ thập niên 70 khi Bắc Kinh vào Liên Hiệp Quốc (và Đài Loan bị trục xuất), đông đảo cộng đồng quốc tế há chẳng đã thừa nhận " *Đài Loan là bộ phận của Trung Quốc* " (xem khung kèm theo), và Trung Quốc rất có thể kiên tâm thu hồi Đài Loan bằng con đường thương lượng như họ đã làm đối với Hồng Kông và Macao lắm chứ ? Năm ngoái, thủ lĩnh Giang Trạch Dân cũng đã đưa ra đề nghị 8 điểm nhằm thảo luận với nhà cầm quyền Đài Loan về vấn đề thống nhất. Vậy thì tại sao Bắc Kinh, sau bao nhiêu năm dày công tạo dựng cho mình hình ảnh một nước Trung Quốc hoà hiếu, đã sẵn sàng, trong vòng vài tuần lễ, tiêu huỷ những cố gắng đó bằng cuộc dương oai diễu võ ? Bởi vì luật chơi của quá trình thống nhất bỗng nhiên có nguy cơ bị một dữ kiện mới mẻ làm đảo lộn : cuộc bầu cử tổng thống, tạo ra cho chính quyền Đài Loan sự chính đáng của một chế độ dân chủ.

Mục tiêu không giấu giếm của Bắc Kinh trong tấn tuồng thị uy là : ngăn chặn không được, thì ít nhất cũng tác động tới tiến trình cuộc bầu cử dân chủ, mà Bắc Kinh vẫn vô tình đùa dai gọi là " *việc thay đổi cấp lãnh đạo ở vùng Đài Loan* ", trong khi Đài Loan chơi ác, nói đi nói lại rằng đây là

(xem tiếp trang 9)

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)
programme de **mai 1996**

EXPOSITION DE PHOTOS
*Sur la route mandarine d'***Olivier Bourgoin**
Delta du Mékong de **Manuel Bellili**
exposition du 3 au 29 mai
vernissage : vendredi 4 mai à 18 h 30

THEATRE :
Interprétée par la **Compagnie du Pierrot Lunaire**
Vie et mort d'un poète
Sept tableaux de **Sylvain Hinglais** sur des poèmes de **Jean Tardieu**
Samedi 4 mai à 19 h 30

RECITAL :
Hồng Ngọc, Lệ Thu et **Trần Tài** chantent
Trịnh Công Sơn, Trần Tiến et **Phú Quang**
(guitare : Harry ; violoncelle : Chahan Dinanian)
Mardi 7 mai à 20 h 00
Petite Salle de l'UNESCO (place de Fontenoy, Paris 7è)

MIME
Phương Phương présente *Au pied du banian*
et *Théâtre populaire sans parole*
Samedi 11 mai à 20 h 30

RENCONTRES POÉTIQUES
Claude Micoski présente le poète **Quốc Nguyễn**
Vendredi 24 mai à 18 h

Voyages au Vietnam & Indochine

Exemples de prix :

12 jours Paris-Paris : 10 950 F
15 jours Paris-Paris : 11 800 F

(Tarifs groupes) — Prestations standing : Hôtels 1ère catégorie, pension complète, transports aériens (vols réguliers), assurances, soirées-spectacles... Contacter :

Les AMIS du VIETNAM et de l'ASIE,
Association culturelle loi 1901
Agrément de Tourisme n°AG 075 95 0002
Spécialiste du Vietnam et de l'Indochine
Organisation des congrès, voyages d'études, circuits aventure... à la carte
Siège : 2, Square de la Salamandre, 75020 PARIS
Tél : **(1) 44 24 08 76**
Fax : **(1) 45 86 25 05**
Notre partenaire au Vietnam : VIETNAMTOURISM

sinh hoạt văn hoá văn nghệ sinh hoạt văn hoá

Đoàn múa EA SOLA lưu diễn tại Âu/Mỹ châu

Trung tuần tháng 5, đoàn múa Ea Sola sẽ trở lại Paris để bắt đầu chuyến lưu diễn quốc tế thứ ba, đúng một năm sau khi vở ***Hạn hán và cơn mưa*** (*Sécheresse et Pluie*) được trình diễn lần đầu ở Douai (bắc Pháp).

Chuyến này, Ea Sola Nguyễn Thuỷ cùng 14 cụ già Thái Bình và dàn nhạc sẽ trình diễn tại **Na Uy, Thuỵ Điển, Đan Mạch, Anh, Pháp, Hà Lan, Áo** và sang cả **Mỹ**.

Riêng tại **Pháp**, Đoàn Ea Sola sẽ chỉ trình diễn *một* buổi ở vùng Paris và *một* buổi ở vùng Maine-et-Loire :

1) **Tại vùng Paris** : 21 giờ thứ hai **20.5**. tại Théâtre Jean VILAR, 9, Ave Iouri Gagarine, 94400 **Vitry-sur-Seine** (nhất thiết phải giữ chỗ trước ở số điện thoại (1) 46 82 83 88)

2) **Tại vùng Maine-et-Loire** : ngày thứ năm 20.6 tại thị xã **St-Florent-le-Vieil** (giữa đường Angers-Nantes) trong khuôn khổ *Festival Asie/Occident* (giờ diễn và giữ chỗ : xin liên lạc với ban tổ chức Festival).

Dưới đây là lịch lưu diễn *Hạn hán và Cơn mưa* mùa xuân và mùa hè năm nay tại châu Mỹ và châu Âu :

– 24, 25, 26 và 27.5 : *Festival Spoleto*, bang South Carolina, Hoa Kỳ.

– 31.5 và 1.6 : *Festival de Bergen*, Na Uy

– 4, 5 và 6.6 : *Copenhagen, Danse scenen*, trong khuôn khổ chương trình *Copenhagen thủ phủ văn hoá Âu châu*, Đan Mạch.

– 11, 12 và 13.6 : *Royal Festival Hall*, London, Anh.

– 2 và 3.7 : *Festival Julidans* Stadsschouwburg, Amsterdam, Hà Lan.

– 10 và 11.7 : *Festival de Salzburg*, Áo.

– 24 và 25.8 : *Festival de Göteborg*, Thuỵ Điển.

Được biết sau chuyến chu du khá căng thẳng này, Đoàn Ea Sola sẽ trình diễn *Hạn hán và cơn mưa* tại Việt Nam (thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Thái Bình) đầu tháng 9 và cũng đã được mời trình diễn năm 1997 nhân dịp Hội nghị thượng đỉnh các nước *Francophonie*.

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.
Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

ới sách mới sách mới sách

Chúng tôi đã nhận được và trân trọng cảm ơn tác giả :

📖 Tập truyện ngắn của nhà văn **Thế Uyên** : ***Ông nhà văn già và cô bé gù***, nhà xuất bản Xuân Thu (California), 208 tr, 11 USD. Đây là tác phẩm thứ 28 của Thế Uyên và là cuốn thứ 7 xuất bản lần đầu tại Mỹ.

📖 **VIETNAM 1945** ***The Quest for Power***, công trình nghiên cứu của nhà sử học **David G. MARR**, nxb University of California Press, Berkeley & Los Angeles & London, 1995, 602 trang. Trong một số tới, chúng tôi sẽ trở lại công trình nghiên cứu hết sức giá trị này.

Tranh và tượng Phật giáo : Từ nay đến ngày 19.5.1996, các bạn có thể đi xem cuộc triển lãm

IDOLES DU NEPAL ET DU TIBET

tại **Musée Cernuschi** (*đóng cửa ngày thứ hai*),
7 Ave Velasquez, Paris 8è (Métro : Villiers).

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường
Tổng biên tập : Trần Hải Hạc
Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :
1/8 trang : 180 F
1/4 trang : 300 F
1/2 trang : 550 F
1 trang : 1000 F
(*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo
lần thứ hai : bớt 10 %
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và *séc* (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, sec đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung)
TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Luật ngân sách nhà nước

Sau nhiều nhọc nhằn thai nghén, luật ngân sách nhà nước cuối cùng đã ra đời trong khóa họp quốc hội tháng 3 vừa qua. Văn bản này xác lập nhiệm vụ và thẩm quyền thu chi của mỗi cấp ngân sách : quốc hội, chính phủ và các bộ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị, xã hội. Luật qui định cụ thể về nội dung, trình tự và phương pháp lập dự toán ngân sách ; về chấp hành, kế toán và quyết toán ngân sách ; về kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm.

Văn bản pháp lý do các đại biểu quốc hội thông qua còn chứa đựng một số điều chưa thỏa đáng. Đáng nói nhất là quốc hội không có điều kiện quyết định việc phân bổ ngân sách trung ương đến từng bộ và địa phương mà phải uỷ quyền nhiệm vụ đó cho ủy ban thường vụ quốc hội. Một số đại biểu đã cho rằng qui định như vậy là đi ngược lại tinh thần của hiến pháp và là một sự từ nhiệm của quốc hội.

Dù sao, sự ra đời của luật ngân sách, tự nó là một tiến bộ quan trọng trong quá trình hình thành một nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Có thể nói rằng, luật này trao cho các cơ quan dân cử thêm thực quyền, theo nghĩa : ai nắm tài chính người đó có quyền quyết định. Trước mắt, nó bắt buộc quốc hội và các hội đồng nhân dân phải cải cách nhiều hơn nữa phương thức làm việc và nhân sự để có đủ năng lực và thì giờ thẩm định các hoạt động thu chi ngân sách. Về phía chính phủ, thủ tướng Võ Văn Kiệt hứa " *sẽ tăng cường hơn nữa tính công khai trong những thể chế tài chính, chế độ quản lý chi tiêu, công tác kế toán, kiểm toán và sẽ kiên quyết xử lý những vụ tham nhũng, thất thoát đã bị phanh phui* ".

Luật ngân sách sẽ được thực thi từ năm 1997 và sẽ chi phối một khối lượng tài nguyên lên đến khoảng một phần tư tổng sản phẩm quốc nội GDP. (Tuổi Trẻ 12, 17, 21 và 23.3.96)

Lập lại bằng tú tài

Kể từ năm nay, theo quyết định của bộ giáo dục và đào tạo, các học sinh đậu tốt nghiệp phổ thông trung học và bổ túc trung học sẽ được cấp văn bằng tú tài, thay cho bằng tốt nghiệp trung học trước đây. Theo bộ trưởng Trần Hồng Quân, quyết định nói trên không phải đơn thuần là một sự đổi tên bằng cấp, mà còn " *phải có sự thay đổi về chất* ". Ông Quân nêu " *quyết tâm tổ chức một kỳ thi trung thực* " với mục đích " *tạo dư luận xã hội đồng tình với thái độ trung thực, công bằng trong thi cử, chấp nhận tỉ lệ tốt nghiệp hợp lý* ". Một số biện pháp được đưa ra như : hoán đổi giám thị giữa các tỉnh, thành ; lập những đoàn kiểm tra chéo giữa các tỉnh, thành ; thanh tra khâu chấm thi khi thấy có tỷ lệ tốt nghiệp không hợp lý.

Những thống kê của bộ giáo dục cho thấy hàng loạt các tỉnh, tập trung ở phía Bắc, có " truyền thống " lập thành tích tỷ lệ tốt nghiệp : năm 1995, những tỉnh như Quảng Ninh, Hà Tây, Hà Tĩnh đạt 99 % học sinh thi đậu phổ thông trung học ; các tỉnh như Cao Bằng, Quảng Trị, Quảng Bình đạt đến con số tuyệt đối 100 % học sinh thi đậu bổ túc trung học. Nếu xét kết quả thi riêng bộ môn Anh văn, trong khi học sinh Thành phố Hồ Chí Minh đậu 69,2 % thì nhiều tỉnh miền núi như Sơn La, Yên Bái, Cao Bằng đều vượt tỷ lệ hơn 99 % ! Vụ trưởng vụ trung học Vũ Quốc Anh thừa nhận : " *Nghịch lý ấy rất khó giải thích. Không phải hình như mà chắc chắn có điều gì đó không ổn* " !!

Điều " không ổn " đó được báo **Tuổi Trẻ** miêu tả như sau : 1/ Thực tế ở mỗi kỳ thi là kết quả chấm thi phải trình trước cho lãnh đạo tỉnh, thành xét (" *Báo cáo anh, sơ khởi chỉ có 40 % đậu. Xin anh cho ý kiến* " !). 2/ Bộ giáo dục biết rõ thực tế này, nhưng vẫn duyệt (thông qua) những kết quả đã bị chính quyền các địa phương uốn nắn lại (" *Kết quả không thật đã được công nhận bằng con dấu thật* ", tờ báo viết). (Tuổi Trẻ chủ nhật 17 và 24.3.96)

*Phát biểu của **Tú mổ cò***

Thế là, sau hơn 20 năm tú tôi cô đơn, không còn được thấy các cô cậu trẻ tuổi nối tiếp sự nghiệp vinh quang của mình, nay thật mừng mừng tủi tủi thấy ngài bộ trưởng công nhận trở lại mảnh bằng mà mình suốt đời kiêu hãnh. Oeo, hoan nghênh các *tú tỉnh uỷ !*

Nhật cho vay 670 triệu đôla

Nhật và Việt Nam đã tiến hành cuộc thảo luận cấp cao đầu tiên từ khi Việt Nam gia nhập ASEAN. Các cuộc gặp thảo luận về những vấn đề song phương và trong vùng này được hai nước đề ra năm 1993 khi thủ tướng Võ Văn Kiệt tới thăm Tokyo, nhằm tăng cường quan hệ giữa hai nước. Lần này, thứ trưởng ngoại giao Nhật Shunji Yanai đã hội đàm với bạn đồng sự Vũ Khoan tại Hà Nội trong suốt ngày thứ tư 3.4.1996.

Trước đó vài ngày, đại sứ Nhật tại Hà Nội, ông Katsunari Suzuki, và thứ trưởng Vũ Khoan đã ký kết một loạt thoả thuận Nhật cho Việt Nam vay 670 triệu đôla dành cho 8 dự án phát triển hạ tầng cơ sở. Đáng kể nhất là 313 triệu đôla cho công trình sửa sang đường xá, gồm quốc lộ số 5 nối Hà Nội với Hải Phòng và các cầu trên đường quốc lộ số 1 cũng như cầu xe lửa trên đường thống nhất. Một dự án lớn khác trị giá 196 triệu đôla, là công trình xây dựng một nhà máy nhiệt điện công suất 600 megawatt gần Hà Nội. Ngoài ra, 66 triệu đôla được dành cho các công trình thuỷ lợi ở nông thôn, 98 triệu cho dự án mở rộng cảng Cái Lan, tỉnh Quảng Ninh. Những khoản vay này đều được hưởng lãi suất ưu đãi 2,3 % trong 30 năm, với 10 năm " gia ân " (délai de grâce). Những dự án được thoả thuận sẽ được gọi thầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết. (AFP 29.3 và 4.4.1996)

Mỹ - Việt : cứ làm ăn đã

Việc bình thường hoá các quan hệ kinh tế giữa Hoa Kỳ và Việt Nam cần có thời gian mới thực hiện được, nhưng chính trị không nên can thiệp vào đó. Ông Timothy Hauser, thứ trưởng bộ thương mãi Hoa Kỳ phụ trách các vấn đề quốc tế đã tuyên bố như vậy sau hai ngày làm việc ở Hà Nội.

Dẫn đầu một đoàn 18 doanh nhân bang California, trong đó có nhiều nhà lãnh đạo các công ty kỹ thuật cao cấp, ông Hauser đã tới Hà Nội ngày 1.4 để tìm kiếm những khả năng làm ăn cho các công ty cỡ vừa và nhỏ. Sáng hôm tới nơi, ông đã cùng đoàn làm việc với thứ trưởng bộ thương mãi Việt Nam Nguyễn Xuân Quang, sau đó ông đã gặp phó thủ tướng Phan Văn Khải và thứ trưởng bộ kế hoạch và đầu tư Võ Hồng Phúc. Trong buổi gặp báo chí ngày hôm sau, sau khi chính thức khánh thành phòng thương mãi Hoa Kỳ tại Hà Nội, ông Timothy Hauser đã tuyên bố rằng " *hai bên thừa nhận rằng còn nhiều khó khăn và trở ngại, song cũng có rất nhiều triển vọng và tiềm năng lớn trong quan hệ thương mãi giữa hai nước* ".

Quan hệ này đã tiến khá nhanh từ ngày tổng thống Bill Clinton ký lệnh bãi bỏ cấm vận với Việt Nam trong năm 1994, và đã đạt doanh số 280 triệu đôla trong năm 1995. Các công ty Mỹ cũng đã đầu tư 1,2 tỉ đôla vào Việt Nam, xếp thứ 6 trong bảng các nước có đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, khi một hiệp ước thương mãi chưa được ký kết, Nhà Trắng không thể dành quy chế tối huệ quốc cho Việt Nam và hàng Việt Nam vẫn phải chịu suất thuế cao khi nhập vào Mỹ. Các thượng nghị sĩ Cộng Hoà, chiếm đa số trong thượng nghị viện, vẫn chống đối việc bình thường hoá quan hệ với Việt Nam, cụ thể là chưa sẵn sàng tổ chức việc điều trần để thông qua việc bổ nhiệm đại sứ tại Hà Nội của Nhà Trắng. (AFP 29.3, 1 và 2.4.1996)

Việt Nam - Cam Bốt, tình hình dịu hơn

Tiếp theo chuyến đi thăm Hà Nội ngày 29.3 của bộ trưởng nội vụ Cam Bốt Sar Kheng, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã dẫn đầu một phái đoàn cao cấp, gồm ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm và các thứ trưởng các bộ nội vụ, thương mãi, giao thông và kế hoạch, đi thăm Phnom Penh ngày 10.4. Đoàn đã gặp hai đồng thủ tướng Norodom Ranariddh và Hun Sen và đã được quốc vương Norodom Sihanouk tiếp. Các cuộc hội đàm được người phát ngôn của chính phủ Cam Bốt Sok An đánh giá là " rất tích cực ". Hai bên đã thoả thuận " *gìn giữ các mối quan hệ hữu hảo và giải quyết dứt điểm tranh chấp biên giới không qua con đường bạo lực* ". Theo ông Sok An, từ nay " *các tranh chấp nghiêm trọng sẽ được các thủ tướng trực tiếp giải quyết, thay vì để cho cấp địa phương như trước đây* ". Trong khi các thủ tướng hai nước gặp gỡ, các thứ trưởng cùng đi với ông Kiệt cũng đã làm việc với các bạn đồng sự Cam Bốt về những mối quan hệ song phương khác. Tuy nhiên, kết quả các cuộc gặp này không được công bố. (AFP 8 và 10.4.1996)

Những điều trông thấy

Thành tích mới của AK-47

AK-47, hay Kalachnikov, là loại súng liên thanh cầm tay nổi tiếng khắp thế giới của Liên Xô, vừa lập nên thành tích lịch sử mới : trở thành công cụ đòi nợ của ngân hàng. Thay vì gửi các ông thừa phát lại già nua và không hiệu lực tới con nợ, một giám đốc ngân hàng ở thành phố HCM, ông Đỗ Trung Kiên, đã dẫn 16 nhân viên trang bị AK tới Hải Yến Co., bao vây trụ sủ của công ty may mặc này, cắt dây điện thoại, và lấy đi nhiều trang thiết bị để " bù vào số 3 tỉ đồng – 270 000 đôla – mà ngân hàng đã cho Hải Yến vay ". Cũng may, theo báo Tuổi Trẻ, công an đã chặn bắt được các ông chủ nhà băng kiểu mới này, và tịch thu các tang vật. (tin AFP, 10.4.1996)

Biện pháp đòi nợ của các " chiến sĩ ngân hàng " của ông Kiên quả đã chứng minh được rằng con đường " xã hội chủ nghĩa " bao gồm rất nhiều sáng tạo vĩ đại. Và cái tờ báo Tuổi Trẻ một lần nữa lại chứng tỏ tính phản động của mình khi đưa tin phê phán sáng kiến kia. Tú tôi hoan nghênh đồng chí Trung Kiên !

Tú sụn

Úc rút lui khỏi cầu Mỹ Thuận

Chính phủ mới của Úc (đảng bảo thủ lên cầm quyền từ đầu tháng 3 vừa qua) có vẻ như muốn coi lại chính sách ngoại giao đối với Việt Nam của cựu thủ tướng công đảng Paul Keating ? Câu hỏi có thể được đặt ra nhân một tuyên bố của tân ngoại trưởng Alexander Downer về việc Úc có thể rút khỏi dự án xây cầu Mỹ Thuận, một trong những dự án viện trợ chính của Úc đối với Việt Nam, trị giá 99 triệu đôla Mỹ. Đại sứ Việt Nam tại Canberra, ông Trần Văn Tùng, đã không ngần ngại đặt vấn đề ở góc độ ngoại giao như trên, khi được hỏi trên đài truyền hình Úc về ý kiến của ông A. Downer. Theo ông Tùng, dự án đang được triển khai tốt, và Việt Nam " *coi đây như một biểu hiện của tình hữu nghị giữa Úc và Việt Nam* ". Ông Tùng nói thêm rằng ông đã hoan nghênh lời khẳng định của ngoại trưởng A. Downer về chính sách ưu tiên của Úc liên kết với các nước châu Á, song " *việc bãi bỏ dự án Mỹ Thuận sẽ ngăn cản những bước tiến trong việc tăng cường quan hệ giữa hai nước, và các nước ASEAN cũng sẽ nhìn vào đây để đánh giá hoạt động của Úc ở trong vùng* ". (AFP 18.4.1996)

Bảo vệ môi trường

Việt Nam không được hy sinh môi trường cho tăng trưởng kinh tế, đó là kết luận trong bản báo cáo do Chương trình về phát triển của Liên hiệp quốc UNDP soạn thảo với tiêu đề " *Gắn những vấn đề môi trường vào quyết định đầu tư ở Việt Nam* ". Theo đại diện của Liên hiệp quốc ở Hà Nội, chương trình UNDP ở Việt Nam nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của việc kiểm soát ô nhiễm để tăng trưởng kinh tế không bị suy giảm do tình trạng hủy hoại môi trường.

Dự án đầu tiên, khoảng một triệu đôla, sẽ giúp xử lý chất thải công nghiệp ở thành phố Việt Trì. Nằm trên ngã ba sông Lô, sông Đà và sông Hồng khu công nghiệp Việt Trì đang gây ô nhiễm nặng nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khoẻ của người dân Hà Nội và vùng châu thổ sông Hồng. Tiếp theo đó, UNDP dự kiến tài trợ một dự án tương tự tại khu công nghiệp Biên Hòa..

Đồng thời, người ta được biết chính phủ vừa quyết định đầu tư 28 tỉ đồng vào Vườn cấm quốc gia Tam Đảo để bảo vệ hệ sinh thái rừng, động thực vật và để điều tiết nước cho khu vực đầu nguồn, cải thiện môi sinh cho vùng trung du Bắc bộ. Ngân hàng Thế giới sẽ cho chính phủ vay 60 triệu đôla nhằm xây dựng vùng đệm quanh khu rừng cấm Nam Cát Tiến.

Vùng đệm này gồm 13 xã ở tỉnh Sông Bé, và mục tiêu của dự án là nâng cao mức sống các hộ, giúp gầy dựng ý thức bảo vệ rừng.

Quỹ thế giới bảo vệ thiên nhiên WWF cũng cho biết sẽ đầu tư 2 triệu đô la cho môi trường Việt Nam trong năm 1996. Trước mắt, WWF sẽ lập một thư viện bảo tồn ở Việt Nam để tập trung và xử lý thông tin về môi trường. (Tuổi Trẻ 23 và 28.3 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 14.3.96).

Xi-măng, sau khủng hoảng thiếu đến khủng hoảng thừa ?

Mặc dù tin được đăng trên báo Nhân Dân ngày 1.4.1996, không có vẻ gì là một thứ tin " cá tháng tư " cả : Kho dự trữ xi-măng của Việt Nam tới cuối tháng 3.1996 đã lên đến con số một triệu tấn. Không đầy một năm trước, trong hai tháng 4 và 5.1995, một " cơn sốt thiếu xi-măng " đã lan tràn khắp nước, kéo theo những cuộc mua bán đầu cơ làm tăng giá tới 100 % (xem DĐ số 42). Còn trong quý một năm nay, tổng công ty xi-măng Việt Nam đã phải giới hạn sản lượng ra lò xuống còn 2,2 triệu tấn, tức 200 000 tấn ít hơn cùng thời kỳ năm ngoái. Trong khi đó các công ty khác đã nhập từ Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, tất cả 280 000 tấn, tăng 40 % cũng so với cùng thời kỳ năm ngoái. Trong số xi-măng nhập đó, mới chỉ có 80 000 tấn bán được ra thị trường. Như vậy, số nhập dôi ra tương đương với số sản xuất nội địa bớt đi, dĩ nhiên không cắt nghĩa hiện tượng kho dự trữ tăng nhanh. Tờ báo thừa nhận nhu cầu xi-măng trên thị trường giảm nhiều và cho rằng đó là do những chậm trễ trong việc thi công các công trình. Tuy nhiên, như DĐ đã đưa tin số trước, một quan chức của tổng công ty xi-măng Việt Nam lại cắt nghĩa sự giảm sút nhu cầu này bằng tình trạng bất ổn định trong các luật lệ về quyền sử dụng đất đai, khiến người dân e ngại, tạm hoãn các việc xây cất nhà cửa. (AFP 1.4.1996)

Sài Gòn thiếu trang bị chữa cháy

Trả lời phỏng vấn của báo Vietnam News vài ngày sau vụ cháy lớn làm thiệt mạng hơn 160 người ở thủ đô Manille, giám đốc cơ quan phòng chữa cháy TP HCM, ông Nguyễn Minh Sơn đã lên tiếng báo động về khả năng xảy ra hoả tai lớn ở thành phố. Theo ông Sơn, trang bị của cơ quan ông quá cũ kỹ và ít oi, không thể đảm đương trách nhiệm khi có cháy lớn. Ba phần tư số xe phun nước đã hết thời, phần lớn cũ hơn

Y tế, giáo dục : " thu phí đúng mức " ?

Trong kỳ họp quốc hội tháng 3 vừa qua, bản báo cáo của chính phủ, do phó thủ tướng Phan Văn Khải trình bày, đưa ra nhận định sau đây về chế độ giáo dục và y tế hiện hành : " Cơ chế kinh phí hiện hành vừa không đủ trả lương đúng mức cho thầy giáo, thầy thuốc, vừa mang tính trợ cấp bình quân cho mọi người đi học, đi khám chữa bệnh trong khi sự phân tầng thu nhập trong xã hội đã diễn ra rõ nét ". Đề ra chủ trương xóa bỏ chế độ bao cấp trong hai lãnh vực học hành và sức khỏe, chính phủ khẳng định rằng " thực tế vừa đòi hỏi, vừa mở ra khả năng đổi mới cơ chế bảo đảm kinh phí giáo dục, y tế theo hướng : thu phí đúng mức một cách chính thức, công khai ; tập trung vốn tài trợ của nhà nước cho các mục tiêu ưu tiên và các đối tượng cần thiết ".

Giải thích quan niệm mới này, bộ trưởng giáo dục và đào tạo Trần Hồng Quân nói rõ : " Hiện nay, có một thực tế là trong quá trình đổi mới, sự phân tầng xã hội ngày càng lớn, những người thu nhập cao không phải là ít. Nếu ngành giáo dục vẫn tiếp tục bao cấp cho đối tượng này sẽ tạo thêm gánh nặng cho ngân sách, trong khi không giúp được những người nghèo, những đối tượng chính sách, những người khó khăn, lại không đủ ngân sách để cải thiện điều kiện giáo dục ".

Cụ thể hóa chủ trương mới của chính phủ, bộ trưởng y tế Đỗ Nguyên Phương cho biết : " Xã hội ta có tới 20 % là người nghèo, nhưng cũng có 7 % là người có thu nhập cao. Nhà nước thu viện phí để miễn phí cho người nghèo, người có công. Trước mắt, sẽ mua bảo hiểm xã hội cho người nghèo, đồng thời sẽ đề ra phí cụ thể của từng buồng bệnh, từng chu trình điều trị. Hiện nay, toàn bộ tiền thu phí chỉ bằng 30 % chi phí thực tế ".

Thật ra, từ khi mà đất nước bước vào nền kinh tế thị trường với sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội, chế độ giáo dục và y tế miễn phí đã cáo chung, và sự phân biệt đối xử dựa trên tiền đã là thực tế ở các nhà trường và bệnh viện. Ngày hôm nay, nhân danh công bằng xã hội, chính phủ chính thức khai tử chế độ bao cấp trong lĩnh vực học hành và sức khoẻ, và định chế hóa chế độ học phí và viện phí. Lập luận nêu lên có vẻ hợp lý, song câu hỏi đặt ra là chủ trương " thu phí đúng mức " những người có điều kiện trả và " miễn phí " những người nghèo liệu có khả thi và giảm bất công trong xã hội hay không ? Dư luận người dân nghi ngờ không phải không có căn cứ. Hai vấn đề thiết thực đã được nêu lên mặt báo (Lao Động 21.3.96) :

– Làm sao phân định người " giàu ", người " nghèo ", người phải đóng học phí và người được miễn, khi mà nhà nước chỉ kiểm được những nguồn thu nhập chính thức của người dân, và trong khi những nguồn thu nhập ngầm và không chính qui đã trở nên nguồn chủ yếu của đại đa số (kể cả trong thành phần cán bộ chính quyền) ?

– Làm sao có thể bảo đảm bình đẳng giữa những người bệnh trả và không trả viện phí, và tránh khỏi chế độ y tế " hai tốc độ ", khi mà hiện tại những người chữa bệnh bằng bảo hiểm xã hội đã là những " công dân hạng hai " trong các bệnh viện ?

Nếu không khả thi, chủ trương nói trên sẽ chỉ là bình phong che đậy một sự thoái thác trách nhiệm của nhà nước trước xu thế thị trường hóa nền giáo dục và y tế. Lo ngại này càng chính đáng khi người ta được nghe tuyên bố khá kinh tế chủ nghĩa của thủ tướng Võ Văn Kiệt, theo đó " giáo dục là tạo nguồn nhân lực lớn cho phát triển, cho nên không phải là phúc lợi xã hội, lại càng không phải vấn đề cứu tế ".

Hải Vân

20 năm, có chiếc tới 50 tuổi ! Cả cơ quan chỉ có một chiếc xe đủ sức phun nước lên các bin-đinh cao tầng đang được xây cất ngày càng nhiều ở thành phố. Mỗi nhóm 20 người lính cứu hoả chỉ có một bộ đồ và một mặt nạ chống lửa. Thành phố cần có khoảng 3000 nguồn nước máy cứu hoả, nhưng hiện tại chỉ có 600, trong đó ít nhất một phần ba không còn dùng được. Ông Sơn còn nhấn mạnh công tác phòng cháy thường không được ai quan tâm đến. Như vụ cháy ở bệnh viện Chợ Rẫy tháng giêng vừa qua, làm một người chết và thiệt hại vật chất nặng nề, lẽ ra đã có thể được ngăn chặn, nếu như hệ thống báo động và các bình khí chống lửa hoạt động bình thường.

Trong năm 1995, 170 vụ hoả hoạn đã xảy ra trong thành phố, làm thiệt mạng 11 người. Trong quý 1 năm nay, 60 vụ đã xảy ra, làm 7 người chết và gây nhiều thiệt hại nặng nề khác. (AFP 6.4.1996)

Tin ngắn

• Theo bộ trưởng Phan Văn Tiệm, trưởng ban chỉ đạo về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, mục tiêu **năm 1996** của chính phủ là **cổ phần hóa từ 150 đến 200 doanh nghiệp nhà nước**. Đồng thời, bộ trưởng tài chính Hồ Tế cho biết, năm 1996, Việt Nam chưa thể có thị trường chứng khoán mà cần ít nhất ba năm chuẩn bị thêm nữa.

• Trong tháng 3 vừa qua, bộ kế hoạch và đầu tư , được sự tài trợ của Quĩ Nippon (Nhật Bản), đã cho ra mắt **Trung tâm dự báo kinh tế**. Phía Nhật giúp đào tạo chuyên viên dự báo, cung cấp các thiết bị chứa thông tin dữ liệu, máy tính cá nhân nối mạng, phần mềm chuyên dụng cho dự báo và xây dựng hai mô hình (cung dài hạn và cầu ngắn hạn ; mô hình hóa sự phát triển kinh tế Việt Nam).

• Theo bộ trưởng phụ trách chống tham nhũng và buôn lậu Nguyễn Kỳ Cẩm, trong 6 tháng đầu năm 1995, tổng số **gạo xuất lậu** ước lên đến hàng trăm ngàn tấn. Ông Cẩm cho biết " hầu hết " các phương tiện chuyên chở là của quân đội và các doanh nghiệp nhà nước.

• **Tham ô** 107 lượng vàng (khoảng 500 triệu đồng), ông Nguyễn Văn Phương, giám đốc Công ty xây dựng nhà (thuộc sở nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh) đã bị tòa án thành phố phạt ba năm tù treo. Cũng là tội tham ô (732 triệu đồng), ông Trác Văn Khanh, trưởng trạm kinh doanh (thuộc Công ty thương mại Gia Định), đã bị toà án tuyên án tù chung thân.

• Bộ trưởng nội vụ Bùi Thiện Ngộ vừa bổ nhiệm đại tá Bùi Quốc Huy, tổng cục trưởng an ninh, làm **giám đốc công an Thành phố** Hồ Chí Minh, thay cho đại tá Nguyễn Hữu Khương. Đại tá Thân Thanh Huyện được bổ nhiệm chỉ huy lực lượng cảnh sát thành phố thay cho đại tá Trần Văn Tạo.

• Công trình xây dựng **trung tâm du lịch Côn đảo**, do công ty Hàn Quốc PMC Jinwon đứng đầu, sẽ khởi công từ tháng 6 năm nay và không phải trị giá 8,5 triệu đôla như Diễn Đàn số 50 đã đưa tin (đây chỉ là vốn ban đầu của các công ty tham gia), mà là 290 triệu đôla !

• Theo báo Lao Động, tòa **nhà cao tầng cao nhất Hà Nội**, thuộc công ty liên doanh Hàn - Việt Daeha, **đã lún nghiêng tới 20 cm**. Tại thủ đô hiện nay, đã có hơn 100 ngôi nhà cao tầng, trong đó có một số khách sạn, bị lún nứt vì những thi công lúc đầu không đảm bảo và không được giám sát, nghiệm thu một cách kỹ lưỡng.

• Một dự án liên doanh Úc - Việt, trị giá 23 triệu đô la, sẽ xây **bệnh viện tư nhân đầu tiên ở Hà Nội**. Một dự án thứ hai sẽ được cấp giấy phép để xây dựng bệnh viện Hoàn Kiếm, trị giá 20 triệu đô la và cũng phục vụ chủ yếu người nước ngoài sống tại thủ đô.

• Vào đầu tháng năm, hãng hàng không Áo **Lauda Air** sẽ **mở đường bay đến Việt Nam**. Hằng tuần (ngày thứ sáu), một chuyến bay sẽ nối liền thủ đô Vienna và Thành phố Hồ Chí Minh.

• Sáu **diễn viên sân khấu xuất sắc** năm 1995 do tạp chí Sân khấu (Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam) bình chọn gồm : Thành Lộc (Kịch nói, Thành phố Hồ Chí Minh), Vũ Linh (cải lương, TPHCM), Anh Tú (Nhà hát tuổi trẻ), Thanh Mai (Liên đoàn xiếc Việt Nam), Quốc Trượng (đoàn chèo Tổng cục hậu cần), Hồng Lựu (đoàn kịch hát ví dặm Nghệ An).

• **Giải Trần Hữu Trang 1995** đã tặng huy chương vàng duy nhất cho nghệ sĩ Vũ Linh. Giải diễn viên triển vọng (dưới 25 tuổi) được trao cho : Cẩm Tiên, Tú Sương, Phượng Ngân và Trinh Trinh.

• Với sự giúp đỡ của tổ chức CODEV Việt - Pháp, **nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị** đã khai trương lớp " *phát triển năng khiếu mỹ thuật trẻ em khuyết tật* " đầu tiên ở Huế. Chương trình gồm có các môn hội họa, điêu khắc, tạo hình tổng hợp với các chất liệu giấy, phấn, bút, đất sét, thạch cao, gỗ, kim loại .v.v.

• Để chống nạn **số đề** (xổ số bất hợp pháp) phát triển mạnh tại nhiều địa phương, chính phủ đã ra lệnh cấm đưa kết quả xổ số chính thức của nhà nước trên các đài truyền thanh và truyền hình. Lý do là các đầu nậu số đề tổ chức trò chơi của mình dựa trên hai con số chót của số thắng xổ số chính thức !

• Công ty điện lực Hà Nội đã cho biết công trình nghiên cứu khả thi về nhà máy **thuỷ điện Sơn La** sẽ được hoàn thành trong năm tới. Theo dự án, nhà máy sẽ được xây dựng trên thượng nguồn sông Đà, khi hoàn thành vào năm 2007 sẽ có sản lượng 15 tỉ kilowatt-giờ / năm, với ngân sách xây dựng lên đến 3,2 tỉ đôla. Nhiều công ty nước ngoài đã tỏ ý muốn tham gia dự án.

• Theo tờ Saigon Times Daily, để " góp phần ngăn chặn các sản phẩm văn hoá độc hại " hiện nay, chính phủ đã quyết định đầu tư **175 triệu đôla để xây cất các công trình văn hoá, thông tin** trong năm năm tới, gồm có hai nhà hát tại Hà Nội, các xưởng phim mới ở cả hai miền bắc, nam, một tháp ăng-ten phát sóng ở phía bắc, ba sân vận động v.v... !

• Theo một bài báo Hà Nội Mới, mỗi năm hơn **15 000 tấn ma tuý** được đưa vào Việt Nam, cho tiêu thụ tại chỗ và thuyên chuyển đi nước khác. Riêng lượng ma tuý đi qua Hà Nội hàng năm được ước tính tới 5 400 tấn. Năm ngoái, công an đã khám phá 250 vụ buôn ma tuý và bắt giữ 300 con buôn, cả người Việt và người nước ngoài.

(Xem thêm phần Tin tức trang 30)

Hãy nhìn thẳng vào sự thật

Từ lâu bộ giáo dục - đào tạo, những nhà giáo có tâm huyết ... từng trăn trở làm sao phát huy được tính chủ động tích cực của học trò. Cho đến nay, ước mơ lớn của chúng ta vẫn còn xa với thực tế dạy và học ở các trường phổ thông trung học.

Về phía thầy, khoảng 70 % được đào tạo trong thời gian bao cấp. Giảng dạy theo lối cũ đã thành thói quen. Hiện nay số giáo viên thực tâm với nghề nghiệp, có nghiên cứu, suy nghĩ trên từng bài giảng một cách chu đáo, trong mỗi tỉnh có thể đếm trên đầu ngón tay. Số giáo viên dạy theo sách hướng dẫn, xem xét bài vở qua loa, không đọc sách báo, chiếm khoảng 50 %. Còn lại là yếu kém. Có một số giàu có sung túc đi dạy làm vui. Có một số coi việc dạy là nghề tay trái. Có một số chọn lầm nghề ...

Mới có tình trạng dạy không thèm đọc sách giáo khoa, nhớ đâu nói đó. Chẳng hạn câu thơ : " Có nhớ dáng người trên độc mộc " trong bài Tây Tiến của Quang Dũng, một giáo viên đọc và giảng " Có nhớ *giàng* người trên độc mộc ". Học sinh hỏi, thầy bình tĩnh giải thích : " *Quang Dũng sử dụng tiếng dân tộc, giàng là trời, bóng người hiện lên trời đẹp lắm* ".

Về phía trò, 70 % không đọc sách giáo khoa, không làm bài, học bài trước giờ lên lớp. Tôi điều tra bốn trường trung học, hai trường ở thành phố và hai trường ở nông thôn, thấy con số như sau :

– Trong 100 em ở thành phố, có 10 em đạt yêu cầu, nghĩa là các em có học, viết được, nói rõ ra từ 5 điểm trở lên. 45 % loại 3, 4 điểm. Còn lại không biết gì. Viết chữ Việt không được (chữ viết không thành, câu càng sai).

– Ở nông thôn, trong 100 em có 15 em học được. 50 % điểm 3, 4. Còn lại không biết gì.

Học kỳ 1 (1995 - 1996), trường tôi tổ chức thi nghiêm, coi thi ba giáo viên mỗi phòng. Kết quả có lớp 50 em chỉ có 4 em đạt yêu cầu. Chắc các thầy cô giáo không ngạc nhiên trước thực tế ấy, nhưng nhiều người khác sẽ ngạc nhiên. Bởi hằng năm các em lên lớp 80 - 90 %. Thi tốt nghiệp lớp 12 đạt 80 - 90 %, thậm chí 100 %. Trước hết bởi các thầy các cô ngại cho điểm đúng sẽ bị học trò cho là hung dữ, " la sát " ..., không đạt chỉ tiêu thì không tiên tiến, không lên lương ... Chi bằng mọi chuyện cho êm còn làm việc khác. (...)

Trước khi viết bài này tôi cũng đắn đo khá nhiều : nên chăng ? Tôi nghĩ, muốn xoay chuyển tình thế thì phải đánh giá đúng sự thật. Nếu không chúng ta sẽ xây lầu trên cát. Đã có biết bao bài học như thế.

Trương Tham (nhà giáo ưu tú,
trường Trưng Vương, Qui Nhơn)

Kích thích lớp trẻ sáng tạo

(...) Một trong những chiến lược quan trọng nhất để đảm bảo sự phát triển kinh tế dài hạn là giáo dục. Tương lai của Việt Nam – tựa như các nước đồi dào lao động khác ở châu Á – rốt cuộc tùy thuộc vào việc cải thiện vốn nhân lực. Thành công bước đầu của việc thực hiện tăng trưởng nhanh thông qua nhập khẩu vốn, thiết bị máy móc và công nghệ sẽ bị tắc nghẽn nếu điều đó không được thực hiện cùng lúc với sự cải thiện về chất lượng, kiến thức, và trình độ khoa học của người lao động. (...) Các nước châu Á có mức thu nhập trung bình đã chú trọng phát triển giáo dục, nhưng khi xét đến chất lượng của giáo dục hơn là số lượng, thì nền giáo dục châu Á còn tụt hậu so với phương Tây. Phương cách giáo dục ở phần lớn các nước châu Á thường chống lại việc kích thích sự sáng tạo. Mở rộng giáo dục thì dễ dàng, nhưng nâng cao chất lượng thì khó khăn hơn. Có lẽ, kế hoạch quan trọng nhất của chính quyền là cải tổ nền giáo dục nhằm kích thích sự sáng tạo ở giới trẻ, và làm cho họ thấm nhuần những hiểu biết hợp lý về cả các giá trị mới cũng như các giá trị cổ truyền. Hướng cơ bản để thực hiện tùy thuộc vào nhiều điều kiện, nhưng nếu giáo dục không được cải thiện đúng nghĩa thì sự thành công ban đầu của công nghiệp hóa nhờ nhập khẩu vốn, thiết bị máy móc và công nghệ sẽ không thể tự phát triển thành tăng trưởng bền vững được.

Việt Nam có một số yếu tố thuận lợi là nguồn nhân lực dồi dào và nền nông nghiệp vững mạnh làm chỗ dựa cho nền kinh tế phát triển trong thập kỷ tới. Tuy nhiên, chúng ta phải nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển nhân lực với trình độ chuyên môn cao cần thiết cho một nền kinh tế dựa vào công nghiệp chế tạo, công nghiệp kỹ thuật cao chứ không phải vào nông nghiệp hay công nghiệp sử dụng nhiều lao động lương thấp.

Chi tiêu của chính quyền dành cho giáo dục, khoa học và công nghệ ở nhiều nước đang phát triển được thừa nhận là không đủ, đặc biệt ở nước ta khoản ấy còn rất thấp, nhưng nhiều nhà nghiên cứu giáo dục thường có sự dè dặt đối với các loại ý kiến tăng ngân sách giáo dục đơn thuần này, vì chi tiêu của chính quyền chỉ là một trong quá nhiều yếu tố cần thiết cho sự phát triển giáo dục đại học. Những yếu tố thực tế như trình độ, năng lực và động cơ của các nhà nghiên cứu, tinh thần hợp tác đồng đội trong các tổ chức nghiên cứu, và yêu cầu về nghiên cứu của các doanh nghiệp thường quan trọng hơn cả tiền.

Quan trọng nhất là nhu cầu của các doanh nghiệp đối với công nghệ, không có nó việc tăng chi tiêu công cộng cho khoa học và công nghệ sẽ không có lợi ích gì. (...) Nếu các doanh nghiệp lệ thuộc hoàn toàn vào công nghệ nhập khẩu, sẽ có ít cơ hội cho công nghệ trong nước cải tiến. Hơn thế nữa, nếu các doanh nghiệp được điều hành bởi hệ thống hành chính quan liêu, và việc quản lý doanh nghiệp không cho phép kích thích sự cải tiến đổi mới công nghệ, thì việc tăng chi tiêu để cải tiến công nghệ cũng không có lợi ích gì.

Những vấn đề này liên quan đến cả chính sách mậu dịch và chính sách công nghiệp, chính sách khuyến khích đầu tư nhằm phát triển công nghệ tiên tiến cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Như thế việc cải tổ các lĩnh vực khác phải được tiến hành đồng thời và nhất quán với công cuộc cải tổ giáo dục đại học mới mong Việt Nam phát triển nhanh và bền vững được theo chiến lược công nghiệp hóa hướng kỹ thuật cao.

tiến sĩ Nguyễn Thiện Tống
(Tuổi Trẻ chủ nhật 31.3.96)

Đài Loan (tiếp theo trang 1)

cuộc bầu cử tự do đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc (và trong lịch sử thế giới Hán hoá, nếu không kể Nhật Bản).

Thật vậy, có thể nói rằng đó là một sự kiện quan trọng bao hàm cùng một lúc hai thông điệp :

1) Mặc dầu Trung Quốc hăm doạ, có lẽ chính vì Trung Quốc hăm doạ, cử tri Đài Loan đã đi bỏ phiếu đông đảo (76 %) và đã dồn 54 % số phiếu cho đương kim tổng thống Lý Đăng Huy, đối tượng số 1 những mũi dùi đả kích của Bắc Kinh. Họ Lý là đối tượng số 1 trước hết vì ông là người gốc Đài Loan, tiêu biểu cho đa số (80 %) người bản địa, không nhất thiết chia sẻ giấc mơ một nước " Đại Trung Hoa " ; lại là một chính khách *kiểu Mỹ*, sản phẩm tiêu biểu của thành phần thượng lưu đã được đào tạo tại các trường đại học Hoa Kỳ (1), trước kia họ thường ở lại luôn bên Mỹ (cái thời Đài Loan bị *brain drain*, bị hút chất xám), nhưng ngày nay, từ khi Đài Loan cất cánh về kinh tế, đã tề tựu trở về ; cuối cùng — trong con mắt của Bắc Kinh, đây có lẽ là cái tội lớn nhất của Lý Đăng Huy — ông là một " tên phản bội " đã phá tan sự độc quyền độc đảng của Trung Hoa Quốc dân đảng, thiết lập chế độ đa nguyên dân chủ (2). Các vị trưởng lão ở Trung Nam Hải hẳn đang tiếc nuối cái thời mà THQDĐ một mình ngự trị Đài Loan y hệt chính họ đang ngự trị Hoa Lục (cách đây mười năm thôi, ở Đài Loan, chẳng ai, kể cả giới đại học, dám lên tiếng phê bình Tưởng Giới Thạch và những người kế tục). Cuộc bầu cử dân chủ đã thay đổi hẳn luật chơi của viễn tượng thống nhất Trung Hoa : nó đặt ra vấn đề tự do chọn lựa. Một quyền tự do đầy hấp dẫn đối với người dân Hồng Kông, Macao, và cả Bắc Kinh. Đó chính là căn nguyên cơn cuồng nộ của Bắc Kinh. Thông qua những nhà báo viên chức, họ đã chẳng tuyên bố là họ sẽ không ngần ngại tiến hành chiến tranh để " thu hồi Đài Loan " ? đe doạ bỏ bom nguyên tử xuống Los Angeles nếu Mỹ can thiệp ? Người ta chỉ phản ứng như vậy khi đất nước mình bị xâm lược, và đó chính là điều Bắc Kinh muốn nói. Có điều sự xâm lược ở đây hơi khác đời : đó là sự xuất hiện của nền dân chủ tại một " tỉnh " của thiên triều.

2) Quan trọng hơn nữa, " thông điệp dân chủ " không chỉ gửi tới Bắc Kinh. Nó còn hướng về phía Sinpapore, Malaysia, hai nước đang giương cao ngọn cờ chủ thuyết " *phát triển trong đặc thù văn hoá* ", theo đó muốn hiện đại hoá kinh tế phải có một chế độ cực quyền, thậm chí họ còn dám cho rằng chế độ cực quyền sáng suốt (truyền thống " minh quân ") gần như là một " giá trị Á châu ". Thế mà Đài Loan lại là một trong những " con rồng " đầu tiên đã cất cánh ở châu Á : đứng hàng thứ 14 trong các nước xuất khẩu (trên cả Trung Quốc !), đứng hàng nhì về dự trữ ngoại tệ (chỉ thua Nhật Bản), GDP đạt 11 000 USD / đầu người, ngang hàng với New Zealand. Ai đi thăm Đài Loan mấy năm gần đây cũng giữ lại một ấn tượng mạnh về trình độ phát triển của đảo này : nhà cửa, xe cộ, giải trí, du hành... người dân Đài Loan trung bình không còn có tương quan gì với " phương thức sản xuất châu Á " với mức sống chỉ vừa vặn bảo đảm sự sống còn (như tình hình chung ở Trung Quốc hay ở Việt Nam). Sự phát triển kinh tế lại không gây ra suy thoái văn hoá : cho dù ảnh hưởng Mỹ lan tràn, các giá trị truyền thống (cấu trúc gia đình, di sản văn hoá) vẫn tồn tại. Theo một nhà nghiên cứu của Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học (CNRS Pháp) hiện làm việc tại Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc hiện đại ở Đài Bắc, chính nhờ công cuộc dân chủ hoá (năm 1987) mà văn hoá Đài Loan đã bắt đầu biểu lộ. Nói tóm lại, không cần phải khái quát hoá một cách quá lý thuyết, ta có thể nói rằng thí dụ Đài Loan là sự phủ nhận những lời thuyết giảng của Singapore và Bắc Kinh và là sự xác nhận câu nói nổi tiếng của Hegel : tiến trình dân chủ đi liền với sự phát triển của các giai cấp trung lưu, giống như con chuột chũi cứ lầm lũi đào hang ngầm mà tiến tới.

♋

Một sự kiện đáng kể như vậy — sự xuất hiện nền dân chủ tại một vùng đất văn hoá châu Á mà không ít người cho rằng nó xung khắc với ý thức dân chủ — tiếc thay ở phương Tây đã không mấy được quan tâm. Chỉ có Washington là đã phản ứng trước hành động của Trung Quốc, vì những lý do chiến lược hiển nhiên. Liên Hiệp Quốc mà uy tín đã mai một ở Somalia, Bosnia... thì không bình luận (ông Boutros-Ghali nói : đây là " công việc nội bộ của Trung Quốc "). Còn châu Âu cổ kính thì im như thóc. Hay đúng hơn, do một lịch hẹn ác độc, người ta đã nghe thấy tiếng nói của châu Âu cất lên trong mùa xuân năm 1996 này để bàn chuyện làm ăn buôn bán. Mở đầu là tại Băng Cốc, trong cuộc hội nghị thượng đỉnh Âu-Á. Chính tại đây, chủ tịch hội nghị (thủ tướng Thái Lan) đã tuyên bố ông " *cho rằng vấn đề trẻ em lao động là một vấn đề không nằm trong chương trình nghị sự* " còn vấn đề nhân quyền cũng ngang tầm như " *vấn đề rửa tiền ma tuý hay vấn đề nạn khủng bố quốc tế* ". Tiếp theo là ở Paris, với chuyến công du của thủ tướng Lý Bằng, người đã có trọng trách trong vụ thảm sát Thiên An Môn. Tại đây, họ Lý Bắc Kinh đã có thể kiểm nghiệm rằng, " *sau khi người ta phải tỏ ra kinh ngạc cho phải phép* " (nói như báo Le Figaro), những tấm thảm đỏ đã được trải ra, và người ta có thể thoả thuận với nhau về giá cả mà không cần đồng ý về giá trị. Montesquieu ngày xưa đã nói gì ấy nhỉ ? « *Các cường quốc được xây dựng bằng thương mại có thể sống lâu trong sự nhỏ nhen tầm thường, nhưng sự vĩ đại của chúng thì chẳng bao giờ trường tồn* ».

NGUYỄN QUANG
(Kiến Văn *biên dịch*)

Cũng như Pháp (1964) và Mỹ (1979), phần lớn các nước trên thế giới (trừ 31 nước) đã công nhận Bắc Kinh, chính thức hoặc trên thực tế thừa nhận " *Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc* " và cắt quan hệ ngoại giao với Đài Loan.

Đài Loan bị Hà Lan chiếm từ 1624 đến 1661. Tây Ban Nha đã hai lần (1629 và 1642), Pháp một lần (1885) mưu toan chiếm đảo này. Triều đình Mãn Thanh thôn tính hòn đảo năm 1661, đến năm 1895 phải nhường cho Nhật. Đài Loan bị Nhật đô hộ cho đến khi quân đội Nhật hoàng bại trận năm 1945.

Quân đội Tưởng Giới Thạch chạy ra Đài Loan năm 1949 sau khi bị quân đội Mao Trạch Đông đánh bại. Dưới danh hiệu Trung Hoa Dân Quốc, chính quyền Đài Bắc vẫn khẳng định chủ quyền của mình trên toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, từ đó cho đến năm 1987, lúc bãi bỏ quân luật. Hiện nay, Đài Loan vẫn nói tới " thống nhất tổ quốc " nhưng là sự " thống nhất lâu dài " và với điều kiện dân chủ hoá chế độ Bắc Kinh.

(1) Lý Đăng Huy tốt nghiệp trường đại học Cornell. Năm ngoái ông về thăm trường cũ trong khuôn khổ một cuộc " tư du " và đã gây ra sóng gió trong quan hệ ngoại giao Trung-Mỹ.

(2) Trong não trạng của nhà cầm quyền Bắc Kinh (không phải chỉ Bắc Kinh), còn một " tên phản bội " nữa, bạn đọc cũng đoán ra là ai : M. Gorbatchev.

Hoàng Xuân Hãn
ngọn đuốc mở đường
văn hoá khoa học dân tộc

Bùi Mộng Hùng

Cây đại thụ sừng sững. Tươi mát tiếp nhận đám hậu sinh, từ trước tới nay vẫn quen đến dưới bóng, đem các vấn đề khó giải, văn học, lịch sử, chữ nôm, chữ Hán ra hỏi. Và từ trước tới nay vẫn phong cách ấy, vẫn lời lẽ từ tốn, giản dị hồn nhiên, khi sâu sắc, khi sôi nổi, không bao giờ mệt mỏi. Biết Bác tuổi cao, chín năm trước đã làm lễ mừng Bác thọ bát tuần, nhưng hễ xin là được gặp, gặp là được thích thú hầu chuyện, tưởng đâu sẽ cứ như thế, mãi mãi...

Bỗng nghe tin Bác mất. Cây đại thụ ngã xuống. Vắng cả một bầu trời. Mất đi một cái gì cao quý. Tắt đi một ngọn đuốc sáng – lại là ngọn đuốc cuối cùng còn sót lại – của thế hệ mở đường cho văn hoá dân tộc, vào thời điểm tranh tối tranh sáng, sau mấy mươi năm tiếp xúc với Tây phương *" kẻ tân-học đạt được trình-độ cao-cấp còn hiếm-hoi, mà nhất là kẻ tân-học đã mấy ai còn tưởng đến cựu-học, đã có mấy ai gọi là có học tiếng nước nhà một cách chu-đáo. "* (Tựa **Danh từ khoa học** lần in đầu, 1942).

Ngọn đuốc, khi còn đen tối, đã soi rõ chân trời chiến lược. Dài lâu cho dân tộc. Thẳng vào những vướng mắc then chốt.

Trong khi còn sống dưới chế độ Pháp thuộc, *" ít ai đã chịu dùng danh từ khoa học bằng tiếng Việt "* (Tựa bản in lại, Hà Nội, 1946), Hoàng Xuân Hãn không quản ngại đứng ra cáng đáng một công việc *" không có gì đặc sắc và hứng thú "* : làm một tập danh từ của những ý khoa học. Sáng tạo, chớ không phải là dịch, *" vì muốn dịch, trước hết phải có tiếng tương-đương ở Pháp-ngữ và Việt-ngữ "* (Tựa, 1942).

Lý do : *" Chỉ vì thiếu tiếng nói ra nên sự tiến-bộ của ta chậm chạp, cách lý-luận của ta mập mờ. "* (Tựa, 1942). Ngôn ngữ khoa học dân tộc là chìa khoá của lý luận minh bạch, là điều kiện tất yếu để cho cả dân tộc tiến nhanh : cái quan niệm sáng suốt và chí lý này, hệ quả chẳng những thế hệ hôm nay đang thừa hưởng, mà tác dụng còn lâu dài cho các thế hệ đi sau.

Hệ quả được sâu rộng và dài lâu như vậy, vì khác với nhiều người cùng thời khi phải dùng tiếng khoa học *" chỉ đặt ít chữ cần dùng tạm thời "*, Hoàng Xuân Hãn *" gia-công giải-quyết vấn-đề trong một toàn-thể khoa-học, là những khoa-học cơ-bản và chính-xác : toán-học, lý-hoá-học, cơ-học "* (Tựa, 1942).

Ông ý thức sâu sắc rằng, khác với tình trạng phương Tây – mỗi lúc họ chỉ cần đặt chữ để gọi một vài ý mới, các ý cũ họ đã có cả rồi – *" ... chúng ta có hàng vạn ý mới tối trong óc ta. Ta trong một lúc phải tìm tên cho hàng vạn ý ấy. "* Ông quan niệm toàn thể danh từ khoa học phải có tính cách duy nhất và tổng quát (Lời dẫn, tr. XIV), không những đặt cho bây giờ, mà phải *" dự bị đặt những danh từ còn thiếu "* cho lâu dài, cho mai sau (Lời dẫn, tr.XI).

Muốn được thế, lập danh từ khoa học phải dựa trên một hệ thống nguyên tắc vững chắc. Những nguyên tắc ấy, liệt kê trong **Lời dẫn**, thể theo hai ý chính : Một là phải dựa theo tính chất riêng của tiếng Việt, hai là phải kinh qua thực tế, đặt chữ nào cũng thí nghiệm đem ra sử dụng xem có lợi hay không. Đến nay thấm thoắt nửa thế kỷ đã trôi qua, hệ thống nguyên tắc căn bản ấy vẫn trọn vẹn giá trị. Thế hệ đi sau cứ theo đó mà sáng tạo thêm danh từ mới. Tiện lợi, tự nhiên, chẳng cần nhớ đến ai là cha đẻ ra chúng !

Thời thế, chẳng đợi lâu, chứng minh ngay **Danh từ khoa học** là cần thiết và cấp bách, tầm nhìn của tác giả là đúng đắn biết nhường nào : thời kỳ Việt Nam dùng tiếng mẹ đẻ trong mọi ngành giáo dục mở ra ngay từ 1945 !

Nhưng làm sao văn hoá khoa học bén rễ được khi đa số nhân dân còn mù chữ ? Khi chưa có một chương trình giáo dục dạy tất cả các môn bằng tiếng Việt, từ tiểu đến đại học ?

Nhìn từ góc độ này, ta thấy là nhất quán những việc làm của nhà trí thức Hoàng Xuân Hãn trong một thời gian dài :

• 1936, ông là một trong những sáng lập viên Hội Truyền bá quốc ngữ. Là người sáng kiến, cùng với ban lãnh đạo Hội, tạo dựng phương pháp " i, tờ ", cho quốc ngữ in vào trí nhớ người học bằng hình ảnh, vần điệu, bình dân như những câu ca dao quen thuộc tự bao đời

O tròn như quả trứng gà
Ô thì đội mũ, Ó thì có râu, vân vân và vân vân... ;

• 1939-40, soạn **Danh từ khoa học**, in năm 1942 ;

• 1940, cùng với một số trí thức làm báo **Khoa học**. Chính ngòi bút Hoàng Xuân Hãn nêu ý nghĩa, mục tiêu từ báo trong **Lời nói đầu** : *" ...tiếng nước nào cũng có thể thành tiếng khoa-học, chỉ có sự cần dùng mới bó buộc phải phát-minh ; báo Khoa học sẽ chứng-minh rằng không có một vấn đề khó khăn nào mà không giảng bằng tiếng Việt-nam được. "*

• 1945, trong chức vụ bộ trưởng giáo dục chính phủ Trần Trọng Kim, thành lập ngày 20 tháng 4 năm ấy, cùng cộng tác viên hoàn thành trong vòng vài tuần lễ chương trình giáo dục bằng tiếng Việt. Đem thi hành ngay, kỳ thi tú tài 20. 6. 1945 đã dùng tiếng Việt hoàn toàn.

Quan niệm toàn bộ giáo dục cả nước bằng tiếng Việt, sáng tạo một công cụ thiết yếu là ngôn ngữ khoa học cho tiếng mẹ đẻ, chứng minh ngôn ngữ ấy có khả năng dùng cho bất cứ vấn đề gì, hôm nay và mai sau, bấy nhiêu cũng đủ làm công trình bất hủ một đời người.

Nhưng Hoàng Xuân Hãn còn suốt đời dốc hết tâm trí đem tinh thần khoa học vào lĩnh vực văn hoá cổ truyền, văn, sử, đặc biệt là mảng văn chữ nôm. Trở thành uyên thâm bậc nhất trong lĩnh vực ấy.

Chuyện chẳng mấy ai ngờ cho vị thạc sĩ toán học (1936) xuất thân từ hai trường đào tạo trí thức ưu tú danh tiếng bậc

Chút lòng với Bác

Vốn có chút tình cảm riêng tư đối với Huế, tôi có gợi ý với Bác Hãn về ba chuyện. Chuyện thứ nhất là một chuyện nhỏ : biết bác có một vài tư liệu về Tôn Thất Thuyết lúc bôn tẩu bên Trung Quốc, tôi có nhờ bác viết một bài về đề tài đó cho báo Sông Hương. *Bác bận quá, lần lữa, rồi quên. Chuyện thứ hai là một chuyện lớn : tôi mơ ước có một thư viện Hoàng Xuân Hãn ở Huế. Không phải vì bác có nhiều tài liệu quý. Hiếm gì người có nhiều sách hơn bác, nhưng sách không có ý nghĩa bằng người. Tôi muốn bác để sách vở lại cho Huế vì Huế là một thành phố biết học và bác là gương mẫu của học vấn và tri thức. Trong thư viện đó, tôi tưởng tượng một chỗ cao sang nhất dành cho hai câu thơ của bác, ánh sáng đầu tiên mà bác soi đường cho người mới bắt đầu đi vào trí tuệ :*

i tờ có móc cả hai
i ngắn có chấm, tờ dài thêm ngang

Mơ mộng là vậy ; nhưng chạm phải những câu hỏi thực tế của việc thực hiện thì tôi không đủ thẩm quyền để trả lời. Cho nên chuyện lớn không thành.

Chuyện thứ ba không biết lớn hay nhỏ : tôi muốn đi sâu vào lịch sử của một thất bại, vào thời gian ngắn ngủi của chính phủ Trần Trọng Kim ở Huế. Thế hệ chúng tôi biết ông Trần Trọng Kim trước hết là qua các sách giáo khoa bậc tiểu học. Sau đó, mới biết ông là tác giả bộ Nho giáo. Trước mắt chúng tôi, ông Trần Trọng Kim trước hết là một nhà giáo, nhà đạo đức đáng kính. Nhà giáo, nhà đạo đức mà nhảy một bước vào chính trị ? Tâm sự của ông là gì ? Và tâm sự của các nhà trí thức cùng nhảy với ông vào chính trị là như thế nào ? Chính trị có một thứ đạo đức mà đạo đức không hiểu nổi ? Chính trị là chuyện quá lớn đối với những trí thức có quá nhiều chữ nghĩa và ngây thơ ? Bất cứ ai muốn viết sử — và bi kịch — đều cảm thấy bị quyến rũ tột độ về những hoàn cảnh éo le, tranh tối tranh sáng, tình lý ngổn ngang.

Trong tôi, có rất nhiều thèm muốn gỡ rối lịch sử như vậy. Nhưng trong tôi cũng có chút hoài nghi hiền triết học lóm từ người xưa. Vạch lông tìm vết, chưa chắc đã biết thấu đáo. Trực nhận vấn đề, nhiều khi cái biết hợp với sự thật hơn. Cái gì cũng muốn biết, chưa chắc đã là người có trí. Cái gì cũng muốn viết, chắc chắn là người ngu. Bác Hãn chắc không muốn tôi làm người ngu, cho nên cái chuyện thứ ba cũng không thành nốt. Tôi học được ở bác sự im lặng khiêm tốn và thanh cao.

Bác Hãn để lại trong tôi hai hình ảnh. Hình ảnh thứ nhất là hình ảnh thân thuộc mà bất cứ ai quen bác đều ghi khắc trong lòng : một cuộc đời miệt mài với khoa học, một trí nhớ xuất chúng, một tinh thần khoa học tiêu biểu. Mấy ai rọi được ánh sáng khoa học trong nhiều lĩnh vực như bác : lịch sử, văn chương, ngữ học.

Hình ảnh thứ hai là giọt nước mắt ở Đà Lạt. Ngày 17-4-1946, hội nghị Việt-Pháp khai mạc ở Đà Lạ theo yêu cầu của đô đốc d'Argenlieu với âm mưu tách Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam. Vấn đề máu mủ, thiêng liêng này được để dành để bàn vào ngày cuối của hội nghị. Và tất nhiên là thương thuyết tan vỡ. Philippe Devillers ghi lại giây phút xúc động của phái đoàn Việt Nam như sau :

« Hoàng Xuân Hãn, thay mặt phái đoàn Việt Nam để bế mạc hội nghị, tuyên bố :

" Tôi chấm dứt với một ước mong : ước mong hoà bình trở về với Nam Bộ, và ước mong rằng, mặc dù có những người vì thù ghét vài người khác và vài tư tưởng khác mà sinh ra thù ghét chính tổ quốc của mình, đất Nam Bộ sẽ sớm trở về trong lòng tổ quốc chung của chúng tôi : nước Việt Nam ".

Không nén xúc động được nữa, phái đoàn Việt Nam rời phòng họp, mắt đẫm lệ ».

[Philippe Devillers, *Histoire du Vietnam*, de 1940 à 1952, tr. 266]

Ai có dịp nói chuyện tâm sự với Bác Hãn đều biết bác trọng chính nghĩa như thế nào khi chính nghĩa sáng tỏ. Người trí thức trong bác có một chủ trương trong sáng đối với người và với mình : tuyệt đối đừng vì khác biệt quyền lợi và tư tưởng mà phản bội đất nước. Ở đâu, và ở cương vị nào, tôi có cảm tưởng bác đều cư xử như vậy.

Hình ảnh cuối cùng của Bác Hãn mà tôi đang thấy trước mắt là hình ảnh bác nằm nhắm mắt trên giường bệnh viện. Bác im lặng vĩnh viễn. Bác Hãn là kho tàng tri thức, là bộ não tư liệu mà ai cũng tiếc là chưa khai thác đủ. Với khoa học, bác là người đi đầu. Nhưng với khoa học, bác vẫn còn nợ.

Cao Huy Thuần

nhất của Pháp : Polytechnique (Bách khoa, 1930-32) và Normale Supérieure (Cao đẳng sư phạm). Sau này, đám hậu sinh có hỏi sao Bác chẳng đi vào con đường toán học thênh thang rộng mở, chẳng những phù hợp với khả năng thiên phú của Bác, mà Việt Nam khi ấy cũng chưa mấy ai đi sâu vào con đường này ? Bác cười mà đáp rằng : Toán thì tôi chắc chắn sẽ có người đi sau làm hay làm tốt được. Trái lại, thời ấy chẳng mấy ai nghĩ đến văn hoá truyền thống, nhất là chữ nôm. Người cựu học khinh nôm na là cha mách qué, người tân học lại càng không biết đến nữa. Tôi lo rằng chỉ để cho gián đoạn một thế hệ không còn ai biết đọc chữ nôm nữa thì sau này chẳng dễ tìm lại được cách đọc và hiểu một mảng lớn văn học dân tộc !

Cái nghị lực nhà khoa học Hoàng Xuân Hãn khi ấy là nghị lực của kẻ thế cô sức yếu đem hết sức mình vớt lấy một mảng văn hoá dân tộc đang chìm đắm trong nguy cơ bị mai một hoàn toàn. Trong công cuộc này phương pháp, phong cách của ông đem một luồng sinh khí mới vào lĩnh vực.

Phong cách và phương pháp quý và tôn trọng tư liệu, thu thập tối đa. Trong thời điểm không mấy ai nghĩ đến, tư liệu cổ của ta tiêu tán trong đống giấy cũ đem bán đồng nát. Kiên nhẫn và sáng suốt, với con mắt sành sõi uyên bác, ông nhận ra tư liệu quý trong cả những tờ giấy lẻ nhàu nát đã đem đi gói hàng. Ông tom góp tất cả những gì còn có thể cứu được. Bằng mọi cách. Thu mua. Tìm đến con cháu dòng dõi những nhân vật đã có ít nhiều vai trò trong văn học trong lịch sử. Xin đọc, sao chép gia phả, bằng sắc, giấy tờ còn giữ được ở nhà thờ. Chép lời các cụ già kể lại những gì còn ghi nhớ

được. Về Nguyễn Du, La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, Nguyễn Biểu, dòng họ Phan Huy ở Sài sơn...

Dần dần ông tích tụ được một kho tư liệu phong phú. Làm căn bản để đi tìm hiểu văn hoá dân tộc. Chính nhờ có trong tay bảy thoại **Chinh phụ ngâm** diễn ca khác nhau mà Hoàng Xuân Hãn chứng minh một cách thuyết phục rằng bài được truyền bá ngâm nga rộng rãi trong dân gian – tục truyền và sách giáo khoa xưa nay yên trí là của Đoàn Thị Điểm – đích thật là của Phan Huy Ích làm ra. Ông cũng đồng thời xác định được bản nào là của Đoàn Thị Điểm, một dị bản khác với bản mọi người thường biết.

Trong cuộc kiên trì sưu tầm, những tư liệu vô giá được ông phát hiện. Như đạo sắc chính tay Quang Trung Nguyễn Huệ viết cho La Sơn phu tử.

Năm 1943, Nhật chiếm đóng, máy bay Đồng minh oanh tạc Hà Nội, giáo sư Hoàng Xuân Hãn theo trường Bưởi vào Thanh Hoá. Cụ kể lại : tôi biết vùng có nhiều cổ tích, lúc không bận dạy học là đi tìm. Lóc cóc trên chiếc xe đạp, kèm sau nải chuối xanh. Tìm ra được bia cổ, lần đọc. Đọc xong cắt đôi quả chuối xát lên mặt bia, trải tấm giấy bản lên, rập lấy tư liệu. Chuối xanh dán dính mà không chặt, rập xong gỡ tờ giấy ra rất dễ, không rách. Khoảng thời gian ấy, ông phát hiện được bốn tấm bia đầu thế kỷ thứ 12, trong đó có ba nói về Lý Thường Kiệt. Những bia quý đó đã bị phá huỷ trong chiến cuộc vừa qua. Cái ngày nay ta còn giữ được là những bản rập Hoàng Xuân Hãn.

Ông đem lại phong cách và phương pháp mẫu mực trong sử dụng tư liệu mới phát hiện, trong tham khảo so sánh sách cũ của ta của Trung Quốc. Hoàng Xuân Hãn làm sống lại những ngày, những tháng đoạn sử oanh liệt cách đây chín trăm năm, Lý Thường Kiệt chống Tống bảo vệ đất nước ta. Sự việc ấy, sử sách ta có ghi công. Nhưng chép sơ sài và không khỏi có sai lạc. *" Lại thêm các nhà văn phụ-hoạ ; làm cho ngày nay chúng ta rất mơ-hồ về đoạn sử oanh-liệt nhất của tiền-nhân. "*

Ông mẫu mực trong tinh thần viết sử : *" Những việc tôi kể trong sách, hoàn-toàn có chứng và được dẫn chứng. Cũng trong các hạng chứng, tôi chỉ để ý đến những chứng chính-xác mà thôi.*

" Không bịa-đặt, không tây-vị, hết sức rõ-ràng ; đó là những chuẩn-thằng tôi đã theo (...) " (Tựa, Lý Thường-Kiệt).

Nhưng nếu bạn, đọc tới đây hình dung nhà khoa học Hoàng Xuân Hãn chỉ như một người đọc rộng, nhớ nhiều. Tác phẩm viết ra chỉ là một sưu tập cầy cục góp nhặt tư liệu. Thì là sai lầm xa.

Là bạn không thấy con người trực cảm lạ lùng. Con mắt trí tuệ soi thấu những cái mà người khác cũng đã đọc đấy, đã thấy đấy, nhưng chẳng nhìn ra.

Nhiều người biết bài **Mộng thấy hái sen** (Mộng đắc thái liên), Nguyễn Du khi ở Quảng Bình hay ở Huế nhớ đến một bạn gái xưa ở hồ Tây Thăng Long :

Xắn gọn quần cánh bướm
Chèo thuyền con hái sen

Nhớ lại khi cùng cô ấy hẹn hò đi hái sen trên hồ

Sáng nay đi hái sen
Hẹn cô kia đi với
Chẳng biết đến lúc nào
Cách hoa nghe cười nói

Và quyến luyến nhan sắc con người giàu tình cảm, " dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng "

Hoa sen ai cũng ưa
Cuống sen chẳng ai thích
Trong cuống có tơ mành
Vấn vương không thể dứt

Và cũng không ít người biết bài thơ Hồ Xuân Hương *" Cảm tình cũ và trình quan Cần chánh học sĩ họ Nguyễn "* trong **Lưu Hương Ký**, Trần Thanh Mại phiên âm chữ nôm. Bài ấy có cước chú : Quan, người Tiên Điền, huyện Nghi Xuân. Vậy, quan Cần chánh học sĩ chẳng ai khác là Nguyễn Du, vua Gia Long triệu từ Quảng Bình về Huế, thăng Cần chánh điện học sĩ năm 1813, rồi chọn làm chánh sứ đi tuế cống triều Thanh.

Trong bài thơ, Hồ Xuân Hương nhắc chàng xưa từng quyến luyến với mình ba năm trường

Chữ tình chốc đã ba năm vẹn

Mình vẫn nhớ mối tình đó, chẳng biết chàng còn nhớ chăng, mình thì vẫn một mình một bóng

Biết còn mảy chút sương siu với
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong

Không ít học giả biết cả hai bài, duy có Hoàng Xuân Hãn đưa bằng chứng suy ra cô gái Hồ Tây – một trong hai người phụ nữ Thăng Long Nguyễn Du ghi tình trong thơ chữ Hán – chính là Hồ Xuân Hương (**Tập san Khoa học xã hội**, số 10-11, Paris, 1983).

Trực cảm nhạy bén, nhưng nhà khoa học Hoàng Xuân Hãn rất nghiêm ngặt trong dẫn chứng. Chưa đủ bằng cứ thuyết phục thì cứ đợi, đợi cho đến khi nào tìm ra bằng chứng không chối cãi được : có thời gian trong mấy năm liền cụ đều đặn đến nhà sách Phénix lục tìm trong loạt tiểu thuyết đời Minh, khi ấy Trung Quốc cho tái bản dần toàn bộ. Chỉ thấy cụ lục lọi nhiều mà mua chẳng bao nhiêu. Té ra cụ đã phiên âm chú thích xong **Song tinh bất dạ** từ lâu. Cụ trực cảm rằng, cũng như những truyện văn vần của ta, gốc chuyện là mượn của một tiểu thuyết đời Minh. Và cụ cứ đợi, năm này qua năm kia, cho đến khi tóm được quyển tiểu thuyết cổ, minh chứng rõ ràng trực giác của cụ là đúng, khi ấy mới chịu cho ra bản **Song tinh bất dạ** của mình.

Trực giác nhạy, sâu sắc, dẫn chứng phong phú và nghiêm túc. Những nhân tố làm cho mỗi công trình Hoàng Xuân Hãn là một sự kiện học thuật. Mở ra tầm nhìn mới lạ, soi sáng góc cạnh độc đáo chưa ai thấy.

Mải chuyện về tính nghiêm túc của nhà khoa học Hoàng Xuân Hãn, có lẽ lại đưa ra hình ảnh một nhà bác học lúc nào cũng nghiêm nghị, đạo mạo, mô phạm. Nếu vậy, thì cũng sai mất rồi.

Cái học của Hoàng Xuân Hãn, tươi trẻ, vui say. Phảng phất cái vui của Khổng phu tử : *" Học nhi thời tập chi, bất diệc lạc hồ ? "* (Học, rồi gặp thời áp dụng cái mình học, chẳng là vui sao ?). Cái vui say làm cho một ông cụ tuổi đã bát tuần mà mắt đọc bản văn nôm, miệng giảng, tay viết, suốt buổi, giờ này qua giờ kia không nghỉ. Đến khoảng năm

(xem tiếp theo trang 15)

Mối tình 60 năm của ông bà Hoàng Xuân Hãn

Tây Dương kì ngộ

Tôi thuộc lứa tuổi lên chín lên mười thì *dinh tê về thành* sống ở Hà Nội bị chiếm. Cái tuổi chưa dùng cuốn *Danh từ khoa học*. Năm ấy *La Sơn phu tử* chưa xuất bản. Phải đợi mấy năm sau, tôi mới được lần giở những tranh sách xuất bản ở Paris, mân mê hai trang chụp bức thư chữ nôm Nguyễn Huệ gửi Nguyễn Thiếp. Cho nên, đối với một thiếu niên năm 1950 ở Hà Nội, bố còn đi kháng chiến, theo mẹ và anh chị hồi cư, cái tên Hoàng Xuân Hãn trước tiên đi liền với chữ thập màu xanh lá cây của hiệu thuốc tây bờ hồ Hoàn Kiếm. Hiệu thuốc tây lớn nhất Hà Nội, mà chủ nhân là bà Hoàng Xuân Hãn, nữ dược sĩ. Một hai năm sau, phong trào Trần Văn Ơn, anh tôi bãi khoá, bị mật thám bắt... rồi nghe chuyện kháng chiến, nghe thì thầm (ai ? anh tôi hay mẹ tôi, tôi cũng không nhớ) rằng bà Hãn giàu lắm, nhưng mà bà cung cấp thuốc men cho kháng chiến đấy... Rồi bố tôi ốm nặng, hồi cư. Thì thoảng, được nghe chuyện những bậc trí thức, tất nhiên lúc đó tôi vỡ lẽ Hoàng Xuân Hãn không phải chỉ là một bảng hiệu Tây dược. Hình như lúc đó, bắt đầu xuất hiện mấy chữ *trí thức trùm chăn* người ta dùng để chỉ giới trí thức trong thành, vẫn giữ cảm tình với kháng chiến, không chịu hợp tác với Pháp và chính quyền Bảo Đại. Tôi còn được nghe nói tới bà Hãn, không hiểu vì sao tôi còn nhớ mãi một câu của bố tôi : " *Hồi đó là cô Bính, Nguyễn Thị Bính...* ". Bây giờ moi tìm trong trí nhớ, có lẽ ngoài cái tên con gái của bà Hãn ra, hồi đó tôi chỉ nghe thấy tên hai phụ nữ *có học* khác được nhắc tới trong câu chuyện của *người nhớn* : Hoàng Thị Nga, Nguyễn Thị Thục Viên. Hình như hồi ấy, chỉ *có học* thì người phụ nữ mới giữ được tên *con gái* của mình, bằng không họ chỉ được xã hội biết như bà X, bà Y.

Những mẩu kỷ niệm tuổi thơ ấy đã bất chợt trở lại chiều chủ nhật 24.3 vừa qua trong buổi lễ cầu siêu bác trai tại chùa Trúc Lâm, khi nghe thày chủ lễ đọc danh sách tang gia, bắt đầu bằng nhũ danh của bác gái.

Rồi tôi liên tưởng tới dịp tháng 5 năm 1989 : lần ấy, hai bác đã dành cho chúng tôi (anh Trần Văn Thuỷ, anh Nguyễn Trọng Nghĩa và tôi) hai ngày liền để phỏng vấn ghi hình và ghi âm, tổng cộng hơn 9 giờ đồng hồ. Sự liên tưởng này không tình cờ : phần lớn cuộc phỏng vấn dành để hỏi bác trai về sự nghiệp nghiên cứu, về hoạt động chính trị của bác, cũng như về các nhân vật lịch sử Việt Nam, Pháp và Nhật mà bác đã tiếp xúc, nhưng mở đầu, tôi đã xin phép hỏi về *hai bác, về bác gái...*

Nhờ vậy, mà chúng tôi được nghe hai bác kể lại cuộc gặp đầu tiên và mối tình sắt son đã gắn bó hai người. Nhân dịp này, xin ghi lại để độc giả hiểu thêm về con người Hoàng Xuân Hãn, về một thời kỳ mà sau bao biến thiên của lịch sử, đối với số đông, đã trở thành quá vãng xa mờ.

Tính đến năm nay, 1996, hai bác đã thành hôn vừa đúng 60 năm. Đám cưới cử hành ở Paris năm 1936, có lẽ là đám cưới đầu tiên của một cặp du học sinh Việt Nam. Nhưng câu chuyện bắt đầu hai năm về trước, trên Ấn Độ dương, hồi đó ta gọi là Tây Dương.

Mùa hè 1934, chàng thanh niên Hoàng Xuân Hãn vừa tốt nghiệp Bách khoa và Cầu đường sau 6 năm du học tại Pháp, về nước thăm nhà, và thăm dò khả năng làm việc ở Đông Dương. Năm 1930, khi trúng tuyển cả Ecole Normale Supérieure (Cao đẳng sư phạm) và Ecole Polytechnique (Bách khoa), hai trường khó nhất trong các *trường lớn* của hệ thống đại học Pháp, Hoàng Xuân Hãn đã chọn Bách khoa vì nghĩ rằng một kỹ sư sẽ có thể đóng góp nhiều cho đất nước. Nhưng ở thời điểm 1934, chính sách giáo dục của chính quyền thực dân vẫn chỉ nhằm đào tạo một số nhỏ những *agents techniques*, không thể có chỗ đứng cho một kỹ sư Bách khoa người bản xứ. Thế là chàng kỹ sư 26 tuổi ấy đành quyết định trở lại Pháp để học nốt bằng cử nhân rồi dự thi thạc sĩ toán.

Trên chuyến tàu năm ấy rời cảng Sài Gòn nhằm hướng Marseille, ngoài Hoàng Xuân Hãn, có 4 du học sinh Đông Dương : một người Miên, hai Nam Kỳ, và một nữ sinh Bắc Kỳ. Đó là cô Nguyễn Thị Bính, 23 tuổi, đã tốt nghiệp sư phạm, ba năm Trường dược Đông Dương, với đầy đủ số tháng thực tập, nhưng với quy định của chế độ học chính thuộc địa, không có quyền vào năm thứ tư để thi tốt nghiệp dược sĩ. *Luật lệ là như vậy, nếu cô muốn thì sang Paris mà thi.*

Đêm trung thu 1934, tàu lênh đênh trên Tây Dương, năm anh chị sinh viên đi vé hạng ba, không được quyền vào xa-lông, bèn rủ nhau ra ngồi *boong* uống nước ngắm trăng. Cô Bính đề nghị làm thơ vịnh trăng. Anh sinh viên xứ Hà Tĩnh đã ứng khẩu một bài ***Vịnh Nguyệt*** :

Có người bảo tớ vịnh thơ trăng,
Tớ cũng toan ngâm ngợi chị Hằng
Ngán nỗi người xinh trăng thẹn mặt
Ngây lòng tớ gẫm bút mòn răng.
Trông trăng chỉ thấy ai cười nụ,
Gác bút vì e tớ nghĩ xằng.
Vịnh nguyệt vì người thôi cũng vịnh,
Hoạ người bên nguyệt biết tình chăng ?

Tình trong như đã, hay chỉ là truyền thống đùa ghẹo giữa nho sinh Nghệ Tĩnh và thục nữ Bắc Hà ? Chỉ biết có xướng thì phải có hoạ, mà anh bạn Miên thì đã xin miễn, còn hai anh Nam Kỳ chỉ nhận góp vui bằng cách kể chuyện *gauloises. Hoạ thơ xin nhường cho chị.* Chị Bính bèn đáp lại bằng một bài thơ mà theo ngôn ngữ ngày nay phải nói là *lập trường vững vàng, giá trị tư tưởng cao* :

Đêm trung thu trời trong sao sáng
Mấy cánh mây loáng thoáng lơ thơ
Trên tàu du học vịnh thơ
Biết bao cảm giác vẩn vơ trong đầu
Hỡi các anh cùng nhau cương quyết
Sang Âu Tây dạn tuyết xông pha

Hãy xem văn hoá người ta
Sau này thi thố nước nhà chờ mong.

Thực ra, cô Bính không có ý lên gân. (Ai có dịp gần bác gái đều biết *lên gân* là điều xa lạ với tạng người và tư tưởng rất *thiền* của bác). Lúc đó, cô gái 23 tuổi ấy biết rằng con gái mà được đi du học là một sự hy sinh lớn của gia đình, và trên vai cô mang nặng bổn phận học xong trở về *gây dựng* cho các em nhỏ. Nên có thể đoán trước phản ứng của cô khi mấy ngày sau, trong một dịp trò chuyện tay đôi, anh chàng xứ Hà Tĩnh đưa tặng một bài thơ thứ nhì. Không còn thất ngôn bát cú Đường Luật nghiêm chỉnh nữa, mà là *hát nói* :

Trời với biển nửa mờ nửa xám,
Mây trên trời mấy đám trắng phất phơ.
Mảnh trăng tròn khi tỏ lại khi mờ,
Khách trên biển còn ngờ nơi Nhược thuỷ.
Cám cảnh cô đơn thằng Cuội quỷ,
Nghĩ thương tình muộn chị Hằng Nga.
Những tưởng rằng trăng lạ với trăng xa,
Ai ngờ cũng trăng nhà cười mỉn mỉn.
Chốn lữ thứ (1) *đa tình nên bịn rịn*
Hỏi Trăng già soi đến tận tâm can ?
Sóng đưa trăng giạt theo làn.

– Tôi cảm ơn anh, nhưng bài thơ này tôi không hiểu, xin trả lại — cô Bính nghiêm nghị nói, một tay gạt tờ thơ về phía tác giả.
– Sao không hiểu ? Thế đọc thơ Hugo, Lamartine, Nguyễn Khuyến..., cô có hiểu không ?
– Đó là trong chương trình *lycée* tôi có học và hiểu chứ. Nhưng bài thơ này, tôi không hiểu.
– Thôi cô không hiểu thì tôi cho cá nó đọc – và chàng trai Hà Tĩnh xé vụn tờ giấy rồi vứt qua khung tròn *hublot*.

Bài thơ *động tình* ấy tuy có vào bụng cá Ấn Độ dương, nhưng tác giả của nó đã thuộc lòng. Mấy chục năm trôi qua, bác còn đọc cho chúng tôi, một mạch không ngưng.

Tôi không hiểu là nói lịch sự, chứ thâm tâm cô Bính nghiêm khắc hơn nhiều. Mấy chục năm sau, kể lại giai thoại này, bác gái cười, cho biết : « Trong bụng tôi nghĩ : thôi anh này *hỏng rồi*. Vì trước đó, tôi có hỏi anh đi học gì, anh ấy trả lời : học cử nhân. Không hề nói mình đã tốt nghiệp *Polytechnique, Ponts et Chaussées*, cũng không nói : tôi thi nốt cử nhân, sửa soạn thi thạc sĩ. Nên tôi mới nghĩ : chưa đặt chân đến Pháp mà không tính chuyện học hành, còn lôi thôi... Chứ nếu đã biết anh ấy học đến đâu rồi, thì chắc phản ứng cũng phải lễ độ, nhẹ nhàng hơn ».

Câu chuyện bắt đầu như vậy. Và trên suốt hành trình, cũng như trong những tháng đầu ở Paris, nó " ngừng " ở đó. « Chỉ những buổi trời mưa, anh ấy lại thăm, nói chuyện học hành, thỉnh thoảng lắm mới nói chuyện thời thế. Nhờ anh ấy giới thiệu, tôi được vào ở nhà ông giám đốc Đông dương học xá (nay là *Maison des étudiants de l'Asie du Sud-est*, ở Đại học xá quốc tế Bd Jourdan, Paris), làm *jeune fille au pair*, giúp bà mẹ già của ông giám đốc, chứ không phải ở phòng sinh viên, hồi đó *Nhà Đông Dương* chỉ dành cho nam sinh ».

Rồi bác kể tiếp : tốt nghiệp dược sĩ, tôi thực tập và học thêm đủ thứ : chế tạo mỹ phẩm, kỹ thuật xoa bóp (vì nghĩ tới bố mẹ già), và bắt đầu sáng chế dược phẩm, nhờ đó mà khi về nước, vẫn được trả tác quyền *royalties* và sau này, năm 1954 sang Pháp, hợp tác với Công ty bào chế Choay. Còn bác trai năm 1936 trúng tuyển thạc sĩ toán. Vừa đúng dịp chính phủ Léon Blum thành lập, chính quyền Mặt trận bình dân bãi bỏ *học trình tú tài bản xứ (bắc lô-canh)*, Trường Bưởi cũng đào tạo học sinh thi tú tài *mẫu quốc* như Lycée Albert Sarraut. Thạc sĩ toán học đầu tiên người Đông Dương được bổ nhiệm làm giáo sư Trường Bưởi, trở về cũng bằng đường thuỷ, nhưng sẽ ở ca-bin hạng nhất.

« Một người ở ca-bin hạng nhất, một người hạng ba sao được ». Đại khái, nếu đây không phải là lời cầu hôn chính thức, thì cũng là đề nghị tổ chức lễ thành hôn ngay tại Pháp trước khi hai người hồi hương. Trước đó, cụ bà thân sinh đã lặn lội từ nhà quê Hà Tĩnh ra Hà Nội để xin cưới. Nhà gái hỏi tuổi cậu Hãn, cụ không nhớ vì *đẻ tám lần không nhớ hết*. Nên một hôm, cô Bính đã nhận được thư em gái hỏi *anh ấy cầm tinh con gì*. Cô Bính là một trong hai ba nữ dược sĩ Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp ở Paris, nhưng đến khi *anh ấy trả lời tôi cầm tinh con vịt* thì cô cũng ù ù cạc cạc chép nguyên văn vào thư gửi về nhà, khiến gia đình được một trận cười và chịu thua, không so tuổi tử vi được.

Tiện đây, cũng xin mở một dấu ngoặc : Hoàng Xuân Hãn là người đầu tiên ở nước ta dùng toán học và thiên văn học nghiên cứu tử vi. Tất nhiên, càng nghiên cứu ông càng không tin tử vi. Tôi nhắc lại điều này vì nhớ tới một nhà toán học khác, thuộc thế hệ hai mươi năm sau, cũng nghiên cứu tử vi, khởi thuỷ với ý định bài trừ mê tín dị đoan, rốt cuộc ông đã rút số tử vi cho không biết bao nhiêu người (một anh bạn nói đùa với tôi : cho hơn 50 % cán bộ giảng dạy Trường đại học Bách khoa Hà Nội !). Hoàng Xuân Hãn có cự ly của người không còn trực tiếp hoạt động đấu tranh chính trị, có khoảng

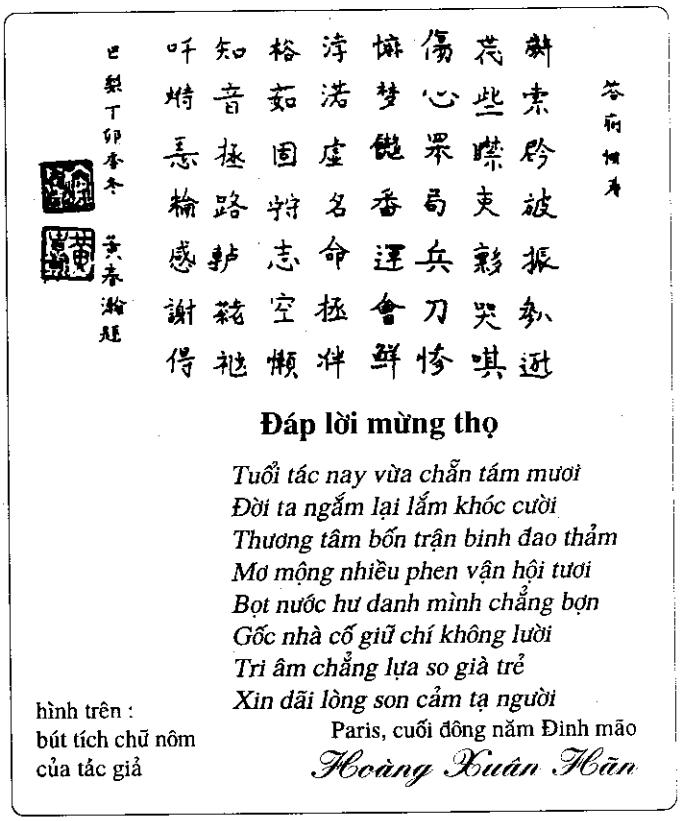

Đáp lời mừng thọ

Tuổi tác nay vừa chẵn tám mươi
Đời ta ngắm lại lắm khóc cười
Thương tâm bốn trận binh đao thảm
Mơ mộng nhiều phen vận hội tươi
Bọt nước hư danh mình chẳng bợn
Gốc nhà cố giữ chí không lười
Tri âm chẳng lựa so già trẻ
Xin dãi lòng son cảm tạ người

Paris, cuối đông năm Đinh mão
Hoàng Xuân Hãn

hình trên : bút tích chữ nôm của tác giả

lùi của nhà sử học, nên tinh thần khoa học của ông không bị những đảo lộn chính trị liên tiếp, chồng chất chi phối như nhà toán học nọ. Xin đóng ngoặc.

Ông bà Hoàng Xuân Hãn thành hôn năm 1936. Trong 60 năm ấy, bà đã đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp của ông ? Trong cuộc phỏng vấn mùa xuân năm 1989, tôi đã đặt câu hỏi ấy, sau khi nhắc lại câu nói của một nhà văn Pháp : " *Derrière chaque grand homme, il y a toujours une grande femme* " [*Đằng sau* — tại sao lại *đằng sau* nhỉ ? *bên cạnh* chứ ! — *mỗi (nam) vĩ nhân, bao giờ cũng có một người đàn bà vĩ đại*]. Bác Hãn, cố nhiên, gạt đi chữ *vĩ nhân* (nói thế không đúng đâu), rồi trầm tĩnh nói về người bạn đời của mình :

– Cái khung cảnh gặp nhau ở đây, khung cảnh tôi làm việc trong mấy chục năm qua, là nhờ có nhà tôi. Năm 1954 nhà tôi sang đây (tôi sang trước, từ năm 1951), để lại ở Hà Nội toàn bộ cơ nghiệp, và xây dựng lại tất cả. Tôi mà làm được bao nhiêu công việc, làm một cách thoải mái, nhất là đổi nghề, từ giáo học sang làm nghiên cứu khoa học rồi tập trung nghiên cứu Việt học, có đầy đủ thời giờ làm việc này, là nhờ nhà tôi giúp đỡ rất lớn. Về mặt vật chất, sinh sống cũng như nhà cửa, con cái. Nhân cơ hội này, tôi muốn nói rõ cái sự tạ của nhà tôi (là) lớn lắm trong công việc của tôi.

Trong cuộc phỏng vấn, kể lại thời kỳ Phong trào Truyền bá quốc ngữ (1938), bác cũng không quên nói đến công lao của bác gái : gần như là " bộ trưởng tài chính " của phong trào, " *mỗi lần cụ Nguyễn Văn Tố cần quỹ, là nhà tôi đi vận động để cung cấp đầy đủ, phần tôi chỉ đóng góp việc soạn thảo tài liệu* ". Hay vai trò của hiệu thuốc Hoàng Xuân Hãn trong những năm kháng chiến.

Sau buổi lễ cầu siêu ngày 24.3, anh Nghiêm Xuân Hải, con rể của hai bác, có nói : " *Bác trai luôn luôn trọng công bác gái, và liên tục nói ra bằng tất cả những cử chỉ hàng ngày cho đến những ngày chót, mà không bao giờ bác nói bằng lời...* ". Qua những dịp được gần gụi hai bác, đặc biệt trong những tuần lễ nghỉ ngơi ở dã thự (Manoir) Aubonne (mà bác đặt tên là *Cam Tuyền*), quan sát những cử chỉ hàng ngày của hai bác, — kể cả những lúc tuổi cao, trí nhớ chuyện xưa vẫn còn vẹn toàn, nhưng chuyện hôm qua, chuyện buổi sáng lại như gió thoảng dễ quên, nên cũng có lúc bác trai nói *cô lại để cuốn đó của tôi đâu rồi* — tôi đã nghiệm chứng nhận xét của anh Hải.

Trong cuộc phỏng vấn ấy, có lẽ là một lần rất hiếm (nếu không nói duy nhất), bác Hãn đã dùng *lời* để nói lên sự trân quý đối với bác gái. Vì vậy mà tôi xin ghi lại theo đúng băng video, như một chứng từ về một mối tình son sắt, và cũng để chia sẻ chút ít với bác gái trong những ngày cư tang này.

Nguyễn Ngọc Giao

Kỳ sau : Hoàng Xuân Hãn, con người và chính trị

(1) Bài *Vịnh nguyệt* và bài hát nói, tác giả đã công bố trong lời tựa *Bích-câu kì-ngộ (chuyện Tú Uyên)*, nhà xuất bản Đại Học, Huế, 1964. So sánh bản in và lời đọc ghi âm, chúng tôi thấy hoàn toàn trùng hợp, trừ một chữ trong bài hát nói : bản in là *lữ quán*, bản đọc là *lữ thứ*. Vì bài thơ làm trên tàu viễn dương, chúng tôi chọn *lữ thứ* cho phù hợp.

Ngọn đuốc mở đường...

(tiếp theo trang 12)

sáu giờ chiều người thuộc thế hệ học trò, tuổi khoảng năm mươi ngoài, đã thấm mệt. Gần tám giờ tối xin cụ cho nghỉ ăn cơm tối. Cụ hỏi : " *Đã ngưng sao ? Đi ăn cơm à ?* " Nếu cứ để vậy, chẳng biết cụ say sưa tiếp tục đến giờ nào !

Uyên bác của Hoàng Xuân Hãn chẳng bao giờ là loại thông thái rởm. Mà thường dí dỏm, đôi khi điểm chút tinh nghịch, hóm hỉnh. Hội nghị Genève 1954, cụ có thư góp ý với phái đoàn nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Viết sao đây cho ngoài phái đoàn không ai đọc nổi ? Chữ Pháp không thể dùng được rồi, chữ Hán thì có đoàn Trung Quốc đó, chữ quốc ngữ cũng không đang. Cụ viết một bức thư bằng chữ nôm. Chỉ có vài người bạn đồng song của cụ thời học trường Vinh có mặt trong đoàn mới đọc được. Và giữa Paris và Genève thư từ đi lại công khai, qua bưu điện. Toàn bằng chữ nôm. Ta mường tượng khi ấy các cụ thích thú chẳng khác mấy cậu học sinh tai quái Trường Quốc học thông đồng với nhau qua mặt được ông giám học nghiêm khắc !

Uyên bác của Hoàng Xuân Hãn là uyên bác thực dụng. Sau ít lần trao đổi thư từ giữa Paris và Genève, khi đã rõ việc chia đôi đất nước là không tránh được, trưởng phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hoà, thủ tướng Phạm Văn Đồng mời nhà bác học Hoàng Xuân Hãn bí mật qua Genève trực tiếp góp ý kiến. Cụ là một trong những người am tường nhất về địa lý đất nước, địa lý miền Trung.

Nói chuyện cũng đã dông dài mà sao vẫn chưa đi vòng quanh nổi con người Bác. Chỉ thấy sừng sững mà hài hoà, quyện vào nhau những yếu tố cao đẹp nhất của văn hoá Tây phương và Đông phương. Tây thì người Tây phương cảm nhận Bác như một nhà trí thức bậc cao của họ. Mà Nho cũng không ai Nho bằng. Chỉ thấy vòi vọi trung trinh, cao khiết

Một tấm lòng băng tại ngọc hồ
(Nhất phiên băng tâm tại ngọc hồ)

Chỉ biết xin thắp nén hương lòng chép lại những lời Bác viết về La Sơn phu tử, nhân vật mà Bác cộng cảm lạ lùng :

" *Trong cơn giông-tố, gốc cây đại-thụ đứng im ; giữa dòng nước cuốn, cột đá chân cầu không chuyển ; đó là đặc-tính chắc rắn của gốc cây, cột đá. Chuyện La-sơn phu-tử là chuyện một cá-nhân đặc-biệt, một cá-tính đặc-biệt mà thôi.*

Đặc-biệt không phải là phu-tử có khí-tiết, vì đồng thời có nhiều người đã có khí-tiết, chịu đựng trăm nguy nghìn hiểm, cho đến thiệt mình. Đặc-biệt vì khí-tiết của cụ đã được thử-thách trong những những trường-hợp éo-le, nhiều khi mâu-thuẫn cùng nhau, thế mà chung-qui vẫn trọn khí-tiết (...)

Tuy không giữ một vai quan-trọng gì đối với thời-cuộc, nhưng bởi cái đặc-tính của mình, phu-tử đã liên-can đến tất cả các vai chính trong màn lịch-sử đương-thời. Nhất là đối với vai tuồng Nguyễn Huệ, trước khi đánh đuổi quân Thanh, phu-tử đã bàn một câu (...), mà sau Nguyễn Huệ phải nhận là công-hiệu, trong lời khen phu-tử : " Một lời mà dấy nổi cơ-đồ !... Chứ không phải hạng người chỉ bo-bo làm việc gần mình mà thôi. " (Tựa thứ hai, La-sơn phu-tử).

Bùi Mộng Hùng (3.1996)

Vài lời về bác Hoàng Xuân Hãn

Về thân thế và công trình học thuật của bác Hãn, đã có người biết kỹ hơn tôi. Tôi chỉ xin ôn lại ở đây vài kỷ niệm cá nhân.

Tôi được quen bác có lẽ vào khoảng năm 1963, 64. Thuở ấy, nhân một bữa ghé mua sách Việt Nam ở hiệu sách ở xóm La-tinh, tình cờ gặp bác, tôi lại chào và tự giới thiệu. Tôi biết tiếng và ngưỡng mộ bác từ lâu ; nhưng điều tôi ngạc nhiên là bác bảo biết tôi đang là giáo sư đại học ở Lille, và bác có quen biết bố tôi và một chú tôi thuở chú tôi du học ở Pháp cùng lúc với bác. Những năm sau, do công tác hội đoàn, tôi nhiều lần được gặp lại bác trong Đoàn chủ tịch của Hội người Việt Nam tại Pháp...

Biết tôi nhiều lần góp ý với trong nước về việc học, đặc biệt về vấn đề đại học, mỗi lần gặp, bác thường hỏi thăm về việc này. Năm 1988, khi tôi khơi ý thành lập Trung tâm đại học " dân lập " Thăng Long ở Hà Nội, và lo chạy việc tiền nong sinh hoạt cho trường, bác và bác gái đã nhiệt tình hưởng ứng. Tôi biết rằng, không những bác luôn quan tâm đến nền học trong nước, mà còn nhạy cảm thấy rằng ở giai đoạn đó, phải tạo ra cái gì mới để châm ngòi cho một cuộc cải tổ đại học cần thiết nhưng chưa được phôi thai. Trong khi khó khăn còn đang đầy dãy để thuyết phục việc chính quyền cho phép thực hiện, sự hỗ trợ của hai bác và của vài người đã động viên tôi khá nhiều. Rồi đến cuối 1992, khi trường Thăng Long bị chuyển sang hướng khác, tôi thấy sự cần thiết khắc một tấm bia để ghi sự việc, trong mục đích nhắc nhở rằng sự phục hưng trí tuệ, qua sứ mạng của một nền đại học, là điều liên tục cần thiết. Tôi lại tìm bác, nhờ bác viết giúp cho một bản chữ nôm của bài văn bia này ; bác vui vẻ nhận lời và việc đã được thực hiện (1). Tôi biết chắc rằng bác hiểu tôi nên bác không một phút do dự. Bác hiểu tôi vì lợi ích chung cần thiết mà làm, chứ không phải như một vài người Việt ở nước ngoài mỉa mai việc làm bia (cho rằng tôi dám làm việc này để so sánh với mấy ông nghè trong Văn miếu) vì họ không thể hiểu nổi mục tiêu khác của việc làm thời nay, ngoài mục tiêu kiếm lợi riêng và kiếm danh (2) ! Tôi nhắc lại chuyện này và xin được dùng hai chữ " tri âm " để cám ơn bác đã bỏ qua các tiểu tiết để nhắm vào cái chính mà bác và tôi cùng mong thấy thực hiện.

Còn một chuyện muốn nói. Trong mấy chục năm, nhiều lần được hỏi bác về sự việc những năm 1945-46, tôi cảm thấy bác có tâm tư về giai đoạn bác tham gia chính phủ Trần Trọng Kim với chức vụ bộ trưởng giáo dục (tháng 4-tháng 8/1945). Trong một khoảng thời gian dài, " chính sử " đánh giá giai đoạn trên có phần thiên lệch và khiếm khuyết. Bác có lời giải thích thái độ của bác (3) :

" *Chủ trương của Mặt trận* (chú thích : Việt Minh) *là chống Pháp và chống Nhật. Chống Pháp là chí nguyện chung cho cả nước. Chống Nhật cũng là tất nhiên cho cách mạng và thuận với Đồng minh đang thuận với độc lập Việt Nam. Vậy cả hai khẩu hiệu ấy là hợp. Nhưng trong hành động, sau ngày Nhật diệt chính quyền thực dân Pháp và tuyên bố Việt Nam tự chủ vận mệnh của mình, tự nhiên rằng người cách mạng chống Nhật không thể ra công khai nhận lấy chủ quyền cho nước. Con thuyền bị buộc đã được cắt dây. Nước tự hào có lịch sử vẻ vang, gồm hăm lăm triệu người, há lại để thuyền trôi không lái. Cả Nhật, Pháp và Đồng minh sẽ đánh giá lòng yêu chuộng độc lập của dân ta ra sao ? Vì vậy đã có chính phủ Trần Trọng Kim. Chỉ tiếc rằng Mặt trận không làm dễ cho chính phủ công khai quản lí việc dân và dự bị sự giao tiếp khi quân Nhật tất phải đầu hàng. Dẫu sao, sau khi Nhật đầu hàng, Mặt trận ra nắm chính quyền là hợp lẽ và có thế lợi cho độc lập được nhìn nhận. Nghĩ như vậy, chính phủ Trần Trọng Kim đã có động tác cuối cùng là khuyên cựu hoàng* (chú thích : Bảo Đại) *mời các nhà cách mệnh* (chú thích : cụ Hồ) *ra chính thức lập chính phủ, nhưng thiếu chuẩn bị, sự ấy không thể thành. Kết quả là những tổn thất về vật chất và tinh thần trong khi cướp chính quyền và không thể lợi dụng sự hoang mang của quân nhân Nhật khi được lệnh phải đầu hàng* " (4).

Đã 51 năm trôi qua. Thuở ấy tôi còn nhỏ, nhưng đã biết và còn nhớ : biết lòng thiết tha của mọi tầng lớp muốn sớm thấy nước nhà độc lập thống nhất ; nhớ một số sự việc đã xảy ra cho một số người ít nhiều dính tới chính phủ Trần Trọng Kim, tuy ở địa vị và cấp bậc to nhỏ khác nhau (5). Cũng như sau đó việc đi kháng chiến, một phần do cá nhân, một phần do thời cuộc, nếu không có điều kiện thuận lợi, chắc gì việc đã thành. Cũng có cảnh ở ẩn để giữ mình cho sạch, như giai đoạn " xử " của đời bác mà (6) đã nhắc tới. Cho nên tôi rất mong rằng ngày nay, 20 năm sau ngày thống nhất, những nhà viết sử trong nước sẽ có được một sự đánh giá giai đoạn kể trên một cách thanh thản và khách quan hơn (7). Đem chuyện xưa kể lại, tôi muốn nói lên sự thông cảm của tôi đối với bác, đồng thời với lòng tôi tưởng nhớ bác.

Bùi Trọng Liễu
Giáo sư đại học (Paris)
24.3.1996

---

(1) Xem *Về một bài văn bia*, Diễn Đàn số 32, 1/7/1994.

(2) Tôi xin nói mấy điều sau đây : Một số ông nghè có tên trên bia Văn Miếu, chẳng qua do mấy bài văn sách trong trường thi, nghĩa là hoàn toàn có tính cách cá nhân ; còn việc khắc bia ghi chuyện trường Thăng Long là việc khắc bia về một công việc có tính cách lợi ích chung, không những trong quá khứ mà còn nhằm tác dụng hiện tại và tương lai về " sứ mạng của đại học " ; nếu phải so sánh với bia xưa, cũng chẳng có gì phải hổ thẹn. Ngày xưa, nhà vua cho phép dựng bia ; ngày nay chẳng lẽ phải được phép của nhà cầm quyền thì người ta mới không mỉa ?

(3) Xem ***Một vài ký vãng về Hội nghị Đà Lạt***, *Tập san Sử Địa* 23 và 24, Sài Gòn 1971.

Xin tóm tắt sơ lược lại một số mốc thời gian (cho các bạn trẻ dễ đọc) : Sau Hoà ước Bảo hộ 1884, Việt Nam bị mất nước và bị chia cắt : Nam kỳ là thuộc địa, Trung kỳ và Bắc kỳ thì chịu nền bảo hộ

của Pháp, cùng Miên, Lào là 5 xứ Đông Dương thuộc Pháp. Sau khi đại chiến thế giới 1939-1945 bùng nổ giữa tạm gọi gọn là Đồng Minh (Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Hoa dân quốc...) và Trục (Đức, Ý, Nhật), Nhật đem quân vào Đông Dương chiếm đóng một số căn cứ quân sự, nhưng vẫn để nguyên chính quyền thực dân Pháp. Đêm 9/3/45, quân Nhật lật chính quyền Pháp ở Đông Dương. 10/3/1945, Nhật tuyên bố sẽ giúp Việt Nam và các xứ Đông Dương khác thực hiện độc lập (tuy Nhật vẫn còn nắm một số thực quyền). 11/3/1945, triều đình Huế tuyên bố huỷ bỏ Hoà ước 1884, Việt Nam khôi phục chủ quyền. 17/4/1945, vua Bảo Đại uỷ ông Trần Trọng Kim lập chính phủ, cử ông Phan Kế Toại làm Khâm sai Bắc bộ, và ông Nguyễn Văn Sâm làm Khâm sai Nam bộ. 14/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng Minh. 19/8/1945, Cách mạng : Mặt trận Việt Minh giành chính quyền.

(4) Tôi còn nhớ sau Cách mạng Tháng tám, có lời đồn đại là cụ Hồ không muốn ông Bảo Đại thoái vị, mà chỉ muốn ông mời cụ lập chính phủ mới, để dễ điều đình với Đồng Minh, với Tàu Tưởng và với Pháp, công nhận nền độc lập của nước nhà, nhưng ông Trần Huy Liệu vội vàng nên sự việc đã diễn ra thế khác. Nhưng lời đồn và sự thật không chắc đã là một. Hay là lời đồn phát nguồn từ " động tác cuối cùng của chính phủ Trần Trọng Kim " rồi được chế biến ra ? Còn " tổn thất vật chất ", phải chăng là lỡ cơ hội để Nhật trao lại cho một số vũ khí tước được của Pháp hồi 9/3/1945, vũ khí cần thiết cho việc bảo vệ nền độc lập phôi thai ? Xin để cho các nhà sử học trả lời.

(5) Tôi muốn kể đến trường hợp của bác Phan Kế Toại và của bố tôi. Ông Toại trước lấy cô họ tôi (là mẹ hoạ sĩ Phan Kế An). Cô tôi mất sớm. Sau ông Toại cưới bà vợ khác là bà Mão, là chị ruột ông Nguyễn Văn Huyên ; ông Huyên trước du học ở Pháp, đỗ tiến sỹ văn chương, cho nên thời đó gọi là ông nghè Huyên, sau này là bộ trưởng giáo dục Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Năm 1945, ông Toại đang làm Tổng đốc Thái Bình. Sau khi đảo chính Nhật, bỏ nền bảo hộ Pháp, thành lập chính phủ Trần Trọng Kim, ông Toại được bổ làm Khâm sai Bắc bộ. Lúc đó, ông Hồ Đắc Điềm đang làm Tổng đốc Hà Đông ; Hà Đông thời đó được coi là tỉnh quan trọng nhất Bắc kỳ, Tổng đốc Hà Đông được coi là chỗ cao nhất trong hàng quan Nam triều ở ngoài Bắc, hơn cả Tổng đốc Thái Bình, cho nên ông Hồ Đắc Điềm muốn xin thôi không ở Hà Đông nữa mà xin chuyển về làm ở Toà Thượng thẩm. Ông Toại muốn tìm người tin cậy được để thay thế ông Điềm, cho nên bàn định bổ nhiệm bố tôi (đang làm tuần phủ Phúc Yên, là quan đầu tỉnh của một tỉnh nhỏ) về làm Tổng đốc Hà Đông, nhưng bố tôi từ chối, vì lúc đó thấy là sắp Cách mạng, mà ở Phúc Yên thì yên tĩnh, mà lại đã có quan hệ với những người phụ trách Việt Minh ở vùng đó (thuở đó việc mua tín phiếu ủng hộ Việt Minh cũng không phải là hiếm). Bố tôi thường khen ông Toại là có bản lãnh, lại là người thức thời ; ngay hồi 1943 khi hai người bàn chuyện tương lai, ông Toại đã nhiều lần nói về khả năng Cách mạng thành công sau này và khuyên bố mẹ tôi rằng có của chìm của nổi nên chia sẻ bớt, vv.

Sau Cách mạng Tháng Tám, năm 1946 cụ Hồ áp dụng chính sách đoàn kết, muốn sử dụng mọi thành phần, kể cả quan lại cũ, bố tôi cũng được đề nghị ra làm đổng lý sự vụ (?) của bộ giao thông công chính. Tôi còn nhớ việc đầu tháng 12, bố tôi đã đi gặp ông bộ trưởng (tôi không nhớ tên), ông đã hẹn ngày để đưa vào chào cụ Hồ trước khi nhận việc, v.v., thế nhưng việc chưa thực hiện thì chiến tranh bùng nổ. Trừ mấy nhân vật quan trọng được tổ chức đưa đi kháng chiến, còn thì mạnh ai nấy lo. Bố mẹ tôi đem gia đình về quê, thuộc tỉnh Ninh Bình. Cuối 1949, quân đội viễn chinh Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm, quê tôi bị lọt vào vùng tạm chiếm. Không thể sống ở quê được, đầu 1950 bố tôi đem gia đình về Hà Nội, nhưng với quyết tâm sẽ không làm gì để cản trở cuộc kháng chiến giành độc lập cho nước nhà. Trước đó một năm, ông Bảo Đại đã ký kết với Pháp, và Pháp đã lập lại một bộ máy hành chính cho ông trong vùng tạm chiếm. Lúc ấy , ông Nguyễn Hữu Trí, đang làm " Thủ hiến Bắc Việt " trong vùng tạm chiếm đó, vốn là bạn đồng liêu với bố tôi thuở trước, nên ép bố tôi ra làm việc với chính quyền Bảo Đại với chức " Tổng thanh tra hành chính ". Trong gần một năm trời, bố tôi nhất quyết từ chối. Nhưng sức ép quá mạnh, bố tôi không thể sống trong nước được nữa nên viện cớ sang Pháp thăm tôi (đã sang Pháp du học và đang ốm nặng), chịu sống cảnh nghèo nàn, và không bao giờ trở về nữa. Cho nên tôi nói thời cuộc đưa đẩy là vậy.

Bác Toại thì đi kháng chiến, giữ những chức vụ như bộ trưởng Nội vụ, rồi Phó Thủ tướng. Hè năm 1970, (thời kỳ Hội nghị Paris), với tư cách là giáo sư Đại học Paris và là " nhân sĩ " trong phong trào Việt kiều, tôi được mời về nước thăm và làm việc bốn tuần. Ở Hà Nội, tôi có lại thăm bác Toại, lúc đó đang làm Phó Thủ tướng, tuy bác đã già yếu lắm và không còn thực sự làm việc nữa. Lúc đó còn đang chiến tranh, sự canh phòng rất cẩn mật, đi lại giao dịch rất khó khăn. Vào nhà bác, vì tôi là khách mời của trong nước, các người bảo vệ vệ có nhã ý để tôi vào trong nhà một mình. Vào trong, cụ bà Mão đang đứng ngoài sân, (tuy tôi có nhắn hẹn trước) bác tưởng tôi là cán bộ nào nên hỏi " Ông vào đây có việc gì ? ". Khi tôi xưng danh và tự giới thiệu, bác mừng rỡ nắm tay dắt vào nhà rối rít gọi bác giai. Khi ấy, bố tôi đã mất. Hai bác ân cần hỏi thăm tin mẹ tôi và gia đình. Bác Toại bảo tôi : bác là cán bộ chính trị nên không được về hưu, tuy đã yếu lắm. Thời chiến tranh thật là khó khăn, nghèo nàn ghê gớm. Bác trai rót nước mời tôi, tay run đổ nước xuống bàn, bác lấy tay gạt nước, chứ không có khăn lau. Tôi trầm ngâm nghĩ lại những lời nhận định của bố tôi về bác, về cụ Hồ Đắc Điềm, về cụ Vi Văn Định : nào Khâm sai đại thần, nào Tổng đốc, nào Thái tử thiếu bảo An Phúc nam thuở trước, rồi đi Kháng chiến, với những lời " *ông cha mình hưởng đã nhiều, bây giờ mình cũng nên chia sẻ* " trong cuộc giải phóng dân tộc. Tôi đem chuyện xưa nhắc lại, bác rất cảm động. Tôi cũng ngập ngừng nhắc lại giai đoạn 1945, bác bảo : thời cuộc bấy giờ nó phải như vậy...

(Trích mấy đoạn của hồi ký " *Chuyện gia đình và ngoài đời* " tôi viết, nhưng không xuất bản, tuy đã gửi tặng một số vị).

(6) Xem ***Mấy điều tâm đắc về bác Hoàng Xuân Hãn*** của Nguyễn Trọng Nghĩa, *Diễn Đàn* số 13, 1/11/1992.

(7) Theo một bản tin của trong nước, (tôi trích) : " *Xét công lao to lớn của giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong các lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hoá, giáo dục của đất nước, ngày 13/3/1996, Chủ tịch nước CHCNXH Việt Nam Lê Đức Anh đã quyết định truy tặng Huân chương Độc lập hạng nhì cho cố giáo sư Hoàng Xuân Hãn, nhà trí thức lớn yêu nước* ". Tất nhiên, không ai có thể khẳng định được là nếu bác Hãn còn sống, tình cảm của bác là gì trước quyết định này. Còn những người khác, cũng đã có người đón tin này với chút chua xót, mỉa mai, cũng có người lại cho rằng " thà muộn còn hơn không bao giờ "...Theo tôi, khi xét thái độ của một tập thể, không nên " *vơ đũa cả nắm* ". Vả lại, phải chăng trong tình hình chung, nên ghi nhận mọi biến chuyển có chiều hướng cởi mở ? Và tôi xin chép lại đây, câu kết luận tôi viết trong bài " *Nhân việc đưa hài cốt cựu hoàng Duy Tân về nước* " mà tôi đăng dưới bút hiệu H.B. năm 1987 trong báo Tổ quốc và trong báo Đoàn Kết số 393 và 396), câu mà tôi luôn tự nhắc : *Không nên và không cần vì tình cảm mà tô điểm cho sự việc, nếu không thì rơi vào cảnh " yêu thì yêu cả đường đi, ghét thì ghét cả tông ti họ hàng " !*

đính chính : Trong *Diễn Đàn* số trước, bài ***Đông và Tây, và ta*** của Bùi Mộng Hùng, trang 24, cột 1, đoạn 2, năm Phạm Phú Thứ đi sứ đã viết sai là 1877. Xin bạn đọc vui lòng sửa lại cho đúng : 1863. Chúng tôi chân thành cảm ơn chị M.L. (Paris) đã lưu ý chúng tôi về sai sót này.

Kỷ niệm về học giả Hoàng Xuân Hãn

Những năm tháng Tạp chí Khoa học xã hội

Sáng chủ nhật 10.3.96, khoảng 9 giờ, anh Hải con rể Bác Hãn cho tôi hay tin Bác mới mất. Tôi điếng cả người. Lắp bắp không kịp hỏi Bác mất giờ nào. Anh Hải cho biết tối thứ bảy anh ấy có điện thoại cho tôi mà không gặp. Và như thế là tôi đã lỡ dịp gặp Bác trong những giờ phút cuối cùng.

Thế là những người có cái duyên được quen biết Bác đã mất đi một vị hiền triết đáng kính, một nhà nho uyên thâm có một không hai còn sống đến cuối thế kỷ hai mươi này.

Tôi quen và gần gũi Bác từ năm 1976 qua việc xuất bản *Tập san Khoa học Xã hội* cũng như qua những lần đưa vợ con ra Normandie nghỉ tại Manoir d'Aubonne. Mỗi lần trò chuyện với Bác tôi đều học hỏi thêm được nhiều điều mới : Bác thật là một kho tàng quí báu về lịch sử và văn học Việt Nam.

Tôi cũng rất cảm phục cái phong cách mẫu mực của Bác : sáng suốt trong việc nhận định, nhưng ôn hoà, cởi mở trong phê phán.

Lúc mới ra Tập san thì Bác đã 68 tuổi rồi, thế mà Bác lại nghiên cứu, viết bài công phu và nhiều hơn " bọn trẻ " chúng tôi rất xa ! Do tính chất rất kỹ thuật (nhiều chữ hán, chữ nôm hay những ký hiệu Bác đặt ra...) của các bài viết đôi khi dày gần trăm rưởi trang đặc cả chữ, nên Bác phải tự đánh máy lấy ! Những bài của Bác đều là những công trình nghiên cứu độc đáo và có giá trị. Đó là một trong những động cơ chính đã thúc đẩy ban trách nhiệm (trong đó phải nhắc đến anh Nguyễn Đình Khánh đã sớm qua đời) cố gắng duy trì Tập san, dù gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, nhân sự...

Năm 1982, nhân dịp ra số đặc biệt dành cho công trình ***Lịch và Lịch Việt Nam***, Tập san đã tổ chức buổi mừng thọ 75 tuổi của Bác tại thư viện Ban Việt học, Đại học Paris 7.

Bác rất cảm động. Bác đã trình bày sơ lược hành trình Bác đã đi qua : hành trình của một nhà khoa học chuyển dần sang nghiên cứu lịch sử và văn học.

Các anh chị có mặt trong buổi chúc thọ hôm ấy, chắc ít ai tưởng tượng rằng Bác sẽ còn tiếp tục nghiên cứu gần mười lăm năm nữa, và hoàn thành thêm cả mấy chục công trình đã hoặc chưa công bố !

Mấy năm gần đây, Bác yếu đi. Bác đọc sách khó khăn vì mắt kém thêm, viết chữ Hán hơi khó đọc vì tay run. Sức làm việc của Bác vì vậy có suy giảm. Lại thêm Bác mất nhiều thì giờ tiếp khách. Sự phát triển hợp tác khoa học, văn hoá giữa Việt Nam và Pháp đã tạo điều kiện cho khá đông trí thức Việt Nam sang Pháp. Trong số đó nhiều người đã tìm đến gặp Bác, mà Bác thì lúc nào cũng sẵn sàng ưu tiên tiếp đón và giúp đỡ các nhà nghiên cứu trong nước.

Anh em chúng tôi ai cũng lo không biết Bác có còn thì giờ để hoàn tất cuốn Kim Vân Kiều, một công trình nghiên cứu quan trọng mà nhiều người chờ đợi.

Riêng tôi có cảm tưởng là Bác vẫn tin còn đủ thì giờ nên vẫn tiếp tục viết về những đề tài khác, nói chuyện trên radio, tham gia các cuộc hội thảo v.v.

Qua những lần gặp Bác gần đây, tôi chưa bao giờ thấy Bác tỏ ra lo âu về cái chết : Bác thanh thản lạ lùng như một thiền sư thấm nhuần đạo lý vô thường, dù Bác chưa bao giờ tự nhận mình là môn đệ Phật (tuy nhiên, cũng phải nói rằng từ gần hai mươi năm nay Bác rất gắn bó với chùa Trúc Lâm ở ngoại ô Paris).

Mười ngày trước Tết, tôi có dịp gặp Bác ở nhà anh Hải. Bác cho biết chủ nhật trước Bác mới chủ toạ buổi lễ phát huy chương cho một nhà vật lý Việt Nam ở thị sảnh Évry. Bác gái gần đây hay ốm, nhưng hôm đó đã khoẻ lại, nên cùng đi với Bác. Bác nói Bác gái tặng hai đứa con của tôi hai bức tranh lụa dân gian Việt Nam mà hai Bác đã mua trong dịp kỷ niệm 600 năm ngày sinh của Nguyễn Trãi tại trụ sở UNESCO (Paris). Cuối năm 1994, Bác cũng đã tặng hai cháu cuốn *La Sơn phu tử* và cuốn *Chinh phụ ngâm bị khảo* do Minh Tân xuất bản ở Paris, để nhắc nhở hai cháu nhớ đến nước Việt Nam, hy vọng sau này các cháu sẽ tha thiết đến văn hoá dân tộc dù biết thừa rằng, với trình độ tiếng Việt hiện nay, hai cháu không đọc nổi hai tác phẩm ấy của Bác.

Khi ra về, Bác tiễn tôi tận xuống dưới lầu, qua hai tầng thang xoáy trôn ốc khá chật, dù tôi đã xin Bác đừng xuống. Có biết đâu đó là lần cuối cùng tôi gặp Bác !

Đào Văn Thụy

Anh Nguyễn Huệ Chi (Viện văn học Hà Nội) đã băn khoăn về tình trạng văn bản ***Truyện Kiều*** của học giả **Hoàng Xuân Hãn** (*xem DĐ số trước*). Đó cũng là quan tâm của tất cả những ai thiết tha với văn học và văn bản học Việt Nam. Sau khi liên lạc với gia đình giáo sư, chúng tôi vui mừng thông báo : đã tìm ra di cảo *bản phiên âm, hiệu đính, chú thích và toàn bộ 9 dị bản Truyện Kiều* mà giáo sư đã dùng làm cơ sở để dựng nên một *thoại* gần nguyên tác nhất ; gia đình và Hội văn hoá Cam Tuyền Hoàng Xuân Hãn sẽ chuẩn bị tiến hành việc uỷ nhiệm giáo sư Nguyễn Huệ Chi xuất bản.

Monsieur Jourdain au Tonkin

Vở hài kịch song ngữ Pháp-Việt của hai đạo diễn **Vincent Colin** và **Trần Minh Ngọc** sẽ được trình diễn trở lại tại Pháp trong tháng 5 và 6, với các diễn viên **Ngọc Huyền, Chí Linh, Thành Lộc, Nguyễn Hồng Dung, Văn Hai, Phạm Văn Môn, Phan Nhất Dũng, Gérard Chaillou và Sylvie Chenus** :

- từ **3** đến **7.5** tại *Théâtre des Arts*, **Cergy-Pontoise** (điện thoại : 34 20 14 14)
- ngày **10.5** (20g30) tại rạp *Le Manège*, **La Roche sur Yon** (51 47 83 83)
- từ **15.5** đến **2.6** tại *Théâtre International de Langue Française*, Parc de la Villette, **Paris** (40 03 93 35).

Hoàng Xuân Hãn : Hành trình và chân dung xã hội của một trí thức thời đại

Trịnh Văn Thảo

Cái chết quá đột ngột của cụ Hoàng Xuân Hãn không cho phép tác giả phân tích và đánh giá đầy đủ sự nghiệp, tư tưởng cụ trong lịch sử khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam. Cũng như các nhà văn hoá lớn hiện đại có tầm thước những Đào Duy Anh, Trần Trọng Kim.., thân thế và sự nghiệp khoa học của cụ sẽ làm đề tài và đối tượng nghiên cứu, những khoá hội thảo trong nước và ngoài nước tương xứng với địa vị của cụ trong nền văn học và văn hoá dân tộc. Những nhà chuyên môn về chính trị học sẽ phân tích chỗ đứng và hành động thực sự và cụ thể của cụ trong các chính phủ Trần Trọng Kim (1), Hồ Chí Minh (2) và trong hàng ngũ Việt kiều tại Pháp từ khi cụ rời bỏ đất nước cho đến ngày tạ thế. Kẻ viết bài cũng không có cái vinh dự làm học trò hay được gần gũi thân mật với vị lão thành trí thức ấy nên chỉ biết tri ân bậc đàn anh bằng vài cảm nghĩ không về cá nhân người quá cố mà về một thế hệ trí thức mà định mệnh hình như đã gắn liền với thế kỷ XX, một kỷ nguyên vừa huy hoàng vừa đau đớn của dân tộc Việt.

Trên dưới không đầy một thập niên, cuộc đời cụ Hoàng Xuân Hãn đồng nhất với thế kỷ đang chấm dứt. Trong lịch trình tiến hoá của thành phần trí thức ta, cụ thuộc về thế hệ những người sanh đẻ đầu thế kỷ, lớn lên giữa cơn bão táp 1925-1926 đánh dấu sự ra đời của một xã hội mới — cuộc trí thức cách mạng kiểu 19 tháng 5 của ta —, tham dự vào cuộc lật đổ chế độ thực dân (tháng 3 năm 1945), chấp chính sau cuộc khởi nghĩa tháng 8 để rồi trao lại, ba mươi năm sau, vận mệnh lịch sử cho thế hệ kế tiếp (3).

Dấu ấn của thời chuyển tiếp được thể hiện giữa hai cái mốc : khởi đầu (1908) và kết liễu (1996). Trong sự tiếp nối của thời gian, cũng như qua thân thế xã hội (4), cụ Hoàng Xuân Hãn là hiện thân của những người kế tục tầng lớp Nho giáo như cụ đã từng thổ lộ trong một buổi đàm thoại với một sinh viên Pháp : " *Tôi sinh trưởng ở một làng nhỏ thuộc tỉnh Hà Tĩnh, huyện Đức Thọ, làng ấy hình như cũng còn giữ tên xưa (5), và thế hệ của tôi có thể xem là nằm ráp danh giữa hai nền văn hoá cũ và mới, như vậy là tôi tuyệt đối thuộc về thế hệ nầy (...)* " (H. Decarnin, *Luận văn cao học*, Đại học Aix en Provence, 1991).

Ngay từ ban đầu, thế hệ 1925 phải đương đầu với một nghịch lý của lịch sử : chính những đứa cháu yêu của các nhà nho dũng cảm thời Cần vương (1885-1895), những đứa con ưu tú của các cụ Nghè, cụ Cử thức tỉnh thời Đông Kinh Nghĩa Thục (1905-1907) sẽ được dân tộc giao phó trách nhiệm chôn vùi nền văn hoá Đông phương của Trung Quốc ; và với nó, sự tồn tại của giai cấp sĩ phu Việt Nam sau gần ba thế kỷ thịnh trị (nhà Lê) và một triều đại gần như độc tôn chính thống (triều Nguyễn). Như những người đồng tuổi sanh trưởng ở Bắc bộ và Trung bộ, thời thơ ấu của họ còn gắn bó nhiều với mái trường xưa do cha ông để lại từ hệ thống Khổng Mạnh (6). Tuy nhiên cái nền học vấn nho giáo thời ấy cũng đã bắt đầu biến thái, chịu ảnh hưởng ít nhiều xu hướng cải lương Minh trị đã phổ biến từ Nhật Bản sang Trung Quốc. Xuất phát từ tỉnh Quảng nam, phong trào Duy Tân (7) nầy đã bắt đầu xâm nhập vào mái trường và tư tưởng các cụ đồ miền Nghệ-Tĩnh (8). Mặc dù được tiếp thu một cách trễ tràng nền học vấn Pháp-Việt (9) so với miền Nam và miền Bắc, học sinh miền Trung (thuộc qui chế bảo hộ) không bỡ ngỡ khi nền học chính bảo hộ năm 1918 được áp dụng trên toàn lãnh thổ Đông Pháp. Mặc dù không khỏi đau lòng trước cảnh

Văn chương Đông Á trời thu sạch
Này lúc cương thường đảo ngược ru ?

(Tản Đà)

Nói chung, thế hệ ông cha các cụ đã chấp nhận sự cải tiến, duy tân là cần thiết mặc dù nó đã được thực hiện trong bối cảnh một cuộc giao thoa cưỡng bức (*acculturation subie*). Thậm chí có người cương quyết khuyên con dứt khoát bỏ hẳn Nho học để đi vào nền giáo dục Tây phương (10). Dầu có đoạn tuyệt vĩnh viễn (?) như trường hợp cụ Hồ Tá Khanh hay kết hợp hai dòng văn hoá như cụ Hoàng Xuân Hãn, thế hệ 25 đã đi hẳn vào con đường mới mà kết quả hiển nhiên là sự thành hình của một lớp sĩ phu Tây học xuất thân từ một xã hội mới.

Dĩ nhiên là cuộc hành trình của họ có muôn màu muôn vẻ : ***hành trình*** " ***Pháp hoá*** " với những thành phần được giáo dục ngay lúc đầu ở các trường Pháp từ các lớp nhỏ cho đến ngày chiếm bảng khoa khôi (Hồ Tá Khanh, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Duy Khiêm, Phạm Tinh Quát, Trần Đức Thảo, Ngô Đình Nhu...), ***hành trình*** " ***Việt- Pháp*** " của những người học trường " bản xứ " (ít nhất cho đến hết ban trung học) trước khi vào chế độ đại học Pháp (Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Xiển, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Nguyễn Khắc Viện, Lê Văn Thiêm...), ***hành trình hoàn toàn trong nước*** của những người học từ trường làng đến đại học Hà Nội (Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, Cao Xuân Huy, Võ Nguyên Giáp...) (11).

Quá trình đào tạo của thế hệ 25 diễn ra trong một khung cảnh học đường sôi động giữa một xã hội khủng hoảng (1926-27, 1930-31, 1936-39, 1940-45). Hết cạm bẫy ngôn ngữ (từ chữ nho nhảy sang tiếng Pháp, từ lối học từ chương của văn học Đông phương đến sự hấp thụ các môn khoa học thực dụng Tây phương) đến các cuộc thử thách của một chế độ thi cử cực kỳ nghiêm khắc (12), suy sụp mức sống vì kinh tế khủng hoảng, sức ép thực dân và sức hấp dẫn của các đảng phái đối lập cải lương hay cách mạng..., người **thanh niên** của ta lúc ấy phải phối hợp tất cả truyền thống nghìn năm văn hiến với khả năng hấp thụ của chính riêng mình mới đi hết đoạn đường khoa hoạn của chế độ Cộng hoà Pháp : Tú tài, Dự bị vào Trường lớn, Bách khoa, Đại học sư phạm, Kỹ sư Cầu cống, Thạc sĩ Toán pháp.

Trong hoàn cảnh một nước bị trị, số phận của những sĩ

phu kiểu mới có đủ cấp bằng của nền học chính mẫu quốc hay của nhà nước bảo hộ cũng chỉ là " *đem thân khoa bảng làm tôi Pháp* " như cụ Phó bảng Trần Tán Bình đã tức cảnh. Xuất thân Trường Hầm mỏ Paris như Đặng Phúc Thông (13) cũng chỉ được nhận làm cán sự Hoả xa thì chức Giáo sư Thạc sĩ chính ngạch của cụ cũng không hẳn quá tệ ! Còn nói gì đến các người trí thức đã sớm dấn thân vào con đường đối lập công khai và đã trả giá rất đắt sự lựa chọn đó như trường hợp Nguyễn An Ninh, Hồ Văn Ngà, Tạ Thu Thâu...

Tuy nhiên được **vào đời** giữa thời kỳ Mặt trận bình dân (Pháp) và phong trào Đông dương Đại hội, giữa cảnh tượng trăm hoa đua nở trên mảnh đất văn học ba miền với những đội ngũ trí thức viết và đọc (14) sách báo của các nhóm ***Tự Lực văn đoàn, Hàn Thuyên, Thanh nghị, Tân dân, La Lutte, Hội Khai trí tiến đức*** v.v.., nhà Tây học và Việt học Hoàng Xuân Hãn gặp đúng vận hội chỉ có một lần trong đời người giữa một xã hội đang chuyển mình vùng dậy. Thời cơ đã đến và đã giúp cho những người thức thời lúc đó *nhận chân* đúng vai trò của mình trong một giai đoạn lịch sử : chuẩn bị cuộc giải phóng dân tộc trước viễn ảnh sụp đổ của chế độ Bảo hộ ngày càng rõ rệt. Viết ***Danh từ khoa học*** (1942) và phát động phong trào truyền bá quốc ngữ (15) cũng là hai việc làm của một ***dự án văn hoá dân tộc khoa học và đại chúng*** (trước bản ***Đề cương văn hoá*** của đảng cộng sản) để chờ ngày nước ta bước vào ngưỡng cửa độc lập, tự chủ. Quan niệm xuất xử đó vào thời điểm ấy đưa những người đồng thời như Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Tố, Vũ Đình Hoè... vào một vị trí nhất định khi lịch sử chuyển hướng. Trong giai đoạn đầu của phong trào giải thực (*décolonisation*), những người như cụ đúng là lớp *trí thức giao thời* phối hợp hai nền văn hoá Đông Tây, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, dòng họ nho phong và tư cách người trí thức hiện đại.

Trong cách đối xử với các triều đại thay thế nhau trên chính đài sau 1945, cụ có một lối xuất xử rất cấp tiến đối với thế hệ của mình : không thoái thác nhiệm vụ người công dân trước lịch sử và chính quyền chính thống nhưng *không nhầm lẫn khả năng khoa học và chuyên môn của mình với vai trò " dân chi phụ mẫu " của lớp người đi trước*. Khi thời thế đã vượt qua khả năng nhập cuộc của mình thì Cụ lại trở về với nhiệm vụ văn hoá, trí thức, chứ cũng không " từ quan ẩn dật " như các cụ thời xưa (Nguyễn Khuyến chẳng hạn). Từ khi xuất ngoại lần thứ ba (1951), Cụ kiên trì trong một thái độ đã áp dụng từ khi còn đi học trường Bách khoa vào những năm 30-31 sóng gió, lúc đi dạy trường Bưởi thời Mặt trận bình dân. Trong suốt thời gian gần nửa thế kỷ sống bên Pháp, có lẽ đó là động cơ giải thích sự " im lặng " của cụ trước cảnh chia đôi Nam Bắc, những thử thách của chế độ Diệm-Nhu ở miền Nam, Cải cách ruộng đất và Nhân văn Giai phẩm ở miền Bắc... cho đến cuộc khủng hoảng gần đây của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ? Phải chăng đây là tác phong của người khoa học thuần tuý và cũng là cái giá phải chịu trả để giữ vững tư thế người trí thức trong quan hệ đối với xã hội lịch sử ? Nó giải thích một phần nào cuộc hành trình khoa học của cụ, một nhà sử học, văn học và ngữ học lớn của thế kỷ XX giữa một thời đại vất vả, những môi trường chính trị tạp nhạp trong đó kẻ sĩ thường bị sử dụng như một phương tiện chiến lược hơn là một nhân tố tiến hoá và hài hoà. Cụ Hoàng Xuân Hãn đã dạy cho thế hệ chúng ta một bài học quí giá : *trí thức* là kết tinh của sự trui rèn, học tập theo con đường chuyên nghiệp và trong tinh thần lập nghiệp dù cái nghiệp đó " chỉ là " cái nghiệp văn hoá. Cụ không có cái xu hướng " bách khoa " quá dễ dãi của một số đông sĩ hoạn ngày nay cũng như cụ không theo hẳn quan niệm " tài tử " của các nhà nho thời trước. Con đường xuất xứ của cụ tuy phảng phất cái gì của thời xưa (hiếu học, trọng đạo đức, chấp nhận trật tự xã hội) nhưng cũng có cái khác. Khác với nhiều trí thức Việt Nam đồng tuổi (16), cụ không dùng văn hoá để phục vụ chính trị mà chỉ " làm " chính trị (như hồi làm bộ trưởng Giáo dục cho cụ Trần Trọng Kim, hay cộng tác với chính phủ Hồ Chí Minh lúc ban đầu) khi nó " biết " phục vụ văn hoá và khoa học dân tộc.

Aix en Provence
Xuân Bính Tý
Trịnh Văn Thảo

(1) Từ tháng 03 đến tháng 08 năm 1945

(2) Với tư cách cố vấn đoàn đại biểu phía chính phủ Hồ Chí Minh trong cuộc đàm phán Pháp-Việt tại Đà Lạt (tháng 04 năm 1946). Xem *Một vài kí vãng về Hội nghị Dalat 1946*, Sàigòn, 1970

(3) Trong *Việt Nam từ Nho giáo đến chủ nghĩa cộng sản*, tác giả đưa họ vào " thế hệ 1925-1926 " nghĩa là những người trí thức được trui rèn bởi chế độ học đường Pháp-Việt, trong một xã hội thành thị, chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa tự do cá nhân và nhân quyền Tây phương. Cuộc thử lửa đầu tiên của thế hệ là những phong trào đấu tanh thành thị (Sài Gòn, Huế, Hà Nội...) những năm 20 (xem sau)

(4) Khuôn khổ giới hạn không cho phép tác giả bài nầy đánh giá vai trò của thổ địa đất đai và với nó, nhân sự đã hun đúc con người Hoàng Xuân Hãn. Quan hệ của cụ với xã hội ta trước hết là quan hệ với những người cùng " xứ " (Thanh Nghệ Tĩnh). Tình cảm của cụ đối với những người " đồng hương " rất mặn mà : xem Cảm nghĩ về Trần Trọng Kim, Phan Anh, Tạ Quang Bửu,v.v...(H. Decarnin, xem sau)

(5) Xã Dục Nhạn (Hà Tĩnh)

(6) Ông nội đỗ cử nhân, ông bố đỗ tú tài. Người sĩ hoạn xuất sắc nhất của dòng họ (trước cụ) là Nguyễn Biểu, đại thần và liệt sĩ đời Trần (thế kỷ XV). Xem bản thu thanh của Lê Hữu Khoá.

(7) Xem Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy tân*, Sài gòn, 1970

(8) Xem Đặng Thai Mai, *Hồi ký*, Hà Nội , 1985

(9) Xem Trịnh Văn Thảo, *Trường học Pháp tại Đông Dương*, Paris, 1995

(10) Đàm thoại giữa cụ Hồ Tá Khanh và Trịnh Văn Thảo. Xem *Việt Nam từ Nho giáo đến chủ nghĩa cộng sản*, Paris, 1990, tr.246

(11) Chưa nói đến những người xuất thân là sĩ hoạn nho giáo chuyển sang Tây học như cụ Lê Thước, Võ Liêm Sơn...

(12) Chỉ một phần mười học sinh được tuyển chọn từ cấp dưới lên cấp trên bắt đầu từ cấp sơ học, tiểu học, cao đẳng tiểu học, trung học và đại học

(13) Người sẽ cộng tác với Hoàng Xuân Hãn làm báo *Khoa học*

(14) Theo D. Hemery và P. Brocheux (*Đông Dương một thuộc địa mơ hồ 1858-1954*, Paris 1995), xã hội Việt Nam lúc bấy giờ có một đội ngũ có thể gọi là trí thức trên dưới năm vạn người theo sử gia J. Chesneaux (*Đóng góp vào sử học Việt Nam*, Paris, 1955), khi phong trào Bình dân học vụ được phát động toàn quốc, chính phủ Hồ Chí Minh có thể dựa vào một đội ngũ gồm gần mười vạn giáo viên đủ hạng !

(15) Xem Hoàng Xuân Hãn, *Vần quốc ngữ dạy theo phương pháp mới*, 1939

(16) Và kể cả những người hậu sinh như chúng ta nữa !

điện ảnh

Xem phim Thương nhớ đồng quê của *Đặng Nhật Minh* (Festival Rotterdam)

Trái ngược với tính cách bạo động và đời sống ngột ngạt của Sài Gòn hiện đại qua phim *Xích Lô*, phim *Thương nhớ đồng quê* của Đặng Nhật Minh đã thể hiện rất rõ nét một nếp sống hiền hoà, êm đềm, rất *thôn quê* trên mảnh đất Việt Nam nhiều biến động. Sau bao nhiêu năm chờ đợi, lần đầu tiên tôi thật sự được xem một cuốn phim Việt Nam khá hoàn hảo. Dựa theo truyện của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, đạo diễn Đặng Nhật Minh đã bày tỏ sự cảm thông, lòng trân trọng một cách sâu sắc khi dựng lên một hình ảnh thật sống động của miền quê Bắc Bộ, trong đó những con người chân chất, những số phận thiệt thòi đủ mọi thành phần sống quần tụ bên nhau đậm đà tình nghĩa như một đại gia đình. Kỹ thuật, âm thanh, hình ảnh, màu sắc và nghệ thuật đã đạt tiêu chuẩn quốc tế. Và nó phản ánh đậm nét tính cách và bản sắc của dân tộc.

Câu chuyện kể về một thiếu niên thôn quê 17 tuổi, tên Nhâm (do Tạ Quốc Bảo đóng lần đầu tiên), thích mơ mộng và hay làm thơ, sống với mẹ, cô em gái và người chị dâu tên Ngữ (do cô ca sĩ Quan họ Bắc Ninh Thuý Hường thủ diễn, cũng lần đầu tiên). Nhâm sống an phận và lặng lẽ với ruộng đồng cho đến một hôm, Quyên (Lê Vân đóng), một cô gái cùng làng, đẹp, trưởng thành từ Mỹ về thăm lại quê hương. Quyên đã sinh ra và lớn lên tại ngôi làng này, và do một dịp tình cờ theo bố ra Hà Nội sinh sống. Sau đó, hoàn cảnh đưa đẩy, Quyên theo gia đình vượt biển và hiện định cư tại Mỹ. Sự trở về của Quyên đã tạo nên bao sự ngỡ ngàng và nhất là gây nên một tác động rất lớn đến tâm hồn *mới lớn* của Nhâm. Nhâm đưa Quyên đi thăm làng, thăm những người thân quen — mỗi nhân vật là điển hình của một số phận — thăm đồng ruộng, thăm dòng sông chảy quanh làng. Trước sự chững chạc, tự nhiên và vẻ đẹp quyến rũ của Quyên, lòng Nhâm bỗng dao động. Rồi biến cố xảy ra, cô em gái và cô em họ của Nhâm bị chết trong một tai nạn xe cộ, mọi người đau thương và Quyên phải trở về bên Mỹ. Làng quê nghèo nàn tiếp tục đi tới bằng những bước đi thăng trầm.

Phim *Thương nhớ đồng quê* là một cuốn phim thật đẹp, đầy xúc cảm và rất đặc sắc. Có lần, đạo diễn Đặng Nhật Minh tâm sự với tôi : « *Tôi là người chỉ thuần tuý làm văn nghệ. Tác phẩm của tôi làm ra trước tiên là cho mình, cho bạn bè và những người thân quen, sau đó là cho những số phận hẩm hiu trong xã hội. Mặc dù chưa thật sự sống ở thôn quê bao giờ, nhưng có lẽ những mảnh đời, những hình ảnh đồng quê đã ghi sâu vào tiềm thức của tôi sau những lần tôi thăm viếng. Tôi rất yêu quý những người dân quê luôn bị thiệt thòi trong cuộc sống. Từ thời chiến tranh cho đến thời thanh bình, trong lúc còn chế độ bao cấp hay đến khi đất nước phát triển theo cơ chế thị trường tự do, người dân quê bao giờ cũng vẫn là nạn nhân của thời cuộc. Khi làm phim, ký ức của tôi trỗi dậy là sự kết tinh giữa vốn sống và tâm tình của tôi đối với quê hương, đối với những con người mà tôi trân quý. Qua cuốn phim này, tôi chỉ gợi lên một điều là trong chúng ta, dù thành công hay trong bất cứ lãnh vực nào, xin đừng quên những dân quê, những người đã tạo ra hạt cơm cho ta ăn và sống hàng ngày* ». Tôi chia sẻ với Đặng Nhật Minh nỗi lo ngại về sự " xâm lấn " của nền " văn minh thành thị " làm biến chất dần nếp sống truyền thống của thôn quê.

Qua cuốn phim, ta thấy được sự tinh tế của đạo diễn. Anh đã khai thác được tâm lý của nhân vật khá sâu sắc và mọi người đều diễn một cách rất thật, rất tự nhiên. Một ông chú xuề xoà, háo sắc nhưng bộc trực, phẫn uất điều gì là lăm le trên tay con dao nhưng chẳng bao giờ muốn giết ai, và khoái trá khi lần đầu tiên xem biểu diễn thi hoa hậu trên màn ảnh truyền hình. Một ông Giáo thâm trầm *chín bỏ làm mười*. Một cô gái giang hồ làm vợ lẽ nhưng biết quý trọng tình nghĩa hơn tiền bạc. Một thầy giáo làng yêu nghề băn khoăn về nỗi khó nhọc của người dân quê trước cuộc sống phồn hoa của đô thị. Một chị Loan goá bụa khi tuổi đời còn quá trẻ (chồng chết trong chiến tranh) rất chịu đựng và cứ mỗi sáng khi gà vừa gáy, quẳng gánh hàng đón đò qua sông cho kịp buổi chợ phiên. Một thiếu phụ đứng giữa làng chửi chồng khi biết chồng mình bị cô gái điếm quyến rũ. Một cô bé *em biết, nhưng không nói* chết đi như sự sống mong manh của một đời người, của những con cá giẫy chết trên đồng ruộng khô. Đặc biệt là nhân vật Nhâm qua những xúc động tâm lý đầu đời. Một nụ cười hồn nhiên ; một sự ngỡ ngàng sung sướng khi lần đầu tiên nhìn thấy một cô gái đẹp cởi trần tắm sông ; một cảm giác đê mê khi áp chiếc áo của người con gái đó vào mặt để ngửi ; một cơn thẹn thò, hốt hoảng bỏ chạy khi bị cô gái bắt quả tang ; một lần xuất tinh *đã làm người lớn* trong vòng tay hôn mê của chị Ngữ dưới ánh trăng vàng vọt trong đêm đập lúa ; một cánh thư thả vào không gian. Nụ cười vuốt ve và ngạo nghễ rất kín đáo của Quyên khi phát hiện Nhâm yêu thầm mình : một nỗi thương tâm hằn trên nét mặt qua làn khói thuốc của một kẻ có đủ đầy vật chất mãi đi tìm hạnh phúc nhưng không bao giờ tìm thấy. Và Ngữ, một cô thôn nữ nghèo, cô độc và nhẫn nhục, muốn vươn lên nhưng vẫn không vượt thoát khỏi số phận ; một số phận hẩm hiu trong nỗi khắc khoải của những nàng Tô Thị suốt đời chờ chồng ; một sự khao khát của những đòi hỏi sinh lý và nhu cầu làm mẹ qua hình ảnh em chồng, qua sự mứu miếng cho đàn chim con. Thật tuyệt vời, thật *erotic* nhưng rất nghệ thuật. Hai người đàn bà điển hình, hai số phận trái ngược, nhưng có cùng một tâm trạng : cả hai đều không được hạnh phúc. Tất cả những nhân vật trong phim được đạo diễn Đặng Nhật Minh dựng lên và thể hiện một cách rất *người*. Và, hình ảnh một buổi cúng đình, một đêm xem múa rối nước, một đám tang trên đường làng, tất cả đều rất *đồng quê*.

Hoà Lan, đông 1966

Nhược Trần

Bình Nga đại cáo

LTS. Trong số Tết (49), chúng tôi đã giới thiệu với bạn đọc Thư cha gửi con *của một tác giả Việt Nam ẩn danh hiện cư ngụ ở Nga.*

Tiếp tục dòng văn học Đông Âu rất phong phú đó, chúng tôi xin giới thiệu Bình Nga đại cáo. *Tác giả bài cáo này hẳn là cả một tập thể, cùng chia sẻ với nhau một vốn văn hoá chung, và những nỗi niềm chua xót chung.*

Diễn Đàn thành thực cảm ơn một bạn đọc Đông Âu đã vui lòng chuyển bài này tới toà soạn qua con đường Internet.

Từng nghe :

Việc xuất ngoại cốt để kiếm tiền.
Muốn nặng túi phải lo đánh quả !
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Bao thế kỷ qua lạc hậu đói nghèo.
Tài nguyên khoáng sản đã lèo tèo,
Lại thiếu vốn đầu tư không khai thác.

Từ ông Duẩn, ông Linh đến ông *okonchin dexiat* [1],
Dựa ông Bờ, ông Tréc, ông Goóc, ông Enxin, toàn *ghenxech* [2] đế vương.

Tuy chính sách mập mờ mỗi kẻ một phương,
Song chủ trương buôn lậu thời nào cũng phát.

Vậy nên :

Có vị đại phu nhân cửu vạn [3] con thoi, bị hải quan thu hai thẻ đỏ [4].
Lại cô thư ký SEV [5] chuyển ngân trái phép, lũ Đại Bạch tịch mấy lô vàng.
Lâm Phương Đông [6] to gan đành chết ngạt,
Trần Văn Thịnh [7] lớn một mạng đi tong,
Cửa Brét chúng bắt sống Chử Văn Đông [8],
Sông Matxcơva ngâm xương Thị Thuận [9].
Khối kẻ xì đô đút lót cũng chẳng xong,
Nhiều anh bỏ của chạy lấy người mà không thoát.
Việc xưa còn đó,
Báo mồm bia miệng chưa im.

Vừa rồi :

Đôm Năm [10] cũ phân kim [11],
Vàng theo nước ngấm thủng trần thối hoắc.
Vì bất hoà nội bộ ốp Búa Liềm [12]
Để cả khách lẫn chủ phòng oán giận.
Bọn cảnh sát OMON [13] thừa cơ lấn át,
Lũ công an cướp ngày đàn áp thẳng tay.

[1] *tiếng Nga* : đồ lớp Mười.

[2] *Genxech* : Tổng bí thư (Brejnev, Tchernienko, Gorbatchev), rồi đến tổng thống Eltsin.

[3] *Cửu vạn* : quân bài tổ tôm và chắn, vẽ hình người vác nặng trên vai ; *chuyển thành tiếng lóng* : người chuyển hàng thuê.

[4] *thẻ đỏ* : hộ chiếu ngoại giao (màu đỏ).

[5] SEV : khối COMECON hợp tác kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa cũ.

[6] Nghiên cứu sinh (toán học), chết ngạt vì hơi axit nitric ở cư xá Đôm 5, tháng 2.1992.

[7] Còn gọi là Thịnh " xanh " (chuyên đổi đôla) bị bóp cổ chết tại chung cư MGU tháng 5.92.

[8] Bị bắt ngày 18.6.92 tại cửa khẩu Brest khi mang lậu gần nửa triệu đôla từ Nga sang Ba Lan.

[9] Bị chồng giết, xẻ thành mảnh nhỏ, xương và đầu ném xuống sông Matxcơva, tháng 7.92.

[10] Đôm 5 : toà nhà nguyên dành cho nghiên cứu sinh Việt Nam, trở thành chợ Việt Nam đầu tiên ở Matxcơva.

[11] *Phân kim* : dùng phương pháp điện và hoá để lấy vàng từ các linh kiện thiết bị điện tử và cơ khí chính xác.

[12] cư xá công nhân, một chợ khác của người Việt ở Matxcơva.

[13] lực lượng cảnh sát đặc biệt của Nga.

Bao nhiêu người mất mối làm ăn.
Đau đớn thay những kẻ mới thuê phòng
Trong phút chốc trăm tờ đi đứt.

Như ta đây :

Vốn Đôm Năm phát tích,
Aminhép [14] thuê phòng.
Ngẫm tiền vận lận đận, long đong,
Thề đánh quả, quyết chưa về nước.
Đau đầu, nhức óc những hôm đô giật đô rơi,
Ngậm đắng nuốt cay vào lúc hàng ế hàng khan.
Việc sổ sách thiếu kẻ đỡ đần,
Búcganche [15] đành giao bồ nhí.
Lại thừa lúc đang cơn bức bí,
Khách *xukhôi* [16] trốn biệt tích biệt tăm.
Chỉ còn cách văng *khui* [17] rugát [18].

Nhưng nghĩ cho cùng :

Lúc thị trường hỗn loạn, lạm phát tràn lan,
Khi chính trị đa nguyên, Liên bang tan nát.
Có hàng nào bán giá mềm như giá Việt Nam ?
Đây của dởm mua tiền ít tưởng hàng Âu Mỹ.
Quần bò Mácvin, váy xếp che đùi gần nửa gái Nga,
Áo gió *vetrovka*, áo lông chống rét phần ba dân Mát [19].
Sâm qui tinh bầy hiệu thuốc, mua về nhắm nhí ngày một khoẻ ra
Rượu hải mã bổ âm dương, uống vào hùng hục qua đêm còn giải khát.
Nhờ hàng Việt, của dởm đưa sang, từ hải quan, cảnh sát, taxi,
đến bọn đứng đường đều được thêm việc, hơn lương.
Có sắt Nga, đồ điện nhập về, từ ông cốp, chichomex, lái xe,
đến người chạy chợ đều kiếm lắm tiền, vênh mặt.

Chính là nhờ quân ta :

Từ thằng Trí, thằng Ngọ, bộ đội, lưu vong... lo lội chợ chuyên cần,
Đến ông cống, ông nghè, stagio [20], tiến sĩ... biết kinh doanh thành đạt.
Công anh em tích cực chiếm lĩnh thị trường,
Sức cộng quân góp phần mở đường tiến phát.
Bất chấp mafia, trấn lột, bao dứa sọc trên vai đi sớm về khuya,
Không sờn cảnh sát, OMON hạch hộ khẩu visa, vòi tiền quát nạt.
Vững chí làm ăn mong mở mặt đổi đời,
Bền gan đánh quả, tuy xa nhà nhớ nước.
Ngày tết muốn về quê, đã có vé mà visa thị thực chưa xong,
Lúc xuân sang cần lên Mát [19] lấy hàng mà hộ chiếu triện khoai bị phạt.
Lúc lên voi, vung vé đỏ tờ xanh, cưỡi xe đi nhậu nhẹt vênh vang,
Khi xuống chó, xị mặt vàng như nghệ, phờ râu chạy than vãn bi đát.

Buồn thay nhưng dạ vẫn tin :

Ông trời có mắt,
Nhà nước sẽ thay đầu.
Đến ngày thị trường rộng mở,
Ắt tặng các ngươi *Huân chương đánh quả* hộp díp nhôm vàng.
Tới lúc cơ chế đàng hoàng,
Sẽ tuyên dương các ngươi *Chiến sĩ vào cầu* bằng khen giấy bạc.

Mong quân ta vững bước kinh doanh
Quyết bình Nga làm ăn phát đạt.

[14] Nơi có nhà hàng Việt Nam lớn nhất.
[15] sổ sách chi tiêu.
[16] khách mua chịu hàng hoá, sẽ trả tiền sau khi bán được hàng hoá.
[17] từ tục.
[18] (động từ) : chửi.
[19] tức là Matxcơva (Moscou).
[20] thực tập sinh.

Nguyễn Thanh Nhã

Ngũ giới CUNG TRẦM TƯỞNG

Cung Trầm Tưởng luyện thơ theo nghĩa luyện kim, luyện đan. Một thao tác nhằm biến ngôn ngữ thành một phương tiện biểu hiện thần hiệu. Nhào nhuyễn các thành tố ngôn từ thành thơ, hiểu như một khí cụ truyền cảm, truyền thông linh diệu.

Cung Trầm Tưởng giãi bày ý niệm đó trong bài thơ tuyên ngôn :

Ngôn ngữ đôi

Điển chế thơ bằng ngôn ngữ đôi
Ý nâu xen lẫn nghĩa hung vàng
Như trong xanh hứa của màu mận
Nghe vỡ eo xèo trái nẫu đen

Thơ là nho mà cũng là sim
Mỗi chữ buông sang tiếng hạc cầm
Như trong vó cất của ngựa bạch
Có nhạc chim hồng vỗ cánh cam

Nên hãy lắng nghe tim vi vo
Trăm câu ong chúa túa tung hồn
Như trong nhưng nhức lửa hương thị
Tiếng hát son vàng của đam mê

Miết mài giũa gợn lên vân đá
Chuốt gọt thi từ như bút hoa
Trong pho sách ngát hương kinh điển
Viết lại cho đời khí huyết thơ

Hà hồn vào âm miếu thiêng nghiêng
Chiết tự ra xem cấu trúc thời
Ngan ngát trầm và nhang kỷ niệm
Một vừng vu sử thơm an nhiên

Ngôn ngữ thơ phải là một ngôn ngữ tổng hợp, thực hiện sự tương ứng giữa màu sắc, âm thanh, hương vị, hình ảnh và tình cảm. Một ngôn ngữ đầy vang vọng, giàu sức khơi gợi, liên tưởng, mai mối, so sát và lay động. Tựu trung, không gì hiện đại mà bất biến cho bằng quan niệm chiết trung theo đó, thơ vươn tới một thực thể toàn diện tự sung tự mãn, mang một động thái nội tại, hàm chứa tất cả ma lực của sự phối hợp câu chữ, vần điệu, trầm bổng. Trong thế giới riêng biệt tự lập tự hành là bài thơ, các yếu tố của chất liệu ngôn ngữ được tôi luyện để hình thành, sau một tiến trình kết tinh, một cấu trúc phức tạp diễn đạt thực tiễn vật chất hay tâm tưởng qua những quan hệ tương giao nối liền và chuyển hoá các thành tố (làn điệu, nhịp câu, biểu tượng, cảm nghĩ) sang một kính vạn hoa óng ánh vô tận bóng ảnh, sắc thái, phản quang, tiềm nghĩa, ẩn hiện, âm vang.

Để đạt mục tiêu đó, luyện thơ phải là một thao tác liên tục. Cung Trầm Tưởng sáng tác khoẻ, nhất là từ mười, mười lăm năm trở lại đây, nhưng cũng năng đều san nhuận. Anh đã xuất bản ba thi tập : *Tình ca, Lục bát Cung Trầm Tưởng* và mới đây, *Lời viết hai tay* (Nhà xuất bản Imn, Bonn, Đức).

Hiện đang chờ in thêm bốn-năm tập gồm hơn hai trăm bài ngắn và đôi ba trường thiên. Mặt khác, Cung Trầm Tưởng sao đi sửa lại không ngừng. Mỗi bài thơ thường mang nhiều dị bản. Bởi vì, đúng như nhận xét của Mallarmé, " *một chuyến gieo súc sắc không xoá nổi vận rủi may* ", một lần gieo vần không đạt ngay tuyệt đối. Cho nên cần miết mài chuốt giũa, nhào nặn, đúc kết, tạc luyện. Bài thơ luôn ở trạng thái sinh thành, hằng hướng đến tầm vạn năng, gương muôn chiếu, sức nhìn nghìn mắt của bài thơ lý tưởng theo Platon ; đi tìm công hiệu thăng hoa của một linh đan, phép ảo hoá của những hạt ngọc toả ngời, biến khoảnh khắc thành vĩnh cửu, bất tử hoá những xẹt xuyên, những vệt loé chớp thiên nhiên hay tưởng tượng bằng những thần cú, những châm ngôn, những ẩn dụ, bằng những hình ảnh, những nhạc điệu khắc cho thiên thu.

Tài hoa thiên bẩm luôn được chế ngự ở Cung Trầm Tưởng. Người ta còn nhớ vào đầu thập niên 60, cả một lớp đông công chúng đã dìu dặt với tập *Tình ca*, với những bản thơ-nhạc hỗn hợp thủ thỉ những rung động xao xuyến của một tâm hồn trẻ thời đại. Khoảng một phần ba, gồm những bài sung sướng rõ nét nhất, gắn liền với kỷ niệm một chuyến Âu du, ngân nga, trong thoáng đượm cung giọng Verlaine, một chuỗi dài hoài tưởng. Nhớ cái điệu rưng rưng độc nhất của mùa thu Paris. Nhớ công trường lá đổ, những mây trời âm u, những gót nhỏ thầm thì. Nhớ thời đơm hoa kết mộng dưới vòm Provence, giữa cảnh vật độ lượng, giữa đất trời thuần lương. Nhớ những chuyến đi nối tiếp, những tiễn biệt héo hon, những trào dâng lồng lộng và những mối tình không vĩnh viễn.

Ngay từ những ca khúc tưởng như tuôn từ mạch trữ tình hồn nhiên đó, đã thắt nối cuộc đôi co với thế giới ngôn từ. Nhưng " ngữ sự ", trước khi là cái bẫy khổ hạnh, đã tìm ở buổi đầu thoả ước trong cái chiều sử dụng hài hoà mọi tiềm năng âm hưởng của từ ngữ và cú pháp : chẳng hạn khai triển giá trị biểu cảm của nguyên âm (a = đầy đặn, i = im nhẹ, o, ô, ơ = rộng mở, u, ư : chan chứa), phát huy âm vang của từ láy, từ, cụm từ điệp, từ nước ngoài, thuật ngữ âm nhạc cùng là của các thể cách văn

phạm, như thể biền ngẫu hoặc cách sở hữu của văn phạm Anh trong bài *Michèle* điển hình dưới đây :

Michèle

Bao vây tôi, đời êm như ấm ủ
Mật đêm thương vừa ngọt đủ tuần trăng
Lên vai tôi thiếp thiếp ánh hoa đăng
Michèl'má, Michèl'môi thắp mộng

Michèl'tóc vàng buông hờ suối động
Run run đôi nét khép Michèl'mi
Khuya nâng niu, tôi im như vô tri
Nằm nghe nguôi ngơi khơi Michèl'yếu

Michèl'mắt hồ mùa thu hé chiếu
Đen đêm thương tôi thừa biết biếc xanh
Michèl'mơ, tôi chong bóng năm canh
Đem thân tâm đời tôi dâng Michèl'giấc

Lửa thấu đáo khi ân tình nối bấc
Tôi còn đi cầu trợ ánh trăng yên
Xin lung linh thuý ngọc góp thần tiên
Nhập đoàn với sáng hồn tôi hộ tống

Michèle hỡi ! yêu cho hiền cuộc sống
Anh đây khi mộng em sắp phai màu
Sẵn sàng soi đuốc thắp ngàn ngôi sao
Toả phấn chấn dắt dìu em phiêu lộng

Hải đăng ánh hồn anh đêm toả rộng
Gọi về anh khi biển động lay mơ
Gọi về anh khi dương hạm quên bờ
Anh phái đến trông em lời nồng mặn

Câu đằm thắm ôm em ra khỏi phiền lận đận
Về nhịp nhàng một óng ả đong đưa
Có thông xanh đan võng lá xiêm dừa
Ru tình ái đôi ta vào thần thoại

Cuộc đối đầu không chỉ dừng ở trò chơi thích thú, mà lan đến những mặt tiếp cận khác với tiếng chữ. Tất cả các thể loại của thang âm đều được khảo nghiệm để đáp ứng nhu cầu diễn đạt không ngớt tăng trưởng giữa thời đại đảo điên, hung bạo chúng ta sống suốt nửa sau thế kỷ hai mươi này. Những rung động êm ái, tinh tế mỗi lúc mỗi bị tràn lấn bởi những vùi dập, dày xéo, quặn thắt, bởi những thác loạn cực đoan của cảm quan. Tâm tư không chỉ nhấn những tiết tấu du dương não nùng, mà còn xào xạc trăn trở, đau xót, giằng xé, chao động phẫn nộ, bất bình, căm giận, lay lắt những thao thức, ám ảnh, khắc khoải.

Tim nào xót xáy tìm ra chữ
Ngang tầm thảm hoạ thế kỷ hung ?
Dưới lưỡi bào trường

Ngữ vựng thích hợp cho tiếp tục cuộc luyện thơ phải tập hợp toàn bộ chất liệu, không gạt bỏ bất cứ nguồn nào, cũ – mới, cố hữu – tân tạo, trong – ngoài nước, các phương ngữ, cũng không loại trừ bất kể từ nào mang một âm tố, một âm vị, một âm sắc đặc thù

Phủi sạch nguyên âm, chùi mẫu tự
Nhặt từng tử ngữ badan đen
Tận cùng Mán

Mỗi từ nộ doạ cô đơn điên
Tận cùng tận

Một hướng tập hợp chính là gom góp để hội nhập những thành tố đối lập, đan xen nghịch âm vào hoà âm, động viên bên cạnh những thành tố dịu ngọt, những âm từ khổ độc, chát chúa, trần thô, gai góc, cốt

Ngậm hoà tan đối lập
Vào uyên áo huyền vi
Nghịch

Sau nữa, khối từ vựng được nới rộng nhờ sự tập hợp các thành tố diễn đạt mọi tín hiệu ngôn ngữ hiểu theo hai nghĩa :

Thứ nhất, ngôn ngữ thuộc diện riêng của bộ phận phát âm gồm trước hết những từ tượng thanh, mô phỏng các tiếng kêu (hét, reo, rên, than, gào, rống...) và hàm chứa nội dung tình-ý của những âm thanh đó. Đặc biệt, tiếng chim muông vừa là những trợ hành tâm tình (điểm xuyết quang cảnh sống với vàng anh ríu rít, sáo líu lo, sẻ chiêm chiếp, yến oanh làu làu ; hoặc phụ hoạ ý châm biếm với chim bắc mục lải nhải lặp khẩu hiệu " khó khăn khắc phục " trong bài *Kì cục*), vừa chuyển tải quá khứ với một hệ số cao (gọi về thời hoang sơ thú với người chung một môi trường, về những tiền kiếp xa xăm còn thảng thốt tiếng hồng, tiếng hạc, tiếng vượn, tiếng hoẵng, tiếng tê giác, hay vang vọng những mảng trầm luân lịch sử còn vất vưởng sầu lưu vong, oán diệt nòi, thù mất nước, những hồn Hời, hận Aztec).

Phải kể thuộc nhóm này, những từ làm chất liệu cho các câu kinh, chú, khấn vẫn giữ chút giọng nhịp phù phép của chức năng tiên khởi là duy trì, qua niệm thiêng, cầu hồn, gọi vía, quan hệ thiết thân với thiên nhiên, với thế giới thần linh vào thuở, nói như Vũ Hoàng Chương, " *quỷ với người chung một mái nhà / trăng bạn, hoa em, trầm mối lái* ".

Tìm đọc

Hợp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.
* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277,
Garden Grove CA 92642, USA
Tel. và Fax : (714) 537-2468
Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện,
15 Place Souham, F- 75013 Paris.
Tel. 45 83 19 12

Cung Trầm Tưởng

thầm lặng

tặng Nguyễn Thanh Nhã

Người nhìn thuyền lượn quên nhìn sóng
Sóng nhả lực đưa trót lọt thuyền
Người ngắm buồm căng quên bẵng gió
Sóng còng lưng, gió lả triền miên

Hoa nở để chờ mùa kết trái
Cành năng tâm tiếp vận an lành
Nhựa từ rễ xoắn sâu lòng đất
Hút mạch ngầm âm ỉ vô danh

Trời khô ráo, nắng thiều quang rực
Đã trả mưa cho lúa được vàng
Kiến tạo đơm đan dàn thượng thặng
Nắng lòng thầm lặng góp vinh quang

Thiện nguyện hoá thân làm chén hứng
Hứng nguyên điêu đứng lệ ai đầy
Tim se rót trả về thơm khiết
Rượu ấm rượu nồng hiền ngất ngây

Hãy nghiền ngẫm não như nghiền nho
Vắt kiệt cho trong nước rượu vò
Nào hỡi ai ! xin cùng cạn chén
Một ai đâu đó đụng chung đò

Đau đớn lần hồi rồi biết ra
Lấy đêm im lặng làm ngôi nhà
Đêm rơi trắng noãn, gieo trù mật
Thụ phấn ngày rồi chửa sữa hoa

Đêm tròn trĩnh ngực, hoi dâng hiến
Bé úp mặt nhay vú mẹ hiền
Sáng Thế truyền lưu gien bất tử
Như Thần Linh Lửa gửi lòng lim

Suối róc rách kêu rừng thức dậy
Đêm quằn quại dạ đẻ vừng đông
Một ngày như mọi ngày dương thế
Eo óc kim kê gáy rạng hồng

Sàigòn 1986

Thứ hai, ngôn ngữ phát xuất từ sâu thẳm của cơ thể, từ tim óc, từ máu lệ, từ phế phủ và bộc lộ qua điệu bộ, qua nhảy múa, qua kịch câm, qua cả, nếu xét rộng ra, các nghệ thuật tạo thanh và tạo hình :

Lời rời phế phủ u ơ
Huyết thanh đêm đọng im tờ ba tiêu
Nôn nao đồi não nghìn điều
Thế âm nuốt ngậm phềnh diều kịch câm
Xổ tuôn quán ngữ giam cầm
Giọt lưng mắt, chữ của trầm tích quên

Phúc âm đêm

Thế nên, cuộc luyện thơ liên tục tiến hành trong hành thân, trong khổ hạnh. Thơ Cung Trầm Tưởng không thiếu những câu, những đoạn trúc trắc, kệch cỡm, còn mang dấu tích của cuộc tra tấn, di chứng của những chuỳ nhục hình, những nhát cuốc hổn hển cắm vào tuỷ não của ngôn từ, còn rớm vết thương của những đòn giáng, những đột phá nhằm " cắt lìa lịch đại, báng bổ thần linh, bầm giập rỗng không, chẻ tẽ thời băng, tách kết tầng ". Chính đấy là giá phải trả hầu bắt gặp " ngôn ngữ đôi ", bén gần " uyên áo huyền vi ", quay " tìm nguồn suối khoáng, mạch nguyên sinh " hay ít ra cũng để hứng vài " giọt ngần vô luỵ " kiểu :

Người về trong lúc tầu đi
Rớt nhanh một nét tường vi hoang đường

hoặc :

Mắt người nắng quái từ bi
Bình vong ưu thảo lưu li ánh chiều

hoặc :

Ở trong sớt sẻ canh đầu
Chua len lén một giọt sầu quỳnh bôi

hoặc :

Nhìn nhau thấu đáy Kỳ Cùng
Cho sau còn ngấn thuỷ chung thì thầm

Sau hết, tác động hoá sinh có tính cách quyết định cao, bắt nguồn từ cuộc sống điêu linh, từ mười năm tù đày, từ cái lò tôi thanh lọc của gian truân và khổ ải. Kết quả là sự tạo dựng một âm điệu mới, một ngôn ngữ tinh khôi. Một ngôn ngữ vừa lộng lẫy, vừa chân chất, vừa an dịu, trầm lắng, nhưng vẫn chuốt sắc, bén nhọn. Đủ để phản ảnh những thác loạn, biến thiên của thời đại cùng tỏ bày nỗi niềm to nhỏ của một tâm hồn trữ tình bao la.

Nguyễn Thanh Nhã

Tranh thờ Nepal và Tây Tạng

Văn Ngọc

Cuộc triển lãm tranh thờ Nepal và Tây Tạng tại viện bảo tàng Cernusci (1) là một dịp hiếm cho phép công chúng Paris, lần đầu tiên, được nhìn thấy tận mắt những bức tranh thờ cổ (thế kỷ 12 - thế kỷ 19) của hai dân tộc vùng núi Hy Mã Lạp Sơn, thuộc bộ sưu tập của Zimmerman .

Nó giúp cho họ hiểu thêm về một nền hội hoạ tôn giáo cổ đại độc đáo, với nội dung tư tưởng đôi khi thần bí, nhưng với một ngôn ngữ tạo hình có chất lượng thẩm mỹ và khả năng biểu hiện cao, dựa trên những qui tắc khá linh hoạt của một truyền thống tranh thờ có từ lâu đời.

Truyền thống này có thể đã được hình thành trước tiên ở Ấn Độ. Tuy nhiên, đây chỉ là một giả thuyết, vì không có một tác phẩm tranh thờ cổ đại nào của Ấn Độ mà hình thức giống như những bức *paubha* của Nepal, hoặc những bức *thang-ka* của Tây Tạng và còn tồn tại cho tới ngày nay, sau cuộc xâm lăng của quân Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ ở đầu thế kỷ 13 (3), ngoại trừ những bức nê hoạ *(fresque)* trong các hang động ở Ajantâ (thế kỷ 4 - thế kỷ 7), mà phong cách diễn đạt không thể so sánh được với những bức hoạ nói trên.

Song, dựa trên những gì mà người ta biết được về nền nghệ thuật tạo hình cổ đại Ấn Độ, nói chung, và dựa trên những qui định về hình thức của tranh thờ trong các văn kiện của Ba La Môn giáo, Ấn Độ giáo và Phật giáo, cũng như dựa trên những tập hình hoạ mẫu của các nghệ sĩ Newar còn lưu lại cho đến ngày nay, người ta có thể tin rằng đã có một truyền thống tranh thờ chung (chưa chắc đã là một phong cách chung) cho cả Ấn Độ, Nepal và Tây Tạng ở vào thời điểm trước cuộc xâm lăng của quân Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ, và sau đó truyền thống này đã tiếp tục trong dòng tranh thờ của hai nước Nepal và Tây Tạng, với những nét sáng tạo riêng của chúng (4).

Đi sâu tra cứu về nguồn gốc, cũng như về niên đại của truyền thống này, lẽ dĩ nhiên cũng là một điều bổ ích, đáng làm, nhưng điều quan trọng ở đây có lẽ trước hết là tìm hiểu giá trị nghệ thuật của những bức tranh thờ mà chúng ta có cái may mắn còn được nhìn thấy ngày nay, đồng thời từ đó làm sáng tỏ mối quan hệ giữa chúng và những truyền thống tranh thờ cổ khác ở Á Đông.

Như chúng ta biết, Phật giáo ra đời ở Ấn Độ từ thế kỷ 6 trước công nguyên. Đến thế kỷ 3 sau C.N., dưới thời vua Açoka, Phật giáo mới thật sự được hưng thịnh. Cũng chính vào thời kỳ này, Phật giáo được truyền vào Nepal. Dưới vương triều Licchavi, Phật giáo và Ấn Độ giáo đều thịnh ở Nepal. Ở Tây Tạng Phật giáo có mặt từ thế kỷ 7, nhưng bắt đầu từ thế kỷ 8 mới có đà phát triển, để rồi đến thế kỷ 9 lại bị suy thoái.

Ở Ấn Độ, nghệ thuật Phật giáo có nhiều thời kỳ huy hoàng, đó là thời kỳ Gandhra (thế kỷ 1 - thế kỷ 4),thời kỳ Mathura (thế kỷ 2 và 3) (5), nhưng nổi bật nhất là thời kỳ Gupta (thế kỷ 4 - thế kỷ 7) và thời kỳ Pala (thế kỷ 8 - thế kỷ 12). Nghệ thuật Gandhara, Gupta và Pala đã cùng với Phật giáo được truyền vào nhiều nước nằm trên con đường truyền bá đạo Phật ở phía Bắc như : Nepal, Tây Tạng, Trung Á (với các trung tâm Phật giáo : Khotan, Koutcha, Kyzyl, Miran, v.v...), Tân Cương (Đôn Hoàng tức Tun Huang), Trung Quốc, Nhật Bản...

Từ thế kỷ 13 trở đi, Phật giáo suy tàn ở Ấn Độ, do sự đàn áp của quân Hồi giáo, nhưng ngược lại vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển ở Nepal, Tây Tạng và nhiều nước Á Đông khác.

Về mặt nghệ thuật, đặc biệt nghệ thuật tranh và tượng thờ, theo các nhà nghiên cứu nghệ thuật Ấn Độ, thì chính những tranh tượng thờ Nepal, thuộc bộ sưu tập của Zimmerman, phần lớn được sáng tác tại vùng Katmandu bởi những nghệ sĩ người Nepal (Newar), từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 19, đã kế thừa và tiếp tục truyền thống nghệ thuật Gupta và truyền thống Pala của Ấn Độ (6).

Có nguồn tài liệu còn cho biết rằng, vào cuối thế kỷ 12, đầu thế kỷ 13, nhiều xưởng đúc chế tượng thờ và làm tranh thờ đã được rời từ Ấn Độ sang Nepal để tránh quân xâm lược Hồi giáo. Vào thời kỳ này, có một cộng đồng khá đông người Kha, gốc Ấn, chạy sang tị nạn ở vùng trung du Nepal, đem theo với họ những phong tục tập quán của người Ấn Độ. Lại có một tài liệu khác cho biết chính nhà vua Nepal thuộc vương triều Licchavi (400-879) có quan hệ huyết thống với dòng dõi Gupta (vương triều Gupta ở Ấn Độ).

Dân tộc Nepal chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hoá Ấn

Độ chủ yếu vì những lý do địa lý và lịch sử, và phần đông theo Ấn Độ giáo. Ngay cả khi Phật giáo được nhập vào ở thế kỷ 3 (thời vua Ấn Độ Açoka), Ấn Độ giáo vẫn là đạo của đại đa số nhân dân Nepal, Phật giáo chủ yếu là đạo của nhà vua và những tầng lớp trên..Nepal giáp với Bắc Ấn, nên người Newar biết cả tiếng Phạn (Sanskrit), lẫn tiếng newari, gốc từ tiếng brahmi Ấn Độ.

Còn dân tộc Tây Tạng, trước khi Phật giáo được truyền vào ở thế kỷ 7, chỉ có một tín ngưỡng, trong đó nhà vua được coi là người của nhà trời (Lha-sras), ngoài ra người ta cũng thờ các thần linh như trong nhiều tín ngưỡng dân gian khác. Người Tây Tạng luôn luôn đi tìm nguồn cảm hứng, nhất là về mặt triết học và nghệ thuật ở phía người Ấn Độ, một dân tộc có cả một nền văn minh đồ sộ, một hệ thống triết học và tôn giáo cao siêu. Sau thế kỷ 12, người Tây Tạng vẫn phải quay sang phía người Newar để, qua họ, tiếp thu ảnh hưởng của nền văn hoá và nghệ thuật Ấn Độ.

Là một nước lớn gấp nhiều lần Nepal, Tây Tạng có những thuận lợi về mặt địa lý, phía Tây giáp với Ấn Độ (vùng Cachemire), phía Bắc và phía Đông giáp với các nước Trung Á và Trung Quốc..Hơn nữa, do *con đường tơ lụa* nằm không xa, cho nên Tây Tạng cũng có dịp tiếp xúc cả với nền văn hoá Địa Trung Hải.

Ở Tây Tạng, từ thế kỷ 10 trở đi, Phật giáo được các vương triều sùng bái và đỡ đầu, các vị cao tăng từ Ấn Độ sang truyền giáo đều là khách của nhà vua. Các tông phái đều có điều kiện thuê các nghệ sĩ từ nhiều nước tới làm việc : Nepal, Trung Quốc, Trung Á, Ấn Độ (Cachemire, Bihar, Bengale).

Giáo phái Phật giáo được thịnh hành ở Nepal và Tây Tạng là Mật giáo (Mantrayana), phái Kim Cương thừa (Vajrayana), còn được gọi là phái Tantra (Tantrisme), ra đời ở Ấn Độ vào thế kỷ 7. Giáo phái này tiếp thu nhiều tư tưởng thần bí và dị đoan của Ấn Độ giáo (7).

Từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 11, Mật giáo phát triển mạnh ở Ấn Độ và được đưa vào Nepal từ thế kỷ 8, sau đó được truyền sang Tây Tạng dưới một hình thức mới gọi là Tân Mật giáo (Mantrayana tardif). Tân Mật giáo phát triển mạnh nhất ở Tây Tạng từ lúc Atisa (980-1055), một vị cao tăng Ấn Độ, sang đây truyền giáo ở thế kỷ 11(8).

Chính vì thế mà tuy ở Tây Tạng không có Ấn Độ giáo, song ảnh hưởng của đạo này vẫn thấy rất rõ trên những bức *thang-ka* Phật giáo.

Tranh thờ Phật giáo Nepal và Tây Tạng đều lấy đề tài và khuôn mẫu các nhân vật thần thoại từ trong Mật giáo Ấn Độ và cả trong Ấn Độ giáo. Mặc dầu không có bằng chứng cụ thể về sự tồn tại của một loại tranh thờ Ấn Độ mà hình thức giống như những bức *paubha* của Nepal, hoặc *thang-ka* của Tây Tạng, nhưng người ta vẫn có thể tin rằng những khuôn mẫu này cũng đã được áp dụng trên các bức tranh thờ cổ ở Ấn Độ, dựa theo những nguyên tắc đã được qui định trong các văn bản của Ấn Độ giáo cũng như của Phật giáo. Đây là một truyền thống khá đặc thù của nghệ thuật tôn giáo Á Đông. Từ Nepal, Tây Tạng, đến Trung Á, Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, người ta đều nhận xét rằng các nhân vật thờ đều được thể hiện theo một số qui tắc chung.Truyền thống này sẽ còn tiếp tục ở Nepal và Tây Tạng cho đến những thời đại sau này. Cụ thể là người ta còn giữ được những tập hình hoạ dùng làm chuẩn mẫu cho các nghệ sĩ để họ dựa theo đó mà thể hiện các nhân vật thần thoại (phần lớn là của Bà La Môn giáo và Ấn Độ giáo), cùng các thần phật (của Phật giáo) với dáng điệu, cử chỉ và những biểu hiệu (*attributs*) của từng nhân vật, tỷ lệ, kích thước, cùng màu sắc tượng trưng, v.v...(9)

Ở Ấn Độ cũng như ở Nepal, Ấn Độ giáo luôn luôn tồn tại song song và hài hoà với Phật giáo, tuy rằng Ấn Độ giáo nhiều khi đã chiếm địa vị thượng phong.và có sức ép nhất định lên Phật giáo.

Khoảng thế kỷ 8, do Mật giáo kết hợp với phái Sakta (phái Tính Lực) của Ấn Độ giáo, nên trên tranh thờ Phật giáo Nepal và Tây Tạng lại càng có thêm nhiều yếu tố huyền bí của Ấn Độ giáo : từ các đồ hình Mandala (tương đương với các *yantra* trong Ấn Độ giáo) (10), đến các vị thần của Ấn Độ giáo, hoặc những cặp nhân vật thần thoại ở trung tâm nhiều bức tranh, tượng trưng cho sự giao hoà thần bí giữa những tính lực trong vũ trụ, đều là những ý tưởng đặc thù của phái Kim Cương thừa.

Trong bộ sưu tập của Zimmerman, tranh thờ Phật giáo Nepal chỉ giới hạn ở hai đề tài chính : một là các vị thần phật của Mật giáo và Ấn Độ giáo, hai là những đồ hình Mandala, trong khi tranh thờ Tây Tạng có nhiều đề tài phong phú hơn : ngoài những chân dung của các vị thần và các vị La hán, còn có những đồ hình thể hiện Vòng luân hồi, Mandala không tượng hình, cảnh hoá kiếp của một vị sư, v.v...

Nguyên nhân của sự khác nhau này một mặt là vì tranh thờ Nepal chỉ phục vụ cho một cộng đồng nhỏ người Nepal đương thời thuộc cùng một tín ngưỡng, trong khi tranh thờ

Tây Tạng đã phải đáp ứng nhu cầu của nhiều tông phái với những lý thuyết khác nhau. Mặt khác Tây Tạng, không những chỉ tiếp xúc với Ấn Độ và Nepal mà thôi, mà còn tiếp xúc cả với các nền văn hoá của Trung Quốc, Trung Á và các nước vùng Địa Trung Hải.

Về mặt hình thức, cả hai nền tranh *paubha* và *thang-ka* của Nepal và Tây Tạng đều có những đặc điểm nghệ thuật đáng chú ý và rất giống nhau. Trước hết là về phong cách.

Đó là sự dày đặc (*densité*) của những bức hoạ, được vẽ bằng bột màu trên vải, với những đường nét, hình thể và màu sắc kết hợp chặt chẽ với nhau thành một tổng thể hài hoà, giàu nhịp điệu, một bố cục cân đối. Mỗi bức hoạ luôn luôn có một chủ đề, một nhân vật, hoặc một yếu tố trung tâm, nhưng ở xung quanh, những nhân vật phụ, hoặc những yếu tố có tính cách minh hoạ, trang trí, đều cùng được chú trọng. Có thể nói rằng, tất cả mặt tranh đều được khai thác, tận dụng. Mọi chi tiết đều góp phần vào việc thể hiện ý nghĩa chung của bức hoạ, cũng như vào kết cấu của tác phẩm. Không một góc nhỏ nào không được chau chuốt tỉ mỉ như nhau, vì mỗi chi tiết đều quan trọng.

Ngoài ra, người ta còn chú ý đến tính chất trang trí của chúng với việc sử dụng những mô típ (*motif*) hình học, hoặc tượng hình, lặp đi lặp lại nhiều lần, cũng như sự bố trí theo trục đối xứng, nhưng ở đây thực ra không phải là một sự cố ý trang trí cho đẹp mắt, mà chủ yếu là để đáp ứng một yêu cầu nào đó của nội dung.

Về màu sắc, tranh thờ Nepal sử dụng chủ yếu các màu : vàng (bột màu nước, hoặc kim nhũ), đỏ, da cam, xanh chàm (*indigo*), xanh lá cây nhạt (*vert olive*), hồng nhạt (rất ít), đen, trắng.

Tranh thờ Tây Tạng cũng dùng những màu trên, nhưng thêm vào đó còn dùng một vài màu lạnh như : xanh hồ thuỷ (*vert Veronese*), xanh lơ thẫm (*bleu outre-mer*).

Do đó, tranh thờ Nepal và tranh thờ Tây Tạng có hơi khác nhau về màu sắc, nhưng rõ rệt nhất có lẽ là về đề tài. Tranh thờ Tây Tạng phong phú hơn về mặt này, như đã trình bày ở trên.

Đáng chú ý nhất, trong bộ sưu tập của Zimmerman (ở viện bảo tàng Cernusci chỉ trưng bày có một phần), là những bức vẽ thần Mahakala với nhiều dạng khác nhau, có bức chỉ vẽ bằng nét kim nhũ trên nền màu đồng hun (đen nâu). Bức Mahakala trên nền màu đỏ da cam, có chân dung các vị sư của tông phái Sa-skya-pa, với bố cục sinh động và màu sắc phong phú, là một trong những bức *thang-ka* lớn nhất (1,626 x 1,346m) và đẹp nhất trong bộ sưu tập. Ngoài ra, còn nhiều bức hoạ sử dụng những kỹ thuật độc đáo khác, như bức hoạ các ác thần ở cõi âm (bar-do), được làm nổi bật bằng những mảng kim nhũ trên nền đỏ da cam và xanh olive thẫm.

Tuy nhiên, so với những bức hoạ của Nepal, như bức nữ thần Kali (1600-1650, kích thước : 1,613 x 1,321m) trên nền màu chàm, hoặc như bức hoạ thần Acala (1525-1550, kích thước : 0,864 x 0,648m), thì thật ra cũng *kẻ tầm lạng, người nửa cân*, không kém gì nhau mấy.

Nghệ thuật tranh thờ Nepal và Tây Tạng, với những bức *paubha* và *thang-ka* độc đáo, thuộc một dòng tranh thờ riêng biệt, khác hẳn với dòng tranh thờ của một số nước Á Đông (Trung Á, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản,Việt Nam...).

Xét về mặt kỹ thuật cũng như về phong cách,.đây không phải là một nền nghệ thuật *dân gian*, hiểu theo nghĩa thông thường.Vì đây không phải là loại tranh thờ in thành nhiều bản để người ta mua treo ở nhà như tranh thờ của Trung Quốc, Nhật Bản, hoặc Việt Nam, mà là những tác phẩm hội hoạ đích thực được đặt vẽ bởi các vua chúa, các tông phái nhà tu, các nhà phú hộ khá giả (11).

Đứng về mặt chất lượng kỹ thuật, chúng có thể được ví với những bức *icônes*, hoặc những bức hội hoạ tôn giáo của thời kỳ Trung cổ và thời kỳ Phục hưng ở Âu châu, mặc dầu chúng chỉ được vẽ trên nền vải, không có khung và bằng những chất bột màu hoà với nước, có thể không được bền bằng sơn dầu.

Đáng chú ý nhất vẫn là về mặt phong cách. Đây không còn là loại tranh thờ với nét vẽ, hoặc nét khắc.chất phác, thô sơ của người nghệ nhân xuất thân từ nông thôn, với một quan niệm thẩm mỹ dân dã và dựa trên một tâm lý xã hội nông dân nữa, mà là những tác phẩm được chau chuốt từ bố cục, hình thể, nét vẽ đến màu sắc, chất liệu, bởi những hoạsĩ chuyên nghiệp, có khi xuất thân từ những tầng lớp trên của xã hội. Các đối tượng thờ, nhất là các nhân vật thần thoại, luôn luôn được các hoạ sĩ thể hiện một cách lộng lẫy. Chất liệu kim nhũ được sử dụng phổ biến để nói lên tính cách sang trọng, quyền quí này.

Tranh thờ Nepal và tranh thờ Tây Tạng có những nét nghệ thuật độc đáo mà người ta không thể tìm thấy được trong bất cứ một nền tranh thờ nào khác, từ Trung Á, Trung Quốc, Nhật Bản, đến Việt Nam.

Chúng có giống tranh thờ Ấn Độ ở thời kỳ Gupta, hoặc thời kỳ Pala hay không, điều đó có lẽ khó có thể chứng minh được. Nhưng dẫu sao, đây cũng là những nền nghệ thuật xứng đáng làm đại diện cho một truyền thống tranh thờ mà ngôn ngữ nghệ thuật đã đạt tới một trình độ ít nền hội hoạ tôn giáo nào khác ở Á Đông có thể so sánh được.

Văn Ngọc

(1) Triển lãm *Idoles du Nepal et du Tibet* tại Viện bảo tàng Cernusci, Paris, còn tiếp tục cho tới ngày 19-05-1996.

(2) Người ta biết rằng, ngay từ thế kỷ 8, quân Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ vẫn thường xâm nhập vào lãnh thổ Ấn Độ, mỗi lần đều cướp đoạt hoặc phá huỷ những di sản văn hoá của nước này. Đến đầu thế kỷ 13, sau khi quân Hồi giáo đánh chiếm được toàn bộ lãnh thổ Ấn Độ, thì hầu hết các đền chùa Ấn độ giáo và nhất là Phật giáo ở Bắc Ấn và Trung Ấn đều bị phá huỷ cùng với các tranh tượng thờ, trong đó có những bức tranh thờ Phật giáo của thời kỳ hưng thịnh nhất của văn hoá Ấn độ và của Phật giáo, là thời kỳ Gupta (thế kỷ 4-thế kỷ 7).

(3) Về nghệ thuật điêu khắc, ngược lại, người ta không thiếu những hiện vật nói lên sự tiếp thu ảnh hưởng Bắc Ấn của những nghệ sĩ người Newar. Chẳng hạn như bức tượng Quan Âm trong triển lãm (thế kỷ 8, cao 0,184m) đã được rập theo mẫu của một bức tượng phong cách Gupta ở Sarnath (Ấn Độ), mặc dầu có hơi khác trong chi tiết (theo ông Pratapaditya Pal, chuyên gia về nghệ thuật Ấn Độ và Đông Nam Á, Los Angeles County Museum of Art, *Les Idoles du Nepal et du Tibet*, Musée Cernusci 1996)).

(4) Người ta cho rằng, những nghệ sĩ người Newar ở thời đại Licchavi (từ 400 đến 879) đã tuyệt đối tôn trọng những quy tắc nghệ thuật của trường phái Gupta, Ấn Độ (thế kỷ 4 - thế kỷ 7) (theo Pratapaditya, sách đã dẫn).

(5) Không kể trường hợp của Đức Phật Thích Ca, các nhân vật thần thoại trong Bà La Môn giáo đã được thể hiện dưới dạng người thường bắt đầu từ trong nghệ thuật Gandhara và Mathura, dưới vương triều Kusana (gốc từ Trung Á tới). Nghệ thuật Gandhara và Mathura mang nhiều ảnh hưởng của nghệ thuật cổ Hy Lạp. Do đó, nhiều bức tranh thờ ở Trung Á và ngay cả ở Đôn Hoàng cũng đều mang ảnh hưởng này (*L'Asie Centrale, Histoire et civilisation*, Collection Orientale de l'Imprimerie nationale, Paris 1977)

(6) Trong các thế kỷ 11 và 12, miền trung Tây Tạng chịu ảnh hưởng của phong cách Pala (Đông Ấn); ngược lại miền tây Tây Tạng lại chịu ảnh hưởng của nghệ thuật Bắc Ấn (vùng Cachemire). Bắt đầu từ thế kỷ 13 trở đi, khi Phật giáo ở Ấn Độ bị suy thoái, tông phái Sa-skya-pa, Tây Tạng, lại hướng về nghệ thuật Nepal.

(7) Mật giáo được thành lập ở khoảng thế kỷ 7 ở Nam Ấn Độ, dựa trên hệ thống tư tưởng của kinh Hoa Nghiêm (Đại thừa) và lấy tên là phái Chân Ngôn thừa (Mantrayana). Sau đến cuối thế kỷ 7, lại xuất hiện một phái khác lấy tên là Kim Cương thừa (Vajrayana) dựa trên bộ Kim Cương Đính Kinh, thuộc hệ thống tư tưởng Du Già hành phái (yoga).

(8) Sau khi ngài Atisa tịch, Mật giáo đi vào con đường dị đoan ; phải chờ đến thế kỷ 14, nhờ ở sự cải cách của ngài Tson Kha Pa, người tỉnh Cam Túc, Trung Quốc, Mật giáo mới lại lấy giới luật làm trọng và lấy tên là Hoàng Mạo phái (phái mũ vàng). (theo *Lược sử Phật giáo Ấn Độ*, tác giả Hoà thượng Thích Thanh Kiểm, TPHCM 1995).

(9) dựa theo các tài liệu trưng bày ở cuộc triển lãm tại viện bảo tàng Cernusci và theo Marie-Thérèse de Mallmann, *Les Arts de l'Inde*, Encyclopaedia Universalis, 1985.

(10) Đồ hình Mandala là một bức tranh thờ, hình thức giống như một sơ đồ được phối trí theo hình tròn hay hình vuông, thể hiện ở trung tâm một nhân vật, hoặc một mô típ chính, xung quanh là các nhân vật, hoặc mô típ phụ. Hình dạng chung khiến cho người ta liên hệ đến những bình đồ của các chùa tháp, hoặc cung thành Ấn Độ, như Angkor-Vat chẳng hạn. Đây là một công cụ thờ đặc thù của Mật giáo (Kim Cương thừa, Vajrayana), có chức năng điều khiển các nguồn tính lực trong vũ trụ và làm trung gian giữa những nguồn lực này và người hành đạo. Trong Ấn Độ giáo cũng có một đồ thờ với chức năng tương tự gọi là Yantra. *Đồ hình Mandala chính tượng trưng cho Chân Thực giới, thường thể hiện ở trung tâm : Đại Nhật Phật là nhân vật quan trọng nhất, bốn phương là bốn Phật : A Sơ Phật, Bảo Sinh Phật, Bất Không Thành Tựu Phật, A Di Đà Phật, gọi là Ngũ Phật. Trên năm vị Phật này còn có thêm đức Phật Kim Cương, gọi là Lục Phật. Ngoài ra còn có rất nhiều Mandala của chư Bồ tát và các thần của ngoại giáo (Ấn Độ giáo), đối tượng của sự điều phục (chinh phục) của các Bồ tát.* (theo *Lược sử Phật giáo Ấn Độ*, sđd).

(11) Tính cách sang trọng, quyền quí của những bức tranh thờ Nepal và Tây Tạng là một nét đặc trưng có thể đã được qui định ngay trong các văn kiện của Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo và Phật giáo. Cũng như nó có thể đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của tranh thờ Ấn Độ. Chúng ta biết rằng xã hội Ấn Độ ngay từ thời xa xưa đã chia thành đẳng cấp (castes). Thời Bà La Môn giáo còn thịnh, có bốn đẳng cấp mà chỉ có ba đẳng cấp đầu mới được quyền hành đạo : đứng đầu xã hội là đẳng cấp *brahmana*, là giới tu hành chuyên việc tôn giáo, thờ cúng ; đẳng cấp thứ hai *ksatriya* là tầng lớp vua chúa, quí tộc ; đẳng cấp thứ ba mới là các giới nông, công, thương. Xem như vậy, nghệ thuật tranh thờ chỉ có thể phát triển trong quĩ đạo thẩm mỹ của hai đẳng cấp có thế lực và quyền quí nhất. là giới tu hành và tầng lớp quí tộc.

TIN TỨC - TIN TỨC (tiếp theo trang 7)

• Theo thống kê của bộ nội vụ, hiện có gần **25 000 tội phạm hình sự bị công an truy nã**, trong đó có từ 3 đến 5 ngàn được coi như những phần tử nguy hiểm. Gần 80 % số tội nhân sống ngoài vòng pháp luật này là những người đã trốn chạy sau khi phạm tội và chưa bị bắt. Số còn lại là những tù nhân đã trốn thoát tù.

• Mười hai **văn phòng luật gia nước ngoài** hoạt động tại Việt Nam đã viết một bức thư chung gửi bộ tài chính để phản đối biểu thuế quá cao (24 % trên doanh số) vừa được bộ tại chính công bố, " *khiến cho họ không thể hoạt động được, và sẽ thúc đẩy các công ty nước ngoài ở Việt Nam đi kiếm hỗ trợ về luật pháp ở những văn phòng luật đặt tại các nước khác* ".

• PetroVietnam đã ký một thoả thuận với một nhóm công ty nước ngoài do LG Group (Hàn Quốc) đứng đầu để mở một công trình **nghiên cứu khả thi** về dự án **nhà máy lọc dầu Dung Quất**. Cuộc nghiên cứu này sẽ kéo dài 6 tháng, tốn kém hàng triệu đôla, song LG Group và các công ty nhận đầu tư vào Dung Quất thay cho Total (xem DĐ số 49) đòi hỏi đánh giá kỹ hơn về nhiều khiá cạnh kỹ thuật và tài chính của dự án.

• Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (**Vietcombank**) đã mở văn phòng đại diện đầu tiên ở nước ngoài tại Paris ngày 3.4.1996, với nhiệm vụ thu hút đầu tư từ các nước Tây Âu. Văn phòng do ông Đào Phi Cường làm giám đốc. Trước đó, Vietcombank đã có các phái viên thường trú tại Paris, Stokholm và Hồng Kông. Ngân hàng dự định sẽ mở các văn phòng tại Nữu Ước và Mạc Tư Khoa, và tại các nước Đông Nam Á.

• **Tổng thống Ukraine** Leonid Koutchma đã tới thăm Việt Nam trong ba ngày 7-10.4.1996, và đã ký kết với chủ tịch Lê Đức Anh một loạt thoả thuận về hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa hai nước, cũng như về các bảo đảm xã hội dành cho kiều dân hai nước. Ukraine dự tính sẽ mở toà đại sứ tại Hà Nội vào cuối năm nay.

• PetroVietnam đã ký kết với công ty Mỹ Conoco một hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí ở hai lô thuộc Nam Côn Sơn, gần khu Đại Hùng. Người phát ngôn bộ ngoại giao Trung Quốc đã phản đối ký kết này và nhắc lại luận điểm của Bắc Kinh rằng vùng đảo Trường Sa là thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Mười ngày trước đó, Việt Nam đã công bố những kết quả cuộc thăm dò khảo cổ tiến hành hai năm nay, chứng minh **Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam** không gián đoạn từ thế kỷ 14 đến nay.

• Bộ trưởng Anh Jeremy Hanley và quan chức phụ trách vấn đề người tị nạn tại Hồng Kông Brian Bresnihan đã tới Hà Nội làm việc với ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm và thứ trưởng Nguyễn Dy Niên về việc đẩy nhanh tốc độ đưa số **thuyền nhân còn lại ở Hồng Kông** về nước.

• Một công ty xây dựng của Việt Nam đã được bộ giao thông Lào giao cho sửa sang hai đoạn đường dài tổng cộng 12 km đi qua thủ đô Viêng-Chăn. Toàn bộ công trình sẽ kéo dài 12 tháng, trị giá 14,5 triệu đôla.

PHAN THANH HOÀI

Cô Là

truyện ngắn

Ga Hàng Cỏ không bán vé ở ghítsê mà ở nhiều nơi. Lệnh cấm tụ tập đông người cũng chỉ được vài ngày.

Trước cửa ga người đông đúc. Mấy anh tầm quất, những người bán nước chè xanh xách ấm chạy rong, nhưng chỗ đông người nhất là mấy cô bán nón. Một cái giơ ra, hai cái giơ ra, ba cái giơ ra đội đầu và chào mời nhặng xị. Đèn điện bị che kín, quãng phố tối như ở nông thôn.

Tôi nhìn qua ánh sáng lơ mơ thấy cô gái khoảng 18, 20. Tôi cất giọng hỏi :

– Bao nhiêu tiền cái nón em ?

– Đồng rưỡi anh ạ.

Cô nhoẻn miệng cười trả lời.

– Sao rẻ thế ?

– Anh chê đắt à ?

– Tôi muốn mua loại nón năm đồng kia.

Người con gái đi ra khỏi đám đông, có ý như kéo tôi ra một nơi vắng vẻ. Cô xếp mấy cái nón úp vào ngực. Lắc lư người, nhìn quan sát chung quanh, rồi cô nói như thăm dò :

– Anh định mua nón năm đồng thực à ?

– Sao lại không ?

– Ai bảo anh ?

Cô nói rồi nguýt một cái.

– Có người bảo.

Tôi đáp, rồi buông thõng một câu :

– Ra công viên đi.

Nói xong, tôi chậm bước như chờ đợi. Người con gái quay nhanh vào chỗ đám đông rồi đi theo tôi.

Trên đường ra một vườn hoa gần đấy, tôi vừa đi vừa hỏi chuyện để tìm hiểu, để cho thanh niên cờ đỏ khỏi nghi ngờ. Bởi vì thời điểm từ 12 giờ đêm không ai được ở trong công viên, nhất là trai gái.

Chúng tôi đến ngồi trên ghế đá dưới ánh đèn để những người có phận sự không ngờ và để nhìn rõ mặt người con gái xem có đáng giá năm đồng bạc hay không. Dưới ánh sáng ngọn đèn phòng không vừa yếu lại bị che đi gần hết mà cô gái vẫn muốn giấu mặt. Tôi hỏi :

– Tên em là gì ?

– Em là Là.

– Sao lại là Là ?

– Không em là Lê Thị Là.

– Tên em hay đấy.

– Tên em xấu chết. Bố em đặt đấy.

Vẫn giọng nói gióng một, tôi hỏi :

– Em được mấy anh em ?

– Em chỉ có hai chị em. Em em là Lượt.

– Quê em ở đâu ?

Cô gái nhìn tôi, hỏi lại :

– Anh là công an mật phải không ?

– Không phải đâu.

– Thế anh làm nghề gì vậy ?

Cô nhìn tôi để xét đoán xem tôi là người thuộc loại nào trong xã hội. Lúc ấy tôi có dịp nhìn rõ mặt cô : đôi mắt sáng hiền dịu, có lúm đồng tiền ở hai bên má. Tôi nghĩ bụng cô này có cái gì đáng thương mà lại gợi tình. Tôi nói :

– Về nhà anh đi.

Cô ta tỏ vẻ ngần ngại, nói :

– Nhà anh có xa không ?

– Không xa đâu.

– Có đông người không ?

– Không.

– Em sợ lắm.

Cô ngước mắt nhìn tôi, nói, tay vuốt nhẹ lên mái tóc xanh. Tôi nói :

– Em cứ về thử xem. Nếu không thích, anh lại đưa em ra đây.

Cô đứng dậy, phủi bụi đũng quần, ôm nón vào bụng theo tôi.

♋

Trong căn buồng rộng chỉ có một chỗ nằm là hai cái giường một của tôi ghép lại. Cô vứt mấy cái nón ra giữa nhà, ngồi phịch xuống giường, ngả người chống hai tay ra sau. Cô đưa mắt lướt nhìn rồi nói :

– Nhà tập thể à ?

– Không, nhà riêng của tôi đấy.

Tôi vặn ngọn đèn dầu cho ánh sáng lờ mờ để cô gái bớt thẹn thùng.

Một lúc sau, ngọn đèn lại được trả lại hết cỡ. Gian buồng sáng trưng.

Thời gian rất ngắn vừa qua đã làm cho người con gái đối với căn buồng này tự nhiên như đã quen biết từ lâu. Nàng đi đi lại lại trong buồng ngắm nhìn mấy khung ảnh treo trên tường. Rồi đột nhiên như phát hiện ra một điều quan trọng, nàng nhìn tôi, trố mắt hỏi :

– Ô ! Anh là bộ đội à ?

Nói xong, nàng im lặng một lúc, hỏi :

– Anh cũng ở đại đoàn Ba ? Anh có đánh Điện Biên không ?

Tôi nói :

– Em hỏi để làm gì ?

Cô gái tần ngần một tí, hạ giọng nói :

– Anh ở đại đoàn Ba thế nào mà chẳng đánh Điện Biên.

– Đánh Điện Biên thì làm sao ?

– Nếu đánh Điện Biên thì anh có thể biết bố em đấy.

Tôi lơ đãng vẻ mệt mỏi trả lời :

– Đại đoàn đông lắm, biết làm sao được ai với ai !

– Bố em là Lê Văn Lân, tiểu đội trưởng đánh đồi A1.

– Lê Văn Lân !

Tôi thầm nhắc lại, chững người và nghĩ :

– Chết, con bé này...

Lê Văn Lân, trung đội trưởng. Đúng rồi. Tôi biết. Lân Hà Đông, tiểu đội trưởng đầu cầu, đánh đồi A1.

Vì để giải quyết một trận đánh dứt điểm nên ở đơn vị quyết thắng nhiều cán bộ xuống làm đội viên. Lân, trung đội trưởng, xuống phụ trách tiểu đội trưởng dao nhọn. Những đơn vị này gọi là đặc biệt. Ai được vào đó, coi như một vinh dự lớn.

Trong chiến dịch Điện Biên, tôi là sinh viên xuống làm quân y sĩ ở đơn vị Lân. Anh em sống với nhau con chấy cắn đôi. Tính Lân hiền lành, thân hình to, cao, đen, nhưng có cặp mắt hết sức đa cảm. Anh hay khóc khi bạn tử thương trong chiến đấu hoặc những cơn sốt rét rừng hành hạ một đồng đội quá ốm đau. Nhìn kỹ mặt nàng, tôi dần thấy ra nhiều nét giống bạn tôi quá. Tôi lúng túng, nhưng cố làm ra bình thường nói :

– Em là con liệt sĩ à ?

– Vâng, bố em là liệt sĩ.

Tôi nói cho có chuyện để lấp đi những nỗi lòng :

– Bây giờ chính sách đối với gia đình liệt sĩ khá lắm phải không ?

– Vâng, khá.

Nàng đáp, và nói :

– Địa phương cũng chú ý giúp đỡ lắm anh ạ.

– Mỗi tháng gia đình được trợ cấp bao nhiêu ? — Tôi hỏi.

– À tiền, theo chính sách, mẹ em được mười đồng, gạo đong theo điều hoà. Mẹ em lại được làm cho cửa hàng ăn ở chợ, tám buổi một tháng, mỗi buổi được một đồng, ngày nào làm, ăn ở đấy không mất phiếu. Em được vào tổ nón, tiền phụ cấp mỗi tháng tám đồng.

Cô im lặng một lúc rồi giải thích thêm :

– Đáng lẽ em không được hưởng nữa đâu, hết tuổi mười tám rồi. Con Lượt còn phải học năm nữa, mẹ em lại ốm luôn, xã linh động cho em được lĩnh hết năm nay để nuôi con Lượt.

Nàng nhìn tôi như có ý dò hỏi, nói :

– Anh có phiếu vải không ?

– Em buôn tem phiếu à ?

– Không, cho em một ô để em mua cái quần đen, may cho con Lượt. Nó sắp lên trường con em liệt sĩ học.

Cô nói như trình bày :

– Ở nhà cũng có phiếu. Nhưng có vải đâu mà mua. Thỉnh thoảng mậu dịch đem về bán, những người cân lợn thừa tiêu chuẩn mới được mua, hoặc cán bộ xã. Đến dân thì hết tiệt. Anh cho em một phiếu vải thì tốt quá.

– Được, anh sẽ lấy cho em một phiếu vải.

Tôi lục tìm ở thúng quần áo và đưa cho nàng một mảnh phiếu cắt mất hai ô. Nàng cầm tấm phiếu cằn nhằn hỏi :

– Chị ấy hỏi đến thì làm sao ?

– Em cứ dùng rồi anh sẽ liệu nói với vợ anh. — Tôi lập cập dọn ấm chén và vớ được ít trà còn sót lại nhưng hơi mốc.

– Nước pha rồi đây này, uống đi kẻo nguội, chắc là em khát.

Nàng uống liền ba bốn chén rồi mới nói :

– Vâng em khát.

– Em đi thế này lâu chưa ?

Cô hơi đỏ mặt. Uống hết chén nước thứ tư, cô nhìn tôi nói :

– Em không làm nghề này đâu, thề có trời đất quỉ thần hai vai, sợ lắm. Em gặp anh là người thứ hai đấy. Con bạn em nó xui em nên em theo nó có một lần thôi. Cũng là hoàn cảnh cả thôi anh ạ.

Cô cúi mặt kể :

– Lần thứ nhất, mẹ em ốm, nằm trạm xá. Người ta cho đơn đi mua thuốc cửa hàng huyện không có. Con Loan, bạn em nó rủ em ra Hà Nội để nó mua hộ thuốc. Tiền đâu mà mua thuốc ? Thế là con Loan dẫn em vào nhà bạn nó. Hôm ấy em sợ quá.

Cô im một lúc, chép miệng nói :

– Lần này công việc ở nhà chẳng có, lại sắp phải tiêu mấy việc. Phải may cái áo cho con Lượt. Thế là con Loan lại rủ đi. Em ra Hà Nội bán mấy cái nón và mua cái phiếu vải. Gặp anh, em lạy trời lạy phật, anh là người hiền lành, em mới đi theo anh, người khác thì chết mất. Thôi không nói chuyện này nữa em đi ra ga đây.

Cô lại như chợt nhớ ra điều gì, cô hỏi :

– Này anh có cái bao tải nào không ? Cho em xin một chiếc.

– Có đấy, em tìm xem.

Người con gái kiếm tìm trong nhà. Đột nhiên nàng kêu lên :

– Sao anh có nhiều mì thế này ? Để em đổi gạo cho.

– Mì tiêu chuẩn tháng này đấy. Em lấy mấy cân về ăn.

– Thôi để cả cho em chỗ này, vài cân thì ai ăn ai đừng, hôm nào em mang gạo ra cho. Mì ở đây các anh chán ngấy. Ở quê em mì nấu với cua làm bún riêu ngon lắm. Mấy hôm nữa giỗ bố em. Năm nào cũng đông. Bạn hoạt động, Uỷ ban, Đảng uỷ cũng đến cả. Em bắt ít cua về nấu với nó làm món chủ lực anh ạ. Thịt ở quê dạo này hiếm lắm. Dân thì chịu cứng. Chỉ có Uỷ ban là thỉnh thoảng có một đôi tí thôi.

Thế là toàn bộ số mì để tôi ăn trong hai chục ngày đã nằm gọn trong bao tải. Tôi không biết nói thế nào, mặt đần ra và nghĩ : từ ngày mai trở đi lấy gì ăn mà đi làm ?

Tay xách bao mì, cô nhanh nhảu nói :

– Thôi em về anh nhé.

Tôi im lặng. Cô mở cửa lách người đi ra.

Tôi đứng ngây người nghĩ miên man. Hình ảnh bạn tôi, tiểu đội trưởng Lân đứng trước hàng quân giờ xuất phát, mặt đầy khí thế. Thay mặt anh em, Lân đứng ra khỏi hàng đọc quyết tâm thư, tiếng nói choang choang, giọng cương quyết, tràn đầy hy vọng. Trông người anh lồng lộng...

Sau khi Là xách cả bao mì lách cửa ra đi, tôi miên man nghĩ đến nhiều điều : thật, giả, đúng, sai trong cuộc sống. Rồi cái trước mắt tôi không quên được và tự hỏi :

– Mai ăn ở đâu nhỉ ?

Một tia sáng loé ra. Yên chí rồi. Ta sẽ đến ăn nhà bệnh nhân bán cơm lậu phố Bảo Khánh.

Bẵng đi gần hai tuần.

Tôi cũng chẳng còn nghĩ đến mấy cân mì nữa.

Một buổi tối, vừa đi ăn cơm về có tiếng gõ cửa. Cánh cửa vừa hé, thấy Là, tôi sững người.

– Gạo em mang ra cho anh, mệt quá em không thể xách vào được, còn để ngoài kia.

Tôi chạy ra.

Một tải gạo, một quả mít, một con gà mái. Là đon đả nói :

– Em lo quá. Không biết mấy hôm vừa qua anh lấy gì mà sống. Em phải xin giấy Uỷ ban, nói dối là, mang gạo ra cho bà thím đi đẻ không ăn được mì. Giấy chỉ được phép có năm cân. Em mang cho anh gần một yến đấy. Gạo ngon lắm. Mẹ em bảo mang quả mít ra và biếu anh một con gà. Cái Lượt nó nuôi đấy. Mẹ em còn muốn hôm nào mời anh về chơi. Em nói anh là bộ đội ở đại đoàn Ba, mẹ em quí lắm. Những anh ở đại đoàn Ba về chơi luôn đấy. Đơn vị thường cho người mang tiền về giúp đỡ gia đình.

Người tôi nóng ran, mặt rát, cổ họng ấp úng, hai chân như khuỵu xuống và tôi nói thầm với Lân :

– Anh chết rồi, con gái anh đang đứng trước mặt tôi, ngay trước mắt...

Tôi lấy ống tay áo lau đi dòng nước mắt của mình và cố giấu mặt vào bóng tối trước mặt con gái người bạn chiến đấu của tôi.

Tháng 6.1972

Phan Thanh Hoài

(trích từ tập truyện ngắn ***Chuyện bên hồ Quỳnh***, nxb. Hà Nội, 1993).

DIỄN ĐÀN FORUM ◆ Boîte Postale 50, 92340 Bourg-La-Reine (France) ◆ Fax (33 1) 45 88 54 58 ◆ Imprimé par nos soins
Directeur de publication : Hà Dương Tường ◆ Dépôt légal : 178/91 ◆ Commission paritaire : AS 7 324 ◆ Prix : 25 FF